



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

Cao Đài Giáo Lý

HẠ KỶ HỢI 2019
147



NHÀ XUẤT BẢN
TÔN GIÁO

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

“Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý không phải là một chi phái, cũng không phải của một cá nhân nào, hay một đoàn thể nào, mà phải là của toàn Đạo, một nhịp cầu nối liền tình huynh đệ, một điện đài thâu và phát những động năng thúc đẩy cho sự thống nhất giáo lý, tức là tinh thần vậy; để các con sẽ gặp nhau, quy nguyên ở vị trí duy nhất, tri và hành theo chánh pháp của Đại Đạo.”

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế
kim viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương,
Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Tỵ, 15-02-1965.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

Hạ Kỳ Hội 2019 – 147

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo
171B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh,
Quận 1, TP. HCM

Nhà xuất bản Tôn Giáo – 2019

CAO ĐÀI GIÁO LÝ HẠ KỶ HỘI 2019 – 147

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

Chú thích ảnh bìa 4:

Ảnh 1: Thượng Đạo Kỳ bên trong Bửu Điện CQPTGLĐĐ

Ảnh 2: Hộp Hội Đồng Tam Cá Nguyệt tại Thư viện CQPTGLĐĐ

Nhà xuất bản Tôn Giáo

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

(04) 37 822 845 – fax: (04) 37 822 841

nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc – Tổng biên tập: TS. Bùi Thanh Hà

Biên tập: Lê Hồng Sơn

Trình bày & kỹ thuật: Bộ phận dàn trang

Sửa bản in: Đạt Tường & Diệu Nguyên

Đơn vị liên kết

Ông Trần Quang Dũng (Thiện Hạnh)

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

171B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. HCM

Số lượng in: 500 bản, khổ 145 x 205 mm, tại xí nghiệp in Fahasa. 774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. HCM. (08) 38 153 971 – Fax: (08) 38 153 297. Số đăng ký xuất bản: 431-2019/CXBIPH/12-13/TG. Mã ISBN: 978-604-61-6140-0. Quyết định xuất bản số 281/QĐ-NXBTG, ngày 29/07/2019. In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2019.

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

Hạ Kỳ Hội 2019 – 147

Bài vở thư từ xin gửi về

Đạo tử Diệu Nguyên

171B Cống Quỳnh

phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp.HCM

0907 32 66 53

dinhthithanhmai@gmail.com

Ngân phiếu, tài chánh chung sức thực hiện

xin gửi về

1. Tên TK: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

Số tài khoản: 13303580001

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn (SCB)

chi nhánh Cống Quỳnh

2. Tên TK: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

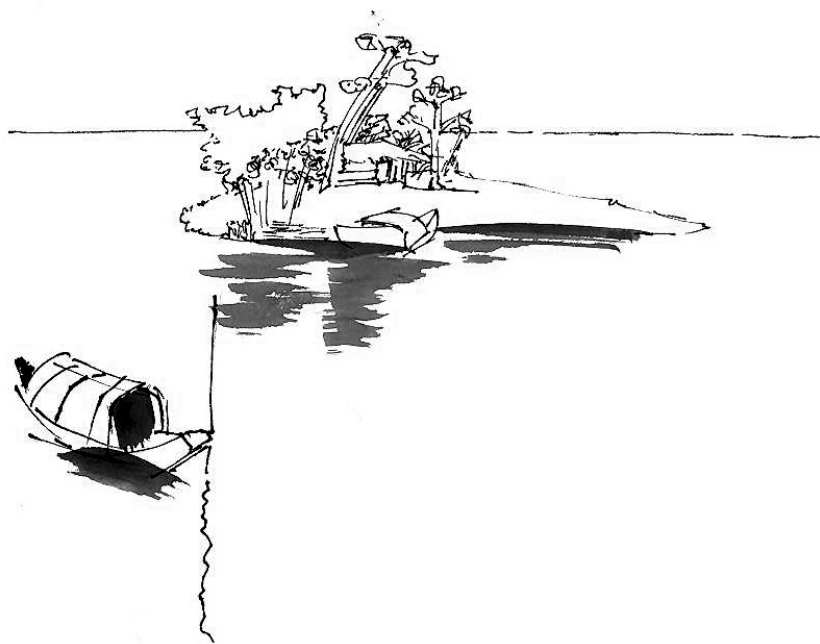
Số tài khoản: 3357237

Ngân hàng Thương Mại Á Châu (ACB)

chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Sách ấn tống

Không bán



mục lục

- 10 Suy ngẫm:
Thầy là bản thể của chúng sanh
Cao Đài Giáo Lý
- 14 Trích lục Thánh giáo:
“Hành tròn sứ mạng vị ngôi trở về”

- 18 Trích lục Thánh giáo:
“Cần phải thấu triệt chơn lý tuyệt đối của Đạo”
- 21 Trang Thánh giáo song ngữ:
Heart – Chữ Tâm (tiếp theo kỳ trước)
Ban Dịch thuật VHV
- 31 Tìm hiểu Thánh giáo Chiếu Minh
Quách Hiệp Long
- 44 Tân Pháp Cao Đài là Pháp Môn Đại Ân Xá
Thiện Chí
- 48 Quyền Pháp trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
Giáo Sĩ Diệu Như
- 83 “Dân Nam sứ mạng Cao Đài,
Năm châu bốn bể hòa hài từ đây”
Quách Hiệp Long sưu tầm
- 88 Thiên Đạo giải thoát
Hồng Phúc
- 115 Làm sống lại tinh thần đạo đức bất biến
Diệu Nguyên
- 126 Thời cơ tiến hóa
Đồng Tâm – Đồng Tiến
- 141 Học tập Hạnh lắng nghe của Đức Quan Âm Bồ Tát
Xuân Mai
- 152 An định nội tâm
Đạt Thật

- 159 Những mẫu chuyện từ cơ bút (tiếp theo kỳ trước)
Đạt Trường sưu tầm
- 163 Thánh Thất trường Đạo giáo dân
Đồng Tâm – Đồng Tiến
Trang thơ:
- 182 Vô Trần
Hương Nguyệt
- 183 Về
Bửu Long
- 184 Có một văn bản lịch sử trong đạo Cao Đài
về cách lạy thường cúng Tứ Thời
Đạt Trường & Ngô Chơn Tuệ
- 190 Thiên sư Thần y Tuệ Tĩnh và tấm bia khắc lời nhắn gửi:
'Ai về nước Nam cho tôi về với'
Nguyễn Phong
- 196 Đọc báo:
Nhiều điều chưa biết sau vụ Thánh đường
Notre Dame de Paris bị thiêu hủy
GS-TS Trần Quang Hải
- 202 Ca cổ:
Tình đồng đạo
Đạt Thật

- 206 Trang sức khỏe:
Những cách hạ huyết áp đơn giản,
hiệu quả, an toàn mà không cần dùng thuốc
Vân Hồng – V.T. sưu tầm
Trang gia chánh:
- 212 Miến trộn Hàn Quốc
Hồng Tuyết
- 214 Xà lách dưa leo kiểu Nhật
Hồng Tuyết
- 215 Theo dòng Đạo sự
Thanh Hiến và Diệu Thuận
- 218 Trang truyện tranh:
Ngài Ngô Văn Chiêu:
Môn đệ đầu tiên của Cao Đài (kỳ 14)
Lời: Bửu Long • Vẽ: Cọ Trắng

Đính chính

Cao Đài Giáo Lý Xuân Kỷ Hợi 2019 (146), trang 156, dòng 4.

Xin sửa lại là:

“**Người** con, **người** của Thầy sai xuống trần.”

Thành thật cáo lỗi cùng quý độc giả.

SUY NGÃM

Thầy là bản thể của chúng sanh

Cao Đài Giáo Lý

Thánh ngôn:

“Thầy đã từng dạy các con: Thầy sanh trưởng bảo tồn các con. Thầy đến nước Việt Nam này mở đạo dạy dỗ các con, Thầy không đòi hỏi các con phải làm những gì đem lại riêng tư cho Thầy, Thầy luôn luôn dạy các con phải thực hành đạo lý cho các con cái của Thầy, nghĩa là phải giác ngộ cho nhau, thương yêu dạy dỗ, đùm bọc cho nhau, bảo tồn cho nhau để cùng nhau được sống trong cảnh thái hòa, cùng hưởng hạnh phúc với nhau mãi mãi, chớ không được thù hằn ganh tị, ghen ghét hại nhau rồi tự diệt nhau, vì các con là một trong vạn vật chúng sinh mà vạn vật chúng sinh là bản thể của Đạo, mà bản thể của Đạo tức là bản thể của Thầy. Các con có thương nhau tức là các con đã thương Thầy. Nếu các con ghét nhau, chính là các con ghét Thầy. Mà Thầy có bao giờ làm gì đến nỗi để các con ghét Thầy, có phải vậy hôn các con?”¹

Danh từ “bản thể” thường dùng để chỉ cái gốc chung nhứt, từ đó mọi hiện tượng, mọi vật thể được sanh ra và phát triển thành vô vàn hình thái, nhưng vẫn luôn luôn ẩn tàng phẩm chất của bản thể. Ví như nước biển là bản thể của hơi nước, của mây, của

1. Đức Chí Tôn, Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, 14-7 Kỷ Dậu (26-8-1969).

nước mưa, của suối, sông rạch...

Trong mỗi sinh vật, cái phôi đầu tiên là bản thể của tất cả các tế bào, của tất cả các mô, các cơ quan trong cơ thể sinh vật đó.

Nhưng xa hơn nữa, bản thể của vũ trụ vạn vật là gì?

Bản thể vũ trụ vạn vật đã có từ lúc vũ trụ chưa hình thành, vạn vật chưa phát sinh, là Tuyệt đối thể. Phật gọi là Chân như. Lão gọi là Hư vô (Đạo). Dịch gọi là Vô cực.

Đức Nam Hải Ngạn Thượng Quan Âm Như Lai dạy:

“Ngày nào nhân loại tìm hiểu, nhìn nhận lẽ Đạo, không còn phân chia nhĩ ngã, không còn phân biệt đạo này, tôn giáo nọ, tất cả chúng sanh từ nhân loại đến thú cầm thảo mộc cùng đều chung một bản thể, mỗi một đơn vị cá nhân, cá tính, cá vật đều là một phần tử của đại toàn thể hay là của Đạo, chừng đó may ra nhân loại mới thấy được yển sáng Đạo lóe ra trong tâm thức mà tìm mối phăng về cùng khối Đại Toàn Thể.”²

Đức Đông Phương Chưởng Quân dạy:

*“Người là bản thể của thiên nhiên,
Hữu hữu vô vô diệu diệu huyền,
Tuy ở hồng trần đừng dấy bợn,
Không ham phạm thể đấng Chơn Tiên.”³*

Nhìn lại lịch sử nhân loại song song với lịch sử các tôn giáo, ta thấy chỉ trong thời Tam Kỳ Phổ Độ mới có sự hi hữu là Đức Chí Tôn thân hành mở đạo phổ độ quần sanh.

Ngài là “Tột đỉnh” của “Nhất nguyên”. Sự lâm phạm của Ngài

2. Đức Nam Hải Ngạn Thượng Quan Âm Như Lai, Thánh Bộ Từ Bi Thông Thiên Học, 01-4 Đinh Mùi (09-5-1967).

3. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Thiên Lý Đàn, 24-7 Bính Ngũ (08-9-1966).

là tất yếu cho thời kỳ “Quy nguyên phục nhất” khi thế gian đã đến giai đoạn cực kỳ phân hóa và ở bên thềm thoái hóa. Nhưng không phải Ngài đến để tỏ ra hiện hữu mà đến để thể hiện và thực hiện trọn đủ phạm trù: “Thượng Đế – Đạo – Chúng sanh”.

Phạm trù này vốn là chân lý muôn đời, nhưng hiện thực nó là sứ mạng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà đối tượng là toàn thể chúng sanh, cứu cánh là Thiên nhơn hiệp nhất, pháp môn là giáo lý thuần nhất của Đại Đạo.

Vậy việc giảng trần mở Đạo của Đức Thượng Đế là một dấu ấn của Tam Kỳ Phổ Độ, thiếu dấu ấn đó, Kỳ Ba không còn thực chất Đại Đạo.

“Chính mình Thầy đến chốn Nam bang,

Mượn đất đem gieo mối Đạo vàng.”⁴

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, lý đạo CHÚNG SANH = ĐẠO = THẦY = BẢN THỂ là một nguyên lý hết sức đặc biệt thuộc cơ Cứu Độ Kỳ Ba. Vì nó bao gồm những xác tín:

- Xác tín bình đẳng giữa chúng sanh trong vũ trụ,
- Xác tín chúng sanh là thực thể của Đạo,
- Xác tín Thượng Đế là động năng tuyệt đối của Đạo,
- Xác tín tổng thể Càn Khôn vũ trụ bao gồm Thực tại vô hình và Thực tại hữu hình mà BẢN THỂ là nguyên lý Hằng hữu và Tương quan bất tuyệt giữa Chúng Sanh – Thượng Đế và Đạo.

Vậy, đoạn Thánh ngôn: “Các con là một trong vạn vật chúng sanh mà vạn vật chúng sanh là bản thể của Đạo, mà bản thể của Đạo tức là bản thể của Thầy”⁵ có thể phát biểu như một kết đề:

4. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 14-01 Bính Ngọ (04-02-1966).

5. Đức Chí Tôn, Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, 14-7 Kỷ Dậu (26-8-1969).

THẦY LÀ BẢN THỂ CỦA CHÚNG SANH

Suy niệm kết đề này, chúng ta càng nhận thức được ý nghĩa đặc biệt của sự kiện lịch sử “Chính mình Thầy mở Đạo”, nhận thức được Sứ mạng Đại Đạo trong Tam kỳ Phổ độ. Và nhất là biết được thực chất của chúng sanh, từ đó suy ra thực chất Thượng Đế là ai. Cuối cùng quy chiếu những nhận thức ấy vào sáu chữ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ.

Nếu quy chiếu Nguyên lý “Thượng Đế = Đạo = Chúng sanh = BẢN THỂ” vào Sáu chữ “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”, chúng ta có thể phân tích:

– Hai chữ “ĐẠI ĐẠO”: không đơn thuần có nghĩa con đường lớn, mà là Thực Tại vô biên bao gồm Bản thể của Thượng Đế, Bản thể của chúng sanh và Nguyên lý vận hành hóa sinh vũ trụ vạn vật. (Đạo)

– Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Quyền năng Thực Tại vô biên cứu độ nhân sanh vào thời kỳ thứ ba trong đại chu kỳ tiến hóa của vũ trụ theo Thiên cơ.

Nên khi dạy về Thiên mạng của con cái của Thầy, Thầy có Thánh huấn như sau:

“Con ôi! Tạo Hóa đã sắp bày vũ trụ, tất nhiên lẽ sanh diệt cũng phải là tiền định của Thiên cơ. Nhưng nếu các con hiểu Thầy là một hư vô chi khí, Thầy là linh tâm của chúng sanh, Thầy vẫn ngự trị tất cả vạn loài trong thế giới, thì chúng sanh tức là Thầy, dầu bốn mùa tám tiết có đổi thay, các con vẫn vững bền như tòng bá...”⁶

6. Hườn Cung Đàn, 01-01 Nhâm Dần (04-02-1962).

TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO

“Hành tròn sứ mạng Vị ngôi trở về”

Huờn Cung Đàn

Tý thời, 08-4 Nhâm Dần (10-5-1962)

THI

THANH thanh thượng giới lạc nhàn thay!

VẬN động hà phanh trợn thảng ngày;

ĐỒNG hiệp vững cầm thuyền Đại Đạo,

TỬ cầu đắc pháp buổi tương lai.

Tiểu Thánh chào chư Thiên mạng, chào chư liệt vị đàn trung.

Tiểu Thánh vâng lệnh Bồ Tát giáng đàn chính nghiêm, chư Thiên mạng khá thành tâm tiếp nghinh.

TIẾP ĐIỂN

THI

MỤC thị trần ai khổ lụy thân,

KIỀN thiền tu niệm kệ kinh tầm;

LIÊN hoa đắc quả linh đơn tựu,

GIÁNG chỉ chúng sanh khả tịnh tâm.

Bổn Sư mừng các môn đồ Thiên mạng. Miễn lễ, các môn đồ tịnh tọa. Giờ nay, Bổn Sư thừa lệnh Thích Ca Mâu Ni giáng đàn để chứng lòng thành của các môn đồ cùng ban ơn phước cho các

môn đồ được vững tiến trên bước đường quy nguyên Đại Đạo.

Đời đã lâm vào nẻo diệt vong, đạo cần phải sớm tìm phương
dược tối linh để cứu chữa những sự đau khổ của toàn linh sanh
chúng. Trong giờ phút nghiêm trọng này, các môn đồ hãy mau
làm tròn sứ mạng của môn đệ Chí Tôn.

BÀI

Thế gian là con đường trả quả,
Luật luân hồi hai ngã xuống lên,
Trần ai, ai đã chí bền,
Tu tâm dưỡng tánh được lên thiên đàng.
Tam quy trọn mới an phận sự,
Ngũ giới tròn lánh dữ theo lành,
Một lòng lóng đục tầm thanh,
Noi theo kinh điển đắc thành huyền cơ.
Thân trần trước tuy như tuy bản,
Nhưng biết phương hướng dẫn tập tành,
Minh sư chỉ dạy đành rành,
Tham thiền tịnh định đắc thành trường sanh.
Muốn như vậy nên thanh tâm trước,
Kế, ý tua gìn chước lạng yên,
Cùng thân dục giới cử kiêng,
Hườn tinh hóa khí hiệp liên ra thần.
Phần luyện đạo thì sân si bỏ,
Nếu vương mang thật khó mà nên,
Sân thì hỏa trận nổi lên,
Đốt cho khô cạn tiêu nền linh đơn.
Vì vậy Phật, tánh hơn người tục,
Từ bi tròn, lục dục trừ xong,

Đó là khổ luyện thành công,
Đem ra truyền giáo khắp trong hoàn cầu.
Tu từ bước khá âu lo vững,
Đừng coi thường hờ hững không xong,
Dục tốc bất đạt ghi lòng,
Từ từ luyện tập mới mong vuông tròn.
Nhơn đạo giữ sắt son vẹn phận,
Thần đạo gìn tinh tấn trung cang,
Thánh đạo chánh đại mọi đàng,
Tiên đạo thường tập thanh nhàn lặng yên.
Phật đạo luyện thoát miền nhân quả,
Cho kiếp trần khỏi trả khỏi vay,
Sớm hôm tịnh định hằng ngày,
Chờ khi chứng quả liên đài lần lên.
Lời lành để khuyên trên dặn dưới,
Nước Ma Ha ráng tưới lửa lòng;
Sớm chiều tịnh định gia công,

Thiếu nền âm chất khó hòng vị ngôi.
Chung sức nhau tô bồi công quả,
Bước hành trình một dạ sắt đĩnh,
Công phu, công quả, công trình,
Ba công đầy đủ chơn linh phi đẳng.
Giờ thỏn mỗn cố phăng học lý,
Chúc Phổ Thông Giáo Lý khắp cùng,
Liên quan đạo đức hòa chung,
Dưới trên đồng thể con chung một Thầy.
Lời đã cạn liên dây cho chặt,
Nghĩa đại đồng Nam Bắc đừng lời,
Đạo tâm một kiếp chớ rời,
Hành tròn sứ mạng vị ngôi trở về.
Giờ lành Bần Sư để lời dạy chung các môn đồ Thiên mạng
cùng ban ơn lành cho các môn đồ được nhiều đức tin vững tiến
trên đường tu công bồi đức. (...)
Bần Sư ban ơn lành toàn tất, hồi cung. Thăng.

“Cần phải thấu triệt chơn lý tuyệt đối của Đạo”

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý

Tuất thời, 15-4 Giáp Dần (06-5-1974)

VẠN HẠNH THIÊN SƯ. Chào chư Thiên ân hướng đạo, chào chư đạo hữu nam nữ. Sau giờ tịnh tọa, nhìn đến cõi trần gian thấy có nhiều ánh hồng quang đang ẩn hiện mờ ảo trong ác khí âm u. Nhân giờ đàn lễ, Bàn Tăng quá bước tạm linh cơ tìm người có căn nguyên giác ngộ độ dẫn kết hợp đạo màu cùng giải thoát vạn linh ra vòng khổ nạn. Mời chư liệt vị đồng an tọa.

THI

Ta đến trần gian với tấc lòng,
Lòng thương sanh chúng cảnh nguy vong,
Khêu từng đuốc tuệ trong nhân bản,
Soi sáng đêm đen rọi ánh hồng.

Hôm nay là ngày được thiết lễ đản sanh của Đức Thế Tôn trong Tam Giáo Đạo Tổ. Với cương vị một thiên sư, Bàn Tăng xin đem ý thức về chơn lý Đạo giúp cho chư đạo hữu được tinh tấn thêm trên đường tu niệm.

Chư đạo hữu đã qua những cuộc thăng trầm bĩ thối của kiếp sống nhơn sinh, đã nhận xét nhiều rồi, mọi cảnh giả trần đang diễn biến. Có nhận xét, chư đạo hữu mới tìm một lối đi, một hướng tiến cho chính mình trong chơn lý Đạo. Ngoài hình thức thông thường của mọi tổ chức tôn giáo, còn điều quan trọng nhất là Đạo, là tâm linh. Đạo có hiện bày thật tướng cứu cánh là do tâm linh bừng tỉnh được giấc ngủ tự năm nào nơi bến khởi nguyên. Tâm linh có bừng tỉnh mới nhận định được điều quan trọng của kiếp sống nhơn sinh. Nhơn sinh vào đời là vào trường tiến hóa cho vạn vật vạn linh. Vào đời là vào trong luật tắc vận hành của Đạo, của Tạo Hóa. Có vận hành trường dưỡng, có un đúc trui rèn thì con người mới trở nên hàng siêu nhơn thánh triết, nên bậc Phật Tiên. Các giá trị ấy đều do Đạo mà có. Đạo tuy vô vi mà hằng luân động trong cái to tát như vũ trụ, nhỏ như hạt vi trần. Do đó người học Đạo chơn tu, bậc Thiên ân hướng đạo cần phải thấu triệt chơn lý tuyệt đối của Đạo để quyết định cho đời một hướng tiến tới đích của giá trị nhơn sinh. Phật đã bảo: “Chúng sanh là Phật chưa thành” và bảo với A Nan tại Trúc Lâm Thôn về ý chí hậu đại cho Đạo là chơn lý tự quán. Phật là ai? Như Lai là thế nào? Có phải là Thái Tử Đạt Ta và Xá Lợi Cốt không? Phải mà không phải. Bởi chính đó mà không phải đó, mới thật là đó. Phật cũng bảo: “Nhược dĩ sắc tướng âm thanh cầu ngã, thị nhơn hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai”.¹ Đó là chơn lý tự nó

1. Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhơn hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai. 若以色見我, 以音聲求我, 是人行邪道, 不能見如來。(金剛經): Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, người ấy hành đạo tà, không thể thấy Như Lai. (Kinh Kim Cang)

phủ nhận chơn lý. Đạo vô vi, đời vô thường, thế mà các Đấng đã đạt được lý vô vi và vô thường để sống hằng thường trong mọi cái hữu vi. Đó là phi thường, chánh đẳng, chánh giác vậy. Chính Bần Tăng ngộ nhập được chơn lý ấy để xuất thế, thoát trần tiêu dao tự tại và cũng chính chơn lý ấy mà có lần phải nhập thế xây dựng triều đại thanh bình cho nước nhà dân tộc.

Chư đạo hữu! Chư Thiên ân hướng đạo và dân tộc này được ơn Thượng Đế, được ơn ban quyền pháp Đạo giữa thời buổi loạn ly tang tóc, tất phải ý thức đến trách nhiệm đương vi nội tu ngoại tiến, nhứt tề làm động năng thúc đẩy tinh thần tập thể giác ngộ được chơn lý đơn thuần thì người sẽ tự cầm lấy đuốc mà soi đường, tự khơi dòng nước bản thể lưu thông về đại dương. Không những lý thuyết tư tưởng mà cần phải thực hành. Được như thế, nước nhà dân tộc này mới mong hoàn thành sứ mạng thiêng liêng để phục hưng thanh trị thì thế giới mới hòa bình.

(...)

Bần Tăng xin tạm biệt nơi đây, hẹn sẽ còn dịp gặp lại. (...)
Thăng.

TRANG THÁNH GIÁO SONG NGŨ

Heart – Chũ Tâm

(tiếp theo kỳ trước)

Ban Dịch thuật VHV

Huòn Cung Đàn,

Tý thời, 14 rạng Rằm tháng 5 Ất Ty (rạng 14/6/1965).

Huòn Cung Đàn,

On the eve of the 15th day of the 5th month of the lunar year Ất Ty (13-14/6/1965).

Thi:	Poem
Chũ Tâm luyện đặng sẽ thành ngay,	Having successfully cultivated the heart, enlightenment comes in no time.



Thành Phật, thành Tiên
một phút giây,

Chỉ ngại chữ Tâm còn tấn
thối,

Ngàn năm muôn kiếp
chuyển luân hoài.

Thi bài:

1. Chuyển luân hoài trả vay
vay trả,

Kiếp luân hồi buồn bã ai ôi!

Nếu khi hiểu rõ được rồi,

Sớm lo bương trả quả nhờ
nghiệp duyên.

2. Một kiếp sống ở yên trần
thế,

Hỏi mấy ai bách tuế thiên
niên,

Sống trong cõi tạm triền
miên,

Tạm ăn, tạm ở, tạm duyên
nợ đời.

Becoming Buddha,
Immortal in a second,

The only fear is that the
heart is still in progress and
regress,

For ever and ever does
transmigration recur.

Poem

1. Transmigrating
unceasingly to bear the
consequences of one's deeds,

So melancholy is the
transmigration life, alas!

Once it is clearly
understood,

In a hurry, pay all the
Karmic causes the soonest

2. A calm life spending in
this world,

Just ask how many persons
can reach a hundred, a
thousand years,

Living in this fleeting and
inextricable world,

Eating, dwelling, fate are
ephemeral

3. Tạm thân xác ba hơi còn
thở,

Tạm cha con chồng vợ chị
anh,

Tạm trong cái bại, cái thành,

Cái quyền, cái chức, cái
danh, bạc tiền.

4. Tạm kêu gọi rằng tên Y, X,
Có ai tường tên thiệt mình
chẳng?

Sống trong vũ trụ trần
hoàn,

Kiếp người hột cát so hàng
cồn to.

5. Mãi lặn hụp trong lò luân
chuyển,

Một kiếp người tai biến
biết bao,

Hỏi coi những hạng sang
giàu,

Xe hơi, tàu lớn, nhà lầu, cửa
kho.

3. The transient body is
still breathing,

The ephemerality of
father and children, husband
and wife, elder brother and
sister,

The transience of failure,
success,

Power, rank, fame, riches.

4. Temporarily called Y, X,
Does anyone know their
real name?

Living in the world of
mortals,

Human life is a grain of
sand compared to a sandbank.

5. Increasingly immersed
in the crucible of revolution,

No one ever knows how
many disasters there are in a
human life,

Let's ask the honorable and
rich,

Cars, big ships, storied
houses, immeasurable wealth.

6. Hỏi ai được khỏi lo, khỏi
sợ?

Hỏi ai không mang nợ trần
gian?

Hỏi ai có được thập toàn?

Hay là cũng cảnh rộn ràng
bối bê?

7. Cảnh ghen tức phu thê
nem chả,

Cảnh bạc bài gây họa gia
cang,

Cảnh bán chức, cảnh mua
quan,

Cảnh đương nghèo túng
giàu sang tức thì.

8. Người tu niệm xét suy
cho kỹ,

Một kiếp người bèn bĩ bao
năm,

Quả công tua sớm nên làm,

Đó là vốn liếng muôn năm

6. Who does not have worry,
feel fear?

Who is not indebted to the
land of the mortals?

Who has reached
perfection?

Well, a busy and disorderly
life as well.

7. Fits of jealousy of
husband and wife committing
adultery,

Gambling causing
catastrophes to families,

Selling position,
purchasing rank,

Being in needy situations,
becoming honorable and rich
at once.

8. The practitioner of the
Dao should think deeply,

No one ever knows how
many years a lifespan of a
human lasts,

Do perform deeds of merits
the soonest,

The resource for eternity

cõi Trời.

Thế theo sự nguyện cầu của tam hiền đệ nơi Hội Thánh Tam Quan, Bàn Đạo lấy danh nghĩa Tam Trấn Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chứng cho lòng nhiệt thành lo đùm bọc đệ huynh trong hồi khốn khó.

Bàn Đạo cũng chứng công quả cho chư hiền sĩ, hiền muội nơi Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý vừa đáp ứng sự nhu cầu cần thiết đó. Bàn Đạo khuyến chung chư hiền sĩ, hiền muội xa gần, tịnh thất, chớ bỏ qua cơ hội, đó là móc nối được khớp liên giao hành đạo cho buổi tương lai.

Thế theo khẩn cầu của hiền sĩ Chơn Quang, vậy hiền sĩ nghe đây:

in heaven.

In answer to the prayer of the three young brothers at Hội Thánh Tam Quan (Tam Quan Cao Dai Church), I, Poor Monk, in the name of the Three Governors of the Great Way for the Third Salvation, acknowledge the deep favor to provide for brothers in the time of need.

I also recognize deeds of merits of all virtuous younger brothers and sisters at the Organ for Universalizing CaoDai Teaching who have just met this essential need. I also advise that all younger brothers and sisters from near and far, meditation houses, not to shut your eyes to this opportunity. This is the religious link in the joint practice of the Dao in the future.

In response to virtuous brother Chơn Quang's supplication, listen:

Nơi Tân Thành an tâm cư
ngụ,

Cùng đệ huynh nhiệm vụ
thi hành,

Chung tay gầy dựng tạo
thành,

Sớm nên cơ sở đạo lành
phô trương.

Hiền sĩ khá liệu lòng tài
đức,

Mà chung công góp sức vào
đây,

Vô tư mới gọi là hay,

Nghĩ vì Đạo cả nơi đây là
hành.

-

An Tọa.

Thừa lệnh Tam Giáo Tòa,
Bản Đạo truyền lệnh cho Bộ
phận Hiệp Thiên Đài Phổ
Thông Giáo Lý vưng lệnh lập
đàn cơ vào Tuất thời, nhị thập
nhật, ngũ nguyệt, tại Thiên Lý
Đàn. Riêng phần Kim Quang

Feel reassured to dwell in
Tân Thành,

Together with elder and
younger brothers, carry out
the duties,

Get together to build up
and create the soonest,

An establishment for the
Dao to develop.

You should weigh your
capacity and virtue,

To join the effort and work
together,

With fairness to be most
worthy of merit,

When carrying out your
mission, think of the Dao in
this region.

-

Be seated in the posture of
meditation.

At the behest of the Court
of the Three Religions, I order
the Legistive Body (Bộ Phận
Hiệp Thiên Đài) of the Organ
for Universalizing Cao Dai
Teaching to organize a seance
from 7 pm to 9 pm on the 20th

hãy ứng hầu đấng linh.

Hỡi chư hiền sĩ, hiền muội!
Cơ đạo hiện giờ tùy theo sáng
kiến của đệ huynh, chung tay
xây dựng cơ quan đạo nơi này.

Không nên nê chấp vì danh
từ. Danh từ chỉ là hình thức
xưng hô, tùy thời biến chuyển,
song song với nhu cầu của
tinh thần chi phái đạo. Sự thật,
danh từ nào cũng là giả cả. Chỉ
tạm mượn mà gọi để thi hành
cho kỳ được mục tiêu Đại-
Đạo đó thôi. Công quả hiền sĩ
hiền muội nơi này đã nhiều
rồi, mặc dầu chưa toại thành
sở nguyện, chớ vội nản lòng.
Vì chư hiền chỉ biết ngày nay,
mà không biết ngày mai cùng
tháng tới. Nhìn gương Tái Ông
thất mã mà an phận hành đạo.

of the 5th month at Thiên Lý
Đàn. Kim Quang, in particular,
be in attendance and wait for
order.

Oh, virtuous brothers and
younger sisters! Nowadays,
the mechanism of the Dao
relies upon the initiative of
you all to join hands and build
the Religious Organ at this
place.

Do not be preconceived
about terms. Terms used
are only a form and are
changed in accordance with
circumstance along with
the spiritual need of the
branch of the Dao. In fact, any
term is false. They are used
temporarily only to fulfill
successfully the aim of the
Great Way. Deeds of good
merit of all of you at this place
are plenty already. Although
the aspiration is not realized
yet, there is no hurry to
feel disappointed since you
all know about the present

Cần nhớ điều này: Trời có Xuân Hạ Thu Đông, mưa gió cũng tùy theo luật bốn mùa tám tiết.

Người sứ mạng hành đạo hãy nương theo đó, chớ không nên hành từng giai đoạn. Hướng đạo là tay cầm nước cờ, phải nhìn xa năm bảy nước, chớ nóng lòng chiếu bí, lỗ vận không nên. Điều căn bản là dụng đức dung hòa, để gặp thời cơ thuận buồm thẳng gió.

Hôm nay Bàn-Đạo rất vui nhìn thấy tinh thần đạo đức gắn bó của chư hiền sĩ, hiền

only, not about the next day and next month. Look at the example of “Tái Ông losing his horse” to accept calmly the destiny and practice the Dao.

You should remember this, Nature has spring, summer, autumn, winter, rains and wind also depend on the law of the four seasons and eight periods of time.

A heavenly commissioned person should rely on nature to practice the Dao continuously, but not periodically. A scout is the one who has chess moves in hands, knows five, seven moves in advance, who should not be impatient to checkmate the opponent and should not miss the chance. The basic point is to use the virtue of harmony to meet the opportunity to sail with the tailwind.

Today, I, Poor Monk, am very happy to see the good moral conduct and

muội các nơi về đây chung
dưới mái Thánh-Đường. Bần-
Đạo mong cho lòng đạo ấy mãi
mãi càng gia tăng để chung lo
xây dựng Đạo Trời trong thời
buổi chót của ngươn Hạ.

Thi:

Điễn lành ban bố nữ cùng
nam,
Công quả độ nhơn rắng
rắng làm,

Chèo chống thuyền từ qua
biển loạn,

Mặc dầu sóng gió phải cho
kham.

Thi:

Cho kham mới gọi đứng
nhân hiền,

Tài đức chung nhau chữ cố
kiên,

attachment of all virtuous
men and younger sisters
coming from other regions to
assemble here under the roof
of the Holy House. I hope that
the religious spirit continues
to improve more and more
to join hands and establish
together the Heavenly Dao in
the last period of the Era of
Destruction and Re-creation.

Poem

Bestowing kind-hearted
energy to females and males,
Exert yourselves to
perform merits of saving
humans,

Row and punt the boat of
love across the raging sea,

Be it that it is tempestuous
you must go through.

Poem

To endure is the distinction
of a person of virtue,

As being talented and
virtuous, make every
endeavor and keep patience

Việc khó ráng làm công
mới đáng,
Đêm tàn nhựt lộ ở bên hiên.

Ngâm:
Ban ân toàn thể chư hiền,
Chữ Tâm gìn giữ cho siêng
hằng ngày.
Nghĩa nhân công quả cần
chuyên,

Cho qua buổi khổ nên hiền
nên nhân.

Xả đàn đồng-tử dưỡng
thần,
Điển linh vội rút, cõi trần
lui chơn.

Thăng...

to stay together,
Strive to carry out difficult
task to deserve reward,
As the night wears on, at
the porch emerges the sun.

Reciting.
Blessing on you all,
Every day, keep improving
your heart diligently,
Apply yourselves to
doing good deeds of merit of
humaneness,

So as to pass through the
suffering times and become
virtuous and humane,

Closing the seance for the
medium to recover,
Sacred energy promptly
withdraws and leaves this
world.

Ascension.

Tìm hiểu Thánh giáo Chiếu Minh

Quách Hiệp Long

Chiếu Minh hay Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi do Đức Ngô Minh Chiếu (1878–1932) sáng lập, là con đường tu luyện về tâm truyền thuộc cơ Tuyển Độ cho những bậc đã có tạm đủ Công Quả để bước vào ngưỡng cửa Đại Thừa Đốn Giáo lo công phu tu luyện nhằm tạo nhị xác thân Tinh Khí Thần hiệp nhưt, thoát kiếp luân hồi. Phải trường chay, tuyệt dục. Phải có chí lớn, tâm lớn, cương quyết đi cho trọn con đường “Tự giác giác tha” hay “Chánh kỹ hóa nhân”.

ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO

Vào đầu quyển Kinh, có hai câu đối:

*“CHIẾU sắc ĐẠI THỪA quy bốn tánh,
MINH truyền CHƠN GIÁO hiệp nguyên căn.”*

Xin tạm giải nghĩa:

- Chiếu theo sắc lệnh của Trời, lập bậc Đại Thừa cho những ai tu hành chơn chánh quay về bên trong để thấy được bốn lai diện mục tức chơn tâm của mình (kiến tánh) mà đạt Đạo.
- Truyền dạy rõ ràng, sáng sửa mỗi Đạo chơn chánh nhằm quy

hiệp các nguyên căn¹ trở về ngôi xưa vị cũ nơi chốn thiên đình hay trở về Hiệp Nhứt cùng Thượng Đế.

Trong Thánh Tựa, xuất bản kỳ nhì, Đức Chí Tôn Cao Đài Thượng Đế dạy:

ĐẠI THỪA căn bản đạo huyền thâm,

CHƠN GIÁO tầm tu khỏi lạc lầm.

Kẻ trí xem qua tầng huệ trí,

Người mê đọc đến giám mê tâm.

Tầm chương giải thích chơn thường Đạo,

Trích cú ẩn vi pháp diệu thâm.

Kinh Thánh truyền ban người hữu hạnh,

Đắc truyền mới rõ máy cao thâm.

Đức Lý Thái Bạch Đại Tiên Trưởng giảng nghĩa bốn chữ ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO như sau: “ĐẠI THỪA là phương pháp tu luyện cao trỗi hơn mấy độ bậc tiểu thừa, để riêng cho hạng người chán đời tầm Đạo, thoát kiếp luân hồi, tầm nơi an nhàn, thanh tịnh là cảnh Bồng Lai. Những phép đại thừa đó thuộc về tâm pháp bí truyền, cái Thiên cơ bí mật của Thánh Nhơn khẩu khuyết tâm truyền để cho người tu cầu bất sanh bất tử.

CHƠN GIÁO là cái cơ siêu hình bày tỏ lẽ vô vi chơn lý, đem cái phép chơn thật mà dạy đời tu hành cho khỏi nghịch với Thiên cơ, phạm vào đường tội quá. Có chơn giáo là vì Tam Giáo đã thất chánh truyền. Ngày nay Đại Đạo phải phục hưng đem cái cơ mầu nhiệm để truyền dạy người đời được thoát kiếp trần ai mà đoạn

1. Chúng ta biết trong Tam Kỳ Phổ Độ này, còn 92 ức, tức là 9 triệu 2 trăm ngàn nguyên căn còn đắm say nơi cõi trần này. Trong bài Phật Giáo Tâm Kinh có câu: “Đạo Pháp trường lưu, khai cửu thập nhị tào chi mê muội.”

dứt mối dây luân hồi quả báo, lấp biển khổ đổ thành sầu, nhơn loại mới mong nhảy ra khỏi cái bầu tang thương biển cả được.”²

Đức Chí Tôn dạy về cách lập Đạo kỳ này như sau:

“Tam Giáo xưa kia lập Đạo, lúc ban sơ truyền bá cơ diệu lý quang minh, bắt từ chỗ vô vi khẩu thọ tương truyền, lần lần xuống thì trở ra hữu hình mà Đạo màu thất chánh, tâm pháp lạc sai, ấy là cơ Đạo đến thời kỳ cuối cùng của Tam giáo thất chơn truyền diệu pháp.

Còn Đạo THẦY lại trái hẳn với Tam giáo là bắt đầu truyền Đạo thì dụng hữu hình, lấy sắc tướng, âm thanh mà độ đời một cách lạ lùng, mau chóng. Và lại, Đạo THẦY bắt đầu do chỗ hữu hình mà truyền bá, rồi lần lần mới dẹp hết chỗ hữu hình mà đi đến chỗ vô vi, là cơ siêu phàm nhập thánh. Vậy thà trước dụng cơ hữu hình để phổ hóa cho cơ Đạo dễ lưu thông; rồi cứ đó mà dắt dẫn cho nó tấn hóa mãi trên đường cao thượng, riết đến chỗ không hư tức là vô vi thì đạo pháp mới phát minh, cơ diệu lý huệ tâm ứng lộ; thế là đạo THẦY không hư hoại đặng. Mà không hư hoại đặng là nhờ ở chỗ hữu hình đi lên riết đến tận vô vi. Còn Tam giáo xưa lại từ vô vi mà lần lần sa sụt xuống hữu hình mới thành đạo bể, rồi sai lầm ra ngoại giáo bàng môn.

Mà THẦY lập giáo kỳ này lại trái hẳn với nền cổ Đạo. THẦY chỉ dùng cái huyền cơ bí pháp mà truyền Đạo khắp dân gian. THẦY đem chơn pháp diệu huyền trao cho người luyện thành chánh giác thì phần bốn hườn nguyên. THẦY dùng huyền diệu cơ bút để hoằng khai cơ quan vô vi Đại Đạo. THẦY nhứt định không giao Thánh giáo cho tay phàm nữa, vì trước kia Tam giáo thất chơn truyền là cũng bởi Thánh giáo ở trong tay phàm, nên các con canh cải làm sai lạc pháp

2. Đoàn ngày 24-9 Bính Tý, bài “Giải nghĩa bốn chữ Đại Thừa Chơn Giáo”.

linh. Vậy Thiên thơ THẦY định ngày nay THẦY lập giáo như vậy:

1. Trên là dùng huyền diệu thiêng liêng mà bảo tồn cơ Đạo.

2. Dưới để tự THẦY định mới có thể chuyển hóa nổi nhơn tâm, đủ sức thần thông, vận hành chơn giáo, chớ nếu THẦY mà mượn xác thịt nặng nề thì làm sao biến hóa thiên hình vạn trạng mà phổ độ chúng sanh cho mau chóng nổi sôi, rần rộ được; chớ dùng huyền cơ bí pháp tất có thể lưu thông nháy mắt khắp mọi nơi. Nhưng THẦY cũng phải chịu nhọc giáng thế mượn xác phàm NGÔ MINH CHIÊU đặng THẦY đem cái chơn pháp tâm truyền mà trao lại cho các con để các con giữ gìn hầu có trao lại cho người thiện căn hữu phước. THẦY lại luyện cho các con thấy cái pháp bí diệu đó đặng rõ cơ mầu nhiệm siêu phàm, tạo Thánh thai, để cho linh hồn nương đó mới trở về chỗ hư vô hiệp với THẦY là nơi an nhàn khoái lạc. Xong rồi THẦY lại trở về đặng dùng huyền pháp thiêng liêng mà chuyển hóa chúng sanh tuyên truyền Chánh Đạo.

Tại sao THẦY đã nói không giao chánh giáo cho tay phàm và không xuất thế, mượn xác phàm như Tam Giáo, mà rốt cuộc THẦY cũng có xuất thế, cũng có trao chơn pháp cho các con? THẦY giải cho các con rõ: Nguyên Tam giáo ngày nay đã thất kỳ truyền, tôn chỉ lạc sai, cơ quan xiêu đổ, cho nên tu thì nhiều mà không ai thành chánh quả, vậy nên nay THẦY phải giáng thế mượn xác phàm đặng đem cái tâm pháp bí truyền ấy trao dạy cho chúng sanh để thoát vòng sanh tử. Nếu không mượn xác phàm mới làm sao mà trao cái bí pháp đặng cho các con. Hễ bí pháp thì khẩu khẩu tương truyền, tâm tâm tương thọ, không được thấu lậu ra cho ai hay biết đặng, hoặc tả vẽ, giải phân trên giấy mực hay là dùng cơ bút mà truyền bí pháp đặng.”³

3. Đàn ngày 25-9 Bính Tý (1936), bài “Chỉ ý thuyết minh”.

THẦY GIẢI SƠ VỀ NỀN TẢNG CAO ĐÀI ĐẠO GIÁO

“Đạo mầu một ngày một mở mang rộng lớn, người tu cũng thế. Luyện đơn nấu thuốc không phải một ngày một buổi chi mà thành, phải tận tâm trì chí cứ lo tu gom thần nhập định, bảo tinh, dưỡng khí, tồn thần, lâu ngày tụ kết lại thành nhị xác thân nhưng phải luyện cho đủ đầy ngày tháng, chớ đừng nóng nảy. Thí như cái cây, gieo hạt xuống, nứt mộng lên hai lá, lần lần đâm tọc nảy chồi, đơm hoa trở trái, là do nơi quyền luật thiêng liêng. Nó hấp thụ khí âm dương mà lần lần to lớn, chớ có ai làm cho nó lớn đặng và muốn mau trở trái đơm bông bao giờ? Xưa người nước Tống cấy mạ thấy lâu lên, nóng ra nhóm gốc cho nó cao thêm, không ngờ phải chết. Ấy là cái triệu chứng để cho các con noi đấy làm bằng, cứ lo tu tịnh đừng nhiều chuyện lảm lòi, tầm kinh điển đơn thơ, làm cho trí óc mờ hồ lộn xộn. Thánh Hiền xưa lấy [mượn] nhiều tên đặt để ra món này vật kia, muôn đường nghìn ngõ, nào là long hổ giáng thẳng, càn khôn giao hiệp, biết bao nhiêu là tên, người sau làm tượng mà làm sai quấy luôn.

Đạo THẦY không chi lạ: ÂM với DƯƠNG, THẦN với KHÍ; không ngoài ra lẽ đó. Các con muốn rõ Đạo thì dùng âm dương là căn cơ vậy.”⁴

CAO ĐÀI CHIẾU MINH TAM THANH VÔ VI ĐÃ THỌ PHÁP

Ngay trang đầu, có hai câu đối và một bài thi như sau:

*“Thương con THẦY lập Chiếu Minh,
Để truyền bí pháp, Ngọc Kinh trở về.”*

4. Đoàn ngày 01-9 Bính Tý (1936), bài “Nền tảng Cao Đài Đại Đạo”.

THI

*“Muốn thành Tiên Phật dễ gì đâu,
Thiếu chí đầu tu đến bạc đầu,
Lục đục, thất tình không đoạn tuyệt,
Kim đơn khó hiệp dựng minh châu.
Linh hồn chẳng tỉnh tri cơ Tạo,
Huệ trí không thông đoạt nhiệm màu.
Mật ngữ, kim ngôn truyền dạy thế,
Tu hành nên xét lý cao sâu.”*

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Trang sau, Đức Ngô Minh Chiêu dạy:

“Mới học Đạo Vô Vi phải thuộc 4 câu như vầy:

*Chúng sanh vô biên, thệ nguyện độ;
Phiền não vô tận, thệ nguyện đoạn.
Pháp môn vô lượng, thệ nguyện học,
Phật Đạo vô thượng, thệ nguyện thành.*

*Giải nghĩa nôm, làm ra Ca cho dễ thuộc, vì học Đạo thì cái trí
cho chung dung, nhàn lạc mới phải Đạo...*

CA

*Một là sanh chúng hằng hà,
Đốc lòng cứu vớt lòng Ta thề nguyện.
Hai là phiền não nối chuyền,
Thề nguyện đoạn tuyệt như thuyền ra khơi.
Ba là chí học chiêu mời,
Phép màu sâu nhiệm, thánh thơ có ngày.
Bốn là Phật Đạo công dày,
Nguyện thành chánh quả, kíp tày chí ta.”*

Trước khi muốn tu theo Chiếu Minh Vô Vi Tam Thanh, để thọ

Pháp chơn truyền cầu tu giải thoát, hành giả nên lưu ý lời Thầy dạy:

“CAO ĐÀI TIÊN ÔNG...

Vậy Thầy cho con biết Đạo Thầy rất khó, muốn tu đặng thành vị phải vào tử ra sanh, chịu trăm cay ngàn đắng, khổ hạnh muôn vàn.

Con thử xét, người mà muốn tạo một địa vị khả quan nơi cõi tạm này còn phải hao tổn biết bao sức lực, khó khăn, lựa là tạo một ngôi báu ở chốn muôn năm thông thả, ngàn kiếp thanh nhàn. Vậy con bình tâm suy xét cho kỹ càng, liệu lấy sức mình trước khi thệ nguyện, rồi Thầy sẽ định đoạt. Đạo Thầy thiệt rất khó ngộ nhưng cũng dễ tìm vì Thầy tùy duyên hóa độ, kẻ có căn dễ gặp, người vô phước khó tri⁵...”

Đức Ngô Minh Chiêu dạy về quy giới:

Thập Thanh Điều:

Không nên thâm dụng của bá tánh.

Không nên dự vào việc quốc chánh.

Không nên thốt đến Đạo nào.

Không nên niệm chú thư phù và chác thối tà mị.

Không nên bươi móc việc quấy và che việc phải của người.

Không nên buông lung tự tánh, phải xét những việc tội lỗi mà chừa.

Không nên gần kẻ bạo ngược, hung hăng. Phải ẩn dật lo tu.

Không nên tham luyến hồng trần, vinh hoa phú quý.

Không nên coi người giàu sang hơn người nghèo hèn.

Phải giữ đạo đức, hiếu nghĩa, trung tín, liêm sỉ, tiết trinh, từ bi, chơn chánh.

Thập Điều Khuyên:

Một khuyên giảm khẩu bớ con,

5. Long Ẩn Đàm, 01-09-Tân Tỵ (20-10-1941).

Hai khuyên chánh kỹ cho tròn hóa nhơn.
Ba khuyên giám tánh giận hờn,
Bốn khuyên giữ lễ chớ lờn oai Tiên.
Năm khuyên kính mến người hiền,
Sáu khuyên đậy mắt lánh miền thị phi.
Bảy khuyên học chữ từ bi,
Tám khuyên hành đạo kịp kỳ Long Hoa.
Chín khuyên suy xét gần xa,
Mười khuyên lập nét ôn hòa độ dân.

Người Học Đạo:

Học Đạo tập tánh siêng năng,
Tứ thời giỗi luyện mới rằng công phu.
Học đạo Thầy vốn chơn tu,
Công dày quả vị thiên thu hưởng nhàn.
Học Đạo khổ hạnh đừng than,
Chí tâm gánh vác Đạo vàng thượng cao.
Học Đạo lập chí anh hào,
Hơn thua khá lánh, giỗi trau tâm lành.
Học Đạo giữ một lòng thành,
Nói cao, nói thấp, lợi danh con chừa.
Học Đạo phải biết lọc lừa,
Lưu thanh khử trược tương đưa nâu sồng.
Học Đạo giữ một chữ KHÔNG,
Tranh giành phải quấy con đừng, THẦY khuyên.

(...)

Học Đạo phải biết nhẫn hòa,
Buồn vui hờn giận là ma vô hình.
Học Đạo nhớ chữ làm tinh,

*Tai nghe mắt thấy giả hình không hay.
Học Đạo phải nhớ đêm ngày,
Soi mình có lỗi sửa ngay cho tròn.
Học Đạo, Thầy dạy mấy con,
Chớ cho âm chất hao mòn kém suy.
Học Đạo con phải biết tùy⁶,
Tùy Thầy, tùy bạn mà đi cho đồng.
Học Đạo con ráng gắng công,
Lời Thầy dạy bảo để lòng chớ xao.
Học Đạo của Đức ĐÀI CAO,
Luyện đơn nấu thuốc Tiên trao bí truyền.*

Tái Cầu:

Các con đã gọi nhuần ân điển của THẦY bố hóa. Nghe Thầy dạy:
(...)

Nay Thầy dạy sơ cho các con hiểu về việc Công Phu:

Nhứt Bộ: Tu Nhứt Bộ là võ luyện Tẩy Trược Lưu Thanh. Vậy các con nhứt bộ hô hấp cho điều hòa. Động cho mạnh nhưng đừng mau quá mà cũng đừng chậm quá. Ngồi thẳng lưng, mắt chánh đơan nhìn Thái Cực đặng đừng xao.

Nhị Bộ: Còn các con tu Nhị Bộ nên hiểu rằng mình đã đến bậc Tịnh nhiều hơn Động, mà nếu có động thì rất nhẹ nhàng. Tâm trung phải cho chí tịnh và chí định, nghĩa là phải cho thật vắng

6. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển I, bản in 1972, trang 8, Thầy dạy một vị Tiền Bối vào thời kỳ mới khai Đạo: “TR... (...) tùy cơ mà dạy kẻ, một mình con đâu đủ sức phục người. Chẳng luận nam hay nữ, bất kỳ là nước nào, nó muốn biết đạo lý, con phải độ, biểu chúng nó đến nghe Thầy dạy, mới có thể nó tu hành đặng, trước con không nên buộc chúng nó lắm! (20-02-1926)”

*lặng trống không, chơn khí mới xông lên, Thầy hiệp khí thần mới
đặng. Nếu các con xao động thì khí tản thần xao, làm sao hiệp đặng
mà luyện Thần đến chỗ hoàn hư.”⁷*

THÁNH NGÔN YẾU LƯỢC CHIẾU MINH (1927–1971)

Quyển này sưu tập các Thánh ngôn, là những câu ngắn Ôn Trên dạy Đạo, sắp theo thứ tự A, B, C... do Tiền Bối Minh Hùng (Bùi Thiện Hùng)⁸ thực hiện kết tập. Xin trích ra một vài đoạn:

Âm Chất:

“Thầy thường dạy các con: Sự tu hành và phép luyện đạo cần phải tạo âm đức cho đầy đủ thì sự thành chánh quả không khó vậy:

Tu sao nghiệp quả mòn tiêu,

Ít nhiều âm chất để siêu lòng phàm.”⁹

Ân Xá:

“Thời kỳ này, Thầy đại ân xá. Tu nhứt kiếp đắc nhứt thời nhưng phải có đại chí, đại nguyện mà trả rồi oan trái. Nên tu theo Thầy phải chịu khổ mà có Thầy hằng độ.”¹⁰

Ân Tu:

“Đạo vô vi thì vô hình. Các con là người hành Đạo mà nào thấy

7. Long Ẩn đàn, 15–07 Bính Ngọ (30–8–1966).

8. Theo lời kể lại của cố Đạo Trưởng Chí Tín, Tiền Bối Bùi Thiện Hùng lúc sinh thời làm Đốc Phủ Sứ, rất giỏi tiếng Pháp, đã dịch Cảm Ứng Kinh ra Pháp văn, được phổ biến trong cuối sách bản dịch Pháp văn Đại Thừa Chơn Giáo (Le Véritable Enseignement Du Grand Cycle Caodaïste) năm 2013.

9. Đàn Long Hoa, 26–06–1965.

10. Đàn Long Ẩn, 09–12–1935.

đặng, nào hiểu đặng chỗ cao thâm huyền diệu. Đứa nào có ý thành thật, Thầy cũng lộ cho hiểu nhưng phải kín nhem cho lắm. Đạo là máy huyền vi, ẩn ẩn, hiện hiện, hiện hiện, ẩn ẩn. Nếu các con chẳng đặng chủ tâm về tinh thần thì bị vật chất đè ép, e phải lụy mình..."¹¹

(...)

Bổn Nguyên:

"Các con thành tâm lo trau dồi sự tu hành theo Bổn Nguyên, hành Đạo cũng không ngoài Bổn Nguyên thì các con sẽ đắc nguyên.

Trên Thầy dẫn dắt nguyên căn, dưới các con theo gương Thầy mà hành Đạo theo phương pháp lọc lừa tuy có phần chậm tiến nhưng được một bước vững một bước.

Đừng vì người hậu học mà phải hạ thấp nền Đại Đạo Chiếu Minh.

Lời Thầy dạy là lời Tiên Phật. Ý của các con là ý của các con! Nhiều đứa còn lắm nghe lời của các con, ý của các con mà tưởng là lời Thầy đã dạy.

Phép dắt dẫn người sau thọ Pháp,

Noi Bổn Nguyên đền đáp thế nguyên.

Đời tu của Đức Cao Tiên,

Gom trong Nguyên Bổn mỗi giềng lần theo."¹²

(...)

Canh Cải:

"Trước đây các con hãy thế với Thầy đến ngày cuối cùng chẳng bao giờ dờn đổi cách cúng kiếng và phép sắp đặt bàn thờ-lộn xộn lắm. Vì Thầy biết phàm có tánh hay dờn đổi nên Thầy mới buộc vậy,

11. Đàn Chợ Lớn, 04-03-1935.

12. Đàn Long Hoa, 25-09-1965.

*Các con hãy nói cho giống nhau.*¹³

Đức Đạo Đức Kim Tiên giảng dạy: *“Chư Đạo hữu nên hiểu: người tu vào bậc Đại Thừa hành đúng theo chơn truyền, chẳng trái lý Đạo thì Thầy điểm hóa. Đến ngày lâm chung mới đặng chứng quả vị gần Thầy.*

Còn người tu mà hay dùng tư ý, làm cho trái lẽ tự nhiên, hay sanh sự và tướng sự quấy là hay là phải, chẳng tuân Thiên ý, dầu có tu cũng khó mong kết quả.

*Đến ngày lâm chung, Nguơn thần xuất được mà chẳng có đơn thơ thì đâu về chứng quả đặng. Chừng ấy ăn năn đã muộn, phải chịu dưới quyền thưởng phạt của Tạo Hóa. Vậy chư Đạo hữu phận sự hãy do theo chơn truyền mà hành cho đúng lý thiên nhiên.*¹⁴

(...)

Thuần Dương:

“Một ngày nào mà các con đặng thuần dương thì hết trái oan nghiệp chướng, thì nơi trần là chỗ con tạm gởi thân này, con thấy chỗ nào cũng là cảnh đẹp, chốn Thiên thai. Còn con nào lắm nợ trần, gặp những công gai thì không chi hơn là siêng luyện Huỳnh Đình, rảnh dỗi Kinh Cảm Ứng thì cũng tai qua, nạn khỏi. Ngoài ra không phương nào duy nhất.

*Thân an nhờ đóng cửa. Đóng cửa còn phải bít tai, vì người có học phép tu đơn tai nghe ngàn dặm...”*¹⁵

Vô Vi Đại Đạo:

Đức Đạo Đức Kim Tiên dạy:

13. Đoàn Long Hoa, 26-07-1932.

14. Đoàn Trước Tiết Tàng Thơ, 01-07-1939.

15. Đoàn Long Hoa, 05-11-1957.

“Đạo Thầy là Đạo vô vi mà Đạo vô vi chính là Đạo tâm, không phải Đạo tướng. Nếu chẳng phải Đạo tướng thì bày chi những việc hữu hình cho trái với chơn lý của hai chữ vô vi.

Trong những hành động, cử chỉ của chư đạo hữu cũng còn phải dùng chút ít hữu hình nhưng hữu hình của vô vi chớ không phải hữu hình của hữu hình. Chư đạo hữu nên hiểu, chẳng nên lầm!

Sao gọi vô vi, sao gọi hữu hình?

Im ẩn về Đạo là vô vi. Phổ bày về Đạo là hữu hình. Vậy Chánh giáo hay Bàn môn cũng do hai nhơn cơ ấy mà ra. Có lẽ chư Đạo hữu cũng từng thấy với từng nghe.”¹⁶

KẾT LUẬN

Cao Đài Chiếu Minh thuộc về Nội Giáo Tâm Truyền, còn cơ Phổ Độ thuộc Ngoại Giáo Công Truyền, nhưng cũng đều hướng đến mục đích “Thế đạo Đại Đồng – Thiên đạo Giải thoát”, giúp cho con người tìm thấy hạnh phúc trong cuộc sống nhân sinh và giải thoát linh hồn khỏi nẻo luân hồi sinh tử sau khi giữ bỏ xác thân tứ đại.

*“Vĩ bằng chẳng học phép vô vi,
Ngồi mỗi lưng rồi chẳng có chi;
Vẫn chịu luân hồi trong sáu nẻo,
So cùng phạm tục khác đâu gì?”¹⁷*

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.
Thánh Thất Paris Alfortville, 06-01-2019.

16. Đàn Trước Tiết Tàng Thơ, 31-07-1939.

17. Đức Bác Nhã Thiền Sư, Bác Nhã Tịnh Đường, Hạ Chí 1975.

Tân Pháp Cao Đài là Pháp Môn Đại Ân Xá

Thiện Chí

THÁNH NGÔN

“Tân pháp Cao Đài là pháp môn đại ân xá, là nấc thang cuối cùng kỳ mật pháp để cứu độ nhân sanh. Người biết giác ngộ nhập cảnh vô vi sẽ được siêu thoát, kẻ biết hồi đầu hướng thiện chưởng duyên lành vào đời Thánh đức khỏi đọa tam đồ hay tán khôi trần sau Hội Long Hoa. Thế nên, những người muốn vào trường đạo pháp, điều trước tiên là đến trước Cao Đài gõ cửa Cao Đài. Cửa Cao Đài sẽ mở khi người có duyên được đến. Thứ đến phải học luật lệ Cao Đài và nhận chân tôn chỉ để noi theo, mục đích để đạt đến. Điều sau nữa là giữ giới luật quy điều của Đại Đạo. Đó là ba điều kiện tối thiểu của người muốn bước vào chơn đạo và sẽ được Đức Cao Đài điểm đạo.”¹

TIẾN TRÌNH XÂY DỰNG TÂN PHÁP CAO ĐÀI (TPCĐ)

1. Khai Giáo pháp, mở Ngũ Chi Đại Đạo: “Gần một trăm năm nay

1. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-9 Giáp Dần (29-10-1974).

Thầy phóng điện quang xuống cõi ta bà cho các nguyên căn xuống trần, loan báo tin lành, nước cứu thế lần ba chảy khắp xa gần, gội rửa tiền khiên oan trái cho muôn loài, mở lối sống thanh bình cho mười phương nhân dân hưởng cơ Tận độ. Phần thì cho chư Tiên Phật dùng huyền diệu đến bằng điện quang mở Ngũ Chi Đại Đạo dù chưa được mấy người hưởng ứng tận tin, chứ đồng đảng sanh linh đã được gội tắm điện quang mà họa ác của đời cũng giảm đi rất bộn. Khi chính mình Thầy đến nước này lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ lấy đây làm thánh địa, khai giáo pháp độ tàn linh, hòa sự sống trên muôn vạn pháp môn cho các giáo lý ngày xưa được chấn hưng tươi nhuận, để cùng Thầy đưa nhơn sanh trở về lẽ thật.”²

2. Đường lối: “Đạo là con đường duy nhất của vạn linh sanh chúng, từ Thầy ban phát đến thế gian và từ thế gian các con trở lại cùng Thầy”³. Đó là chu trình tiến hóa từ khởi nguyên đến quy nguyên.

3. Tân pháp là Chánh pháp Đại Đạo: Tinh thần “bất nhị pháp môn”: “Thời gian có trước sau, pháp môn theo thời gian có tân có cựu. Đại Đạo không thời gian, không sau không trước cũng không cựu, không tân. Đại Đạo vẫn là bản thể bất biến. Thế nên pháp môn vô lượng nhưng người hành giả phải đạt đến chỗ bất nhị pháp môn mới thật sự chứng quả.”⁴

2. Đức Chí Tôn, Thánh Truyền Trung Hưng, Q.3, Tam Kỳ Đại Xá Toàn Linh Thoát Đường Tiêu Diệt Thống Khố.

3. Đức Chí Tôn, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

4. Đức Đông Phương Chưởng Quản, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-9 Giáp Dần (29-10-1974).

(Phật học tiểu từ điển giải thích “bất nhị” là “không phân biệt đối với tất cả mọi hiện tượng”, siêu việt trên mọi phân biệt. “Bất nhị” là không phải cái này, cũng không phải cái kia. “Bất nhị” còn được gọi là “chân như”, “pháp tính”.)⁵

TÂN PHÁP VÀ CỤU PHÁP

Có thể gọi TPCĐ là “Pháp môn Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”, còn Cựu pháp là “Pháp môn Nhất kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ”.

Nói đến “Tân pháp Cao Đài” thực chất không phải để phân biệt với “cựu pháp” về cứu cánh tối hậu. Cựu pháp gọi cứu cánh đó là “Bản thể chân như”; Tân pháp gọi là “Bản thể Đại Linh Quang”. Cựu pháp nhắm đạt đến “Minh tâm kiến tánh”; Tân pháp thực hiện “Phản bổn hoàn nguyên”.

Tuy nhiên, rõ ràng nhất, Tân pháp Cao Đài là “Pháp môn đại ân xá” đặc biệt thời Tam Kỳ Phổ Độ. Những biểu trưng liên quan đến Tân Pháp Cao Đài là:

- Thiên Nhân
- Thiên nhân hiệp nhất

5. Hà Thúc Minh: <https://thuvienhoasen.org/p87a18373/ban-the-va-dao-duc-luan-cua-phat-giao-qua-phap-mon-bat-nhi> thấp, đi-về, một-nhiều... Từ “Pháp môn” 法門, Sanskrit gọi là Dharmaparyaya, có nghĩa là phương pháp (môn, cánh cửa để đi vào).

“Phương pháp bất nhị” là phương pháp quan trọng nhất trong tám vạn bốn nghìn (chỉ về số nhiều) phương pháp nhận thức của Phật giáo.

Bản thể luận & đạo đức luận của Phật giáo qua pháp môn “Bất nhị”. Hà Thúc Minh (<https://thuvienhoasen.org/p87a18373/ban-the-va-dao-duc-luan-cua-phat-giao-qua-phap-mon-bat-nhi>).

- Cao Đài nội tại
- Âm Dương – Thần Khí
- Tận độ
- Tam công.

NHẬN ĐỊNH

Đã khẳng định “Tân Pháp Cao Đài” (TPCĐ) là Pháp môn thuộc Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, mà tôn chỉ là “Tam giáo quy nguyên, Ngũ chi phục nhất”, và mục đích “Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát”. Tôn chỉ và mục đích Đại Đạo vô hình trung quy chiếu vào TPCĐ hoặc ngược lại, TPCĐ đương nhiên quy chiếu vào tôn chỉ, mục đích Đại Đạo.

Từ đó, tuy đối với cứu cánh giải thoát, đạo pháp bất biến trường lưu trong mọi thời kỳ cứu độ, mà đặc biệt, vào thời Hạ nguơn này Thượng Đế đã lâm phạm đích thân khai Đạo, mặc nhiên diễn trình hình thành tôn giáo Cao Đài, khai minh giáo lý, xương minh Chánh pháp đều mang lấy những đặc trưng phù hợp, thể hiện Thiên lý “Đại ân xá”, Thiên cơ “Quy nguyên”, Thiên đạo giải thoát.

Như thế, nói đến TPCĐ không có nghĩa đơn thuần ám chỉ pháp môn tu luyện hành công, mà chính là nói đến thực thể đạo thuộc TKPD bao gồm những đặc trưng kể trên.

Vậy, định nghĩa Tân Pháp Cao Đài là “Pháp môn đại ân xá” hay “Pháp môn Tam Kỳ Phổ Độ” vừa phản ảnh tinh thần “Bất nhị pháp môn” của Đại Đạo, vừa biểu trưng cơ cứu độ do Đức Thượng Đế Cao Đài khai sáng thời Hạ nguơn.

Để khái quát hóa, có thể phát biểu: Tân Pháp Cao Đài là “Con đường Phản bổn hoàn nguyên thời Tam Kỳ Phổ Độ”.

Quyền Pháp trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Giáo Sĩ Diệu Như

Xưa nay, hễ nghe nói đến quyền pháp là chúng ta liên tưởng đến một hệ thống phẩm trật, cấp bậc xuyên suốt từ cao xuống thấp điều hành chi phối một tổ chức. Việc điều hành chi phối này dựa vào một hệ thống luật lệ, quy định quyền hạn và nhiệm vụ của mỗi thành viên trong tổ chức, và luôn kèm theo những biện pháp chế tài trừng phạt nếu có ai không tuân thủ hệ thống luật lệ này. Linh hồn của một tổ chức là người lãnh đạo tối cao, tức người nắm giữ quyền pháp, phải thông hiểu hệ thống luật lệ này để ban hành từ trên xuống dưới và giám sát thường xuyên để bảo đảm mọi thành viên đều phải tuân thủ.

Thí dụ như hệ thống chức sắc Cửu Trùng Đài trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Vị trí cao nhất trong Cửu Trùng Đài là Giáo Tông, và thấp nhất là tín đồ; với luật lệ là Pháp Chánh Truyền-Tân Luật, và quen thuộc với chúng ta nhất là Ngũ giới cấm và Tứ đại điều quy mà từ trên xuống dưới, nhất nhất đều phải tuân hành.

Tuy nhiên, trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, quyền pháp được hiểu như vậy là đúng nhưng chưa đủ. Quyền pháp không chỉ có một ý nghĩa hạn hẹp là giữ gìn trật tự an ổn trong tổ chức đạo để đạo sự được thông suốt, mà quyền pháp phải vươn đến một ý nghĩa thật cao siêu là đưa tất cả nhân loại đang lặn ngụp trong

biển khổ trùng khơi lên bến bờ hạnh phúc trần gian và siêu xuất thế gian. Quyền pháp là sứ mạng cứu thế kỳ ba, hoằng khai Đại Đạo, dụng tình thương để cứu độ vạn linh. Đó là một sứ mạng vô cùng gian khổ nhưng hết sức cao trọng mà Đức Chí Tôn đã giao phó cho dân tộc Việt Nam, và trước hết là cho hàng môn đệ của Ngài qua lời dạy sau đây:

“Hỡi các con! Qua mấy mươi xuân rồi, Thầy đem sứ mạng quyền pháp Tam Kỳ Phổ Độ trao cho các con, cho dân tộc con trong thời Hạ Ngươn chuyển kiếp này là để các con gieo rải một ý thức hòa hiệp thương yêu với nhau trước cuộc đời loạn ly điên đảo.”¹

Hai năm sau, Thầy nhắc lại và giải thích rõ thêm về sứ mạng quyền pháp đó, sứ mạng đem tình thương và sự sống đến với chúng sanh trong thời Hạ ngươn mạt kiếp: *“Từ bến khởi nguyên, con ra đi vương một sứ mạng trong hai đoạn đường: một đem Đại Đạo lập đời, hai trở về với Đại Đạo. Các con là những chức sắc, tín đồ, chức việc của Thầy. Thầy nhắc nhở các con nên thương yêu nhau, dìu dắt nhau trên đường tu học, để hoàn thành sứ mạng phổ độ kỳ ba. Quyền pháp đạo từ Tòa thánh, Hội thánh, Thánh thất, Thánh tịnh, mỗi người Thiên ân chức sắc, dầu lớn dầu nhỏ, hãy gìn giữ cho xứng đáng nghiêm minh. Quyền pháp Đạo là tình thương và sự sống. Có nắm được quyền pháp thì Đạo mới hoằng khai; có tình thương, sự sống mới hòa bình an lạc. Đó là điều kiện duy nhất để con trở về bến khởi nguyên Đại Đạo, về cùng Thầy.”²*

1. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

2. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

Lời dạy này đã gọi cho chúng ta bao suy nghĩ: Được trở về bến khởi nguyên Đại Đạo để hội hiệp cùng Thầy thì ai cũng mơ ước, nhưng làm thế nào hoàn thành được sứ mạng phổ độ kỳ ba, tức sứ mạng quyền pháp, một sứ mạng gắn kết với tình thương và sự sống để Đại Đạo được hoàng khai, để nhân loại có hòa bình và an lạc? Chúng ta tìm hiểu vấn đề trên qua đề tài: *“Quyền Pháp Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”*.

I. QUYỀN PHÁP TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

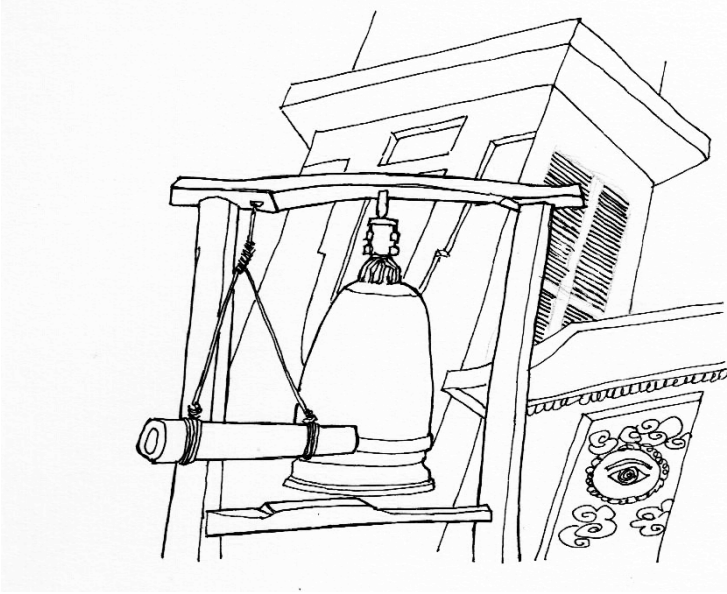
1. Quyền là tình thương

“Quyền là năng lực của một chủ thể, có đủ điều kiện tác động vào một hay nhiều đối tượng là thực thể, vật loại, tổ chức, tập thể hay cá nhân con người.”³

Thí dụ: Đạo huynh A là Chánh Hội Trưởng Thánh thất B. Theo luật đạo thì Đạo huynh A là một chủ thể, có đủ điều kiện tác động lên các đối tượng là tất cả các chức sắc, chức việc và tín đồ trong Thánh thất B. Mọi người sẽ nói Đạo huynh A là người có Quyền.

Người đời thường nhìn về người có quyền với một ý nghĩa tiêu cực theo kinh nghiệm thường tình: Đây là người có quyền ra mệnh lệnh và mọi người trong chúng ta phải tuân theo nếu không muốn có chuyện lời thôi phiền phức đến với mình. Đây là người thật may mắn và tốt phước vì đang nắm quyền sinh sát trong tay.

3. Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Bài Quyền Pháp.



Nhưng Quyền trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thì khác. Quyền mang một ý nghĩa tích cực. Quyền nơi đây không phải là quyền uy, quyền hành, quyền lực mà là Quyền Đạo. Người có quyền là người có tình thương đối với nhân sanh, thể hiện ra bằng việc sống chan hòa với nhân sanh, tìm hiểu hoàn cảnh, tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của nhân sanh để giúp họ được an vui và hạnh phúc trong cuộc sống, được phát huy hết cái điểm Đạo tự hữu của mình, cái Thiên tánh của mình, cái năng lực tiềm tàng của mình để tiến hóa. Và đáp lại, nhân sanh cũng dành cho người có quyền một tình thương tương tự như thế. Tình thương chân thật của nhân sanh dành cho người lãnh đạo nhưng không cậy quyền, luôn biết vận dụng tình thương trong đối xử với nhân sanh, đã củng cố cái Quyền của người lãnh đạo qua việc thương yêu, kính trọng và sẵn sàng tuân phục, khép mình dưới sự điều

dắt của người lãnh đạo. Đây là yếu tố rất cần thiết để người lãnh đạo điều hành một tổ chức từ gia đình, quốc gia, tôn giáo, cho đến đại gia đình nhân loại.

“Quyền là tình thương được tràn ngập thấm nhuần đây đó trở nên một khối thâm hòa, đầm ấm, mỹ miều. Người nào chiếm được tình thương sâu rộng là người đó có Quyền. Quyền ấy mới thật là cao cả thiêng liêng. Trăm ngàn quả tim đều đập theo một nhịp sống, thì người ấy gọi rằng Thánh, rằng Tổ. Người ấy chết, họ chết theo, đi đâu họ cũng không rời nửa bước, nói gì họ cũng đều nghe. Vì vậy các Thiên ân làm sao gây được một tình thương vô biên, cao thượng, gieo sâu vào lòng dạ mọi người để phá tan lòng nghi kỵ, ý rẽ riêng, hầu đưa nhau đến một độ đường dung hòa giữa đông tây, trời đất.”⁴

Sử sách Trung Hoa còn ghi chép về một người cày ruộng ở Lịch Sơn tên Thuấn. Thuấn vốn là một người đức hạnh hơn người, luôn thương yêu, gần gũi và giúp đỡ mọi người nên ai cũng mến yêu và muốn được ở gần Thuấn. Nơi Thuấn ở vốn là một chỗ hẻo lánh vì thế mà trở thành làng xóm với đông đúc người ở. Vì thương yêu nên mọi người tin tưởng, nghe theo những lời Thuấn nói, làm theo những điều Thuấn làm. Khi cày ruộng ở Lịch Sơn, Thuấn nhường ruộng tốt cho người để chọn những mảnh ruộng xấu hơn, dân cũng bắt chước theo đó mà nhường ruộng tốt cho nhau; khi đánh cá ở sông Lợi Trạch, Thuấn nhường khúc sông có nhiều cá cho người, dân cũng bắt chước theo mà nhường khúc sông có nhiều cá hơn cho nhau; khi làm gốm ở Hà Tân, Thuấn không chỉ chú tâm làm gốm có chất

4. Minh Lý Thánh Hội, *Minh Lý Chọn Giải*, Nxb Tôn Giáo, 2017, tr.74-75, phụ chú số 21.

lượng mà còn giảng đạo lý cho dân nghe để giải quyết những mâu thuẫn tranh giành, do đó gồm Hà Tân nổi tiếng về chất lượng rất cao về kỹ thuật cũng như mỹ thuật. Thuấn cũng rất nổi tiếng về hiếu hạnh với cha mẹ. Mẹ kế và người em khác mẹ vì ganh ghét nên tìm kế giết Thuấn nhiều lần nhưng bất thành, lòng hiếu hạnh trước sau như một của Thuấn đã cảm hóa được họ. Do những đức hạnh trên nên vua Nghiêu đã truyền ngôi cho Thuấn. Lúc ban đầu khi được vua Nghiêu đề nghị lên nối nghiệp để thay Ngài thì Thuấn không dám nhận vì Vua Nghiêu còn có con trai để nối nghiệp cha. Ông bỏ đi đến một chỗ xa dân cư để cất nhà sinh sống nhưng dân vẫn dời nhà đến ở gần Thuấn. Khi có việc vui mừng, họ tìm Thuấn chia sẻ, khi có họa hoạn đón đau, họ cũng tìm Thuấn để than thở. Đó là lý do khiến Thuấn phải chấp nhận bước lên ngôi vua để thay Trời chăm sóc muôn dân. Tình thương của Thuấn dành cho bá tánh muôn dân được đáp lại bằng tình thương của bá tánh muôn dân dành cho Thuấn. Chính tình thương của bá tánh muôn dân dành cho Thuấn đã xác định cái Quyền của Thuấn. Có được tình thương của nhân sanh là có Quyền, Quyền đó do vua Nghiêu nhường cho, do bách tính gởi gắm cho để thay Trời mà lo cho họ, Thuấn khó mà từ chối và từ đó sử sách đã ghi lại sự kiện Vua Thuấn tiếp nối vua Nghiêu để trị vì thiên hạ.

Và trong lịch sử thế giới, chúng ta cũng đã chứng kiến không ít trường hợp người lãnh đạo đã thất bại khi không biết dùng tình thương khơi dậy tình thương trong lòng dân chúng, trái lại, dùng quyền lực, quyền hành, quyền uy với sự trợ giúp của hình phạt để áp đặt, bức chế dân chúng, để thể hiện cái sức mạnh uy quyền của mình, để thể hiện cái “tôi” độc tôn ích kỷ của mình.

Nhân sanh sẽ không tuân phục, không hợp tác và sẵn sàng nổi loạn để chống đối.

“Quyền là tình thương. Nếu tình thương không đủ cảm hóa thì Quyền ấy hóa ra quyền lực thế gian, sẽ làm cho nhân sanh dưới quyền bị khổ đau, gây nên tai hại”⁵

Do đó, muốn cho một tổ chức, dầu trong đạo hay ngoài đời, được trật tự, được thông suốt từ trên xuống dưới để phát huy sức mạnh của tập thể thì Quyền của người lãnh đạo phải được thể hiện bằng tình thương dành cho những người thuộc cấp, những người dưới quyền lãnh đạo của mình.

Sử sách còn nhắc lại sự tích vua Nghiêu qua cách sử dụng cái Quyền chấn dân trị nước của mình bằng tình thương. Vua Nghiêu đã từng nói:

“Nếu một người dân bị đói, đó là lỗi của trẫm. Nếu một người dân bị lạnh, đó cũng là lỗi của trẫm. Nếu một người dân phạm tội, đó cũng bởi trẫm đã không làm tốt việc của mình.”

Khi Vua Nghiêu không truyền ngôi cho con trai là Đan Chu, mà truyền cho Thuấn, Ngài lý giải:

“Con ta kém đức hạnh hay tranh cãi với người. Nếu ta truyền ngôi cho Thuấn, chỉ có Đan Chu con trai ta phiền lòng. Nếu ta truyền ngôi cho Đan Chu, tất cả con dân trong thiên hạ sẽ phiền lòng. Ta không thể làm tổn hại bách tính chỉ vì lợi ích của con trai ta.”

Khi truyền ngôi cho Thuấn, Ngài dạy Thuấn rằng: *“Mệnh Trời đã trao cho người thì người hãy lấy đạo trung chính mà chấn dân trị nước. Nếu người để cho dân khốn cùng, thì mệnh Trời đó vĩnh*

5. Châu Dịch Huyền Nghĩa, Minh Lý Thánh Hội, Nxb Tôn Giáo, 2013, tr.103, phụ chú số 30.

viễn sẽ không còn ở người nữa". Sau này, khi truyền ngôi cho vua Hạ Vũ, vua Thuấn cũng đem lời này mà gởi gắm lại cho người kế vị mình.⁶

Một người lãnh đạo, có Quyền trong tay mà thương dân còn hơn con đẻ của mình, có trách nhiệm với vận mệnh của quốc gia dân tộc trong việc chọn người thừa kế, thì xứng đáng là người nắm giữ quyền pháp, xứng đáng được dân chúng tin yêu, quý trọng. Do đó, nước nhà được thịnh trị, dân chúng được an cư lạc nghiệp, nhà nhà hạnh phúc, đêm ngủ không đóng cửa, ngoài đường không ai lượm của rơi để người mất có thể tìm lại được. Tới ngày nay thiên hạ vẫn còn ca tụng với những mỹ từ: ngày Nghiêu tháng Thuấn, trời Nghiêu đất Thuấn, đời Nghiêu Thuấn, v.v.

Nếu người lãnh đạo của một quốc gia có trách nhiệm điều hành đất nước, làm cho dân giàu nước mạnh, thì người nắm giữ Quyền Pháp trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có trách nhiệm trên cả toàn thể nhân loại. Trách nhiệm của bậc Thiên ân sứ mạng là độ dẫn khắp chúng sanh đang ở trong trường huyết chiến có nguy cơ tận diệt như hiện nay quay đầu hướng thiện, biết thương yêu nhau để dìu nhau sang đời Thượng nguơn Thánh đức; và phương tiện để đạt đến mục tiêu đó là làm sáng tỏ giáo lý Đại Đạo, một nền giáo lý suốt thông mọi hoàn cảnh, mọi dân tộc, mọi xu hướng tín ngưỡng, mọi tôn giáo để chúng sanh gặp gỡ nhau ở điểm Đạo duy nhất của con người là nhân bản, để các tôn giáo gặp gỡ nhau ở vị trí duy nhất, đó là Chánh pháp Đại Đạo

6. Luận Ngữ, chương XX: Nghiêu viết: "Tư! Nhĩ Thuấn, Thiên chi lịch số tại nhĩ cung, doãn chấp kỳ trung, tứ hải khốn cùng, thiên lộc vĩnh chung." Thuấn diệc dĩ mạng Vũ.

hay Thực Thể Đạo Cứu Thế Kỳ Ba. Chỉ có Thực Thể Đạo Cứu Thế Kỳ Ba này mới đủ sức dập tắt ngọn lửa hận thù đang ngấm ngấm đốt thiêu nhân loại ra tro bụi. Đó là một sứ mạng vô cùng gian khổ và chỉ có tình thương thì người nắm quyền pháp trong Đại Đạo, người Thiên ân sứ mạng, mới thực hiện tốt cái Quyền của mình như lời dạy của Thiêng Liêng:

“Vì vậy các Thiên ân làm sao gây được một tình thương vô biên, cao thượng, gieo sâu vào lòng dạ mọi người để phá tan lòng nghi kỵ, ý rẽ riêng, hầu đưa nhau đến một độ đường dung hòa giữa đông tây, trời đất.”⁷

Muốn có được một tình thương vô biên cao thượng để có được sự dung hòa giữa đông tây trời đất thì người hướng đạo phải có một trái tim vĩ đại bao dung cả vũ trụ vạn vật, xem vũ trụ vạn vật từ những vật thể lớn lao như núi cao biển cả cho đến những sinh vật bé li ti như hạt vi trần cũng chính là thân mình. Đó cũng là trái tim của Đấng Cha lành Thượng Đế.

*“Muốn sửa lòng, ngắm lòng Từ Phụ,
Tu thân nhìn vũ trụ là thân,
Thái Sơn, biển cả, vi trần,
Tình thương chứa đựng trong phần vô tư.”⁸*

Một tình thương vô biên cao thượng chính là một tình thương vô tư. Vì vô tư, không còn cái tôi chật hẹp của mình nên mới có thể chứa đựng cả hoàn vũ, từ cao rộng như Thái Sơn biển cả cho đến những vật thể nhỏ nhít như hạt bụi vi trần. Sẽ không

7. Minh Lý Thánh Hội, *Minh Lý Chọn Giải*, Nxb Tôn Giáo, 2017, tr.75, phụ chú số 21.

8. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, *Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo*, 15-10 Giáp Dần (28-11-1974).

còn có ranh giới nữa khi ý thức được vũ trụ vạn vật này là thân của mình, thân mình cũng là thân của vũ trụ vạn vật, mình tu là cả vũ trụ vạn vật này đang tu, mình thanh tịnh là cả vũ trụ này đang thanh tịnh, công đức mình tạo ra là công đức của cả vũ trụ vạn vật, có sức chuyển hóa tâm linh đến cả vũ trụ vạn vật. Phải có một ý thức như vậy mới có thể có được tình thương vô biên cao thượng vô tư, nhưng làm sao để có một ý thức như vậy?

Phải quán tưởng, chiêm nghiệm mới thấy được rằng không có khái niệm về cái tôi bản ngã riêng tư trong vũ trụ trời đất này. Chúng ta vì vô minh nên chỉ nhìn thấy hiện tượng bên ngoài mà nói rằng đây là ta, kia không phải là ta, chứ thật sự thì có gì là của ta đâu? Xác thân mà ta nói là của ta này, với đủ đầy sức mạnh, là một hợp thể huyết thống của tổ tiên phụ mẫu, thụ bẩm âm dương ngũ hành của Đất Trời mà hiện hữu. Cả vũ trụ với bao nhiêu là năng lượng của Đất Trời, của vạn vật, liên tục đổ vào xác thân này từng giờ, từng phút, từng sát na, để duy trì sự sống: nhật nguyệt, tinh tú, ánh sáng, hơi ấm, nước, không khí, ngũ cốc, lương dược trị bệnh, v.v. Nếu thiếu một trong các yếu tố này, thí dụ như không khí, thì ta có còn là ta nữa không? Linh hồn mà ta gọi là của ta này, với đủ đầy thần lực, lương tri, lương năng, lương thức, là sản phẩm thọ nhận từ khối thần lực vĩ đại, đó là khối Đại Linh Quang của Thượng Đế. Linh hồn được vun đắp bởi trí khôn đến từ những bài học vỡ lòng của cha mẹ, của thầy cô giáo, của xã hội mà ta giao tiếp, từ kho tàng kiến thức của người đi trước để lại qua sách vở, qua mạng truyền thông, từ kinh điển chuyển tải đạo lý của các bậc tiên hiền, và nhất là của Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng. Thử hỏi trong tất cả những thứ mà ta gọi là của ta đó, có cái nào là của ta không? Hay

ta đây chính là hợp thể của cả vũ trụ Đất Trời, là cái ta thuộc về Đại Ngã, không có riêng tư. Phải thấy cái thân nhỏ bé mong manh của mình và vũ trụ đất trời bao la rộng lớn ngoài kia là một thì mới có được tình thương vô ngã, không riêng tư. Một tình thương như vậy mới có đủ sức ôm trọn cả vũ trụ đất trời, không bỏ sót một ai, dù lớn dù nhỏ. Đó là một tình thương thật sự vô biên và cao thượng, đủ sức phá tan những nghi kỵ rẽ chia để xoay chuyển cuộc đời, đem lại sự dung hòa giữa đông tây, trời đất như lời Thiêng Liêng đã dạy.

Nếu Quyền là tình thương bao trùm cả trời đất vạn vật thì sẽ có một sức mạnh vô cùng lớn lao có thể giúp người hướng đạo vượt qua mọi khó khăn thử thách để đến được với nhân sanh. Quyền ấy khiến cho nhân sanh sẵn sàng mở lòng ra với mình, nhưng điều mà nhân sanh cũng như Đấng Chí Tôn đang trông chờ người Thiên ân hướng đạo đem lại cho nhân sanh chính là cái Pháp, là sự sống nhen nhúm lại trên vùng đất chết của lòng người chai sạn, vô cảm, trong một xã hội đầy dẫy vật chất phù hoa nhưng thiếu vắng tình thương như xã hội mà chúng ta đang sống hiện nay.

2. Pháp là sự sống

“Pháp là trật tự, quy luật, cơ chế, theo đó chủ thể lẫn đối tượng phải tuân thủ để vận động hầu đạt đến cứu cánh.”⁹

Thí dụ: Đạo huynh A là Chánh Hội Trưởng của Thánh thất B, có Quyền đối với tất cả chức sắc, chức việc và tín đồ của Thánh

9. Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Bài Quyền Pháp.

thất B. Đạo huynh A căn cứ vào cái Pháp, đó là trật tự, quy luật, cơ chế của Thánh thất để điều khiển, điều hòa sự vận động phát triển của Thánh thất. Cái Pháp này được quy định bằng văn bản rõ ràng, đó là Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, và những quy định cụ thể đặc thù của Thánh thất B, mà ai thuộc Thánh thất B cũng phải tuân theo, kể cả Đạo Huynh A.

Vì con người là một phần tử của vũ trụ, nên Pháp không chỉ là những trật tự, những quy luật, cơ chế do con người đặt ra để duy trì trật tự điều hòa trong xã hội loài người, mà Pháp còn bao gồm những quy luật của tự nhiên, của vũ trụ vạn vật. Những quy luật tự nhiên này chi phối sự vận động sanh hóa của toàn thể vũ trụ vạn vật, trong đó có con người. Một số quy luật tự nhiên này có thể tạm kể ra như sau:

Luật nhân quả: Đã có nhân tức phải có quả. Hiện tại là quả của quá khứ và là nhân của tương lai. Hành động thiện hay ác của chúng ta trong hiện tại sẽ ảnh hưởng đến phước hay họa trong tương lai của chúng ta.

Luật Âm Dương động tịnh: Vạn pháp trong vũ trụ đều được cấu tạo bởi hai yếu tố âm và dương, biểu hiện ra ngoài bằng hai trạng thái động và tịnh. Âm dương động tịnh tương như mâu thuẫn nhau nhưng tác hiệp nhau để tiến hóa. Trong tự nhiên, dương của mặt trời và âm của mặt trăng tác hiệp nhau, phân công lần lượt tạo ra ngày và đêm, sáng và tối, nóng và lạnh để duy trì sự sống trên hành tinh này, nhờ đó vạn vật mới có thể sanh hóa và tiến hóa. Và chúng cũng gặp gỡ nhau tại những thời điểm trong ngày để bàn giao nhiệm vụ, để tạo ra những buổi bình minh huy hoàng hay cảnh hoàng hôn rực rỡ làm say đắm lòng người.

Luật tương hòa tương hiệp: Định luật này buộc mỗi cá thể

trong vũ trụ vạn vật phải hòa hiệp với tất cả để sinh tồn, tức là phải thích nghi với đời sống chung của vũ trụ vạn vật và cùng vận hành theo một trật tự chung của vũ trụ vạn vật mới có một kết quả tốt đẹp: Màn đêm buông xuống, chúng sanh vạn vật phải nghỉ ngơi (cây rũ lá, gà lên chuồng, chim bay về tổ, v.v.); giờ Dawn (3-5 giờ sáng) chúng sanh vạn vật thức giấc để bắt đầu cho một ngày mới (mặt trời ló dạng, chim chóc lao xao, gà gáy ó o, nông phu ra đồng, thương lữ cất gánh lên đường, công nhân vào nhà máy, v.v.). Nếu chúng ta làm ngược lại thì thể xác sẽ tiêu mòn và tinh thần cũng lụn bại.

Luật cảm ứng: Giữa người và Trời, giữa người và người cũng như giữa người và vạn vật đều có khả năng cảm ứng lẫn nhau. Thần lực của Trời, của người, của chúng sanh vạn vật tạo ra những rung động lan truyền trong không gian như những làn sóng với một tần số đặc trưng, giống như sóng vô tuyến phát ra từ đài truyền thanh, truyền hình. Chúng ta giống như những chiếc Radio hay TV, có thể nhận được những làn sóng thần lực này nếu như sóng thần lực của chúng ta có cùng một tần số. Kinh xưng tụng Đức Quan Âm Bồ Tát có câu: “Lòng thành như thiết như tha / Lòng thành thấu đến liên tòa chứng tri”, lòng thiết tha thành khẩn của chúng ta hướng về Đức Quan Âm sẽ tạo ra những làn sóng thần lực rất mạnh, đó là sự cảm. Có sự cảm này chúng ta sẽ nhận được những làn sóng thần lực từ Đức Quan Âm vì có cùng một tần số giao tiếp gọi là linh ứng. Định luật cảm ứng này giúp vạn linh trong cõi hậu thiên có thể giao tiếp với nhau và giao tiếp với Thượng Đế cùng các Đấng Thiêng Liêng để nhận được sự hộ trì trên đường tiến hóa.

Luật tiến hóa: Mỗi chúng sanh là một Tiểu Linh Quang thọ

bẩm từ khối Đại Linh Quang của Đức Chí Tôn Thượng Đế. Chúng ta đến trần gian này để được tiến hóa. Sự tiến hóa hay thoái hóa của mỗi Tiểu Linh Quang là do Tiểu Linh Quang chịu trách nhiệm thông qua mức độ học tập, rèn luyện, tu dưỡng và thực hành sứ mạng của mình. Đích điểm của sự tiến hóa là được trở về bến khởi nguyên Đại Đạo, nơi mà các chơn hồn đã thọ nhận điểm Tiểu Linh Quang tách ra từ khối Đại Linh Quang của Thượng Đế, để làm hành trang bước vào thế hạ, học bài học tiến hóa.

Luật luân hồi: Để được trở về với khối Đại Linh Quang, bến khởi nguyên Đại Đạo, mỗi Tiểu Linh Quang phải tích lũy thành quả tiến hóa của mình qua nhiều kiếp sống. Sau mỗi kiếp sống, nếu chưa đủ công năng để trở về với Đại Linh Quang thì Tiểu Linh Quang phải quay trở lại thế giới vật chất hữu hình, mượn một hình thể khác, sống một kiếp khác để tích lũy những gì còn thiếu. Sự trở lại thế giới vật chất để sống một kiếp sống hữu hình như vậy gọi là luân hồi.

Những quy luật tự nhiên vừa kể ra trên đây gọi là Pháp, là những hiện tượng bên ngoài để phô diễn cái Đạo bản thể, cái tự nhiên của Trời Đất bên trong. Đạo là sự âm thầm vận hành theo một trật tự của đất trời để duy trì sự sống và tiến hóa của vũ trụ vạn vật. Sự vận hành tự nhiên kỳ diệu này được phô bày dưới những quy luật gọi là Pháp. Gieo một hạt ọt nhỏ xíu như hạt tằm xuống đất, sau một thời gian chúng ta sẽ thu được một cây ọt tán lá xum xuê, nặng trĩu bao nhiêu là trái ọt. Hiện tượng thấy được này luôn luôn được lặp lại như thế, không sai chạy: gieo hạt ọt sẽ có cây ọt. Đó là một quy luật, một phép tắc, là cái Pháp hữu tướng, phô diễn sự vận hành của cái Đạo vô tướng bên trong hạt ọt. Đạo với Pháp như hình với bóng. Nếu con người nắm được những

quy luật tự nhiên của Trời Đất, nắm được cái Pháp, sống thuận tòng theo đó thì thân tâm sẽ được lợi lạc, sống an nhàn thư thái trong an vui và hạnh phúc. Đó là trạng thái đạt Đạo.

Ngày xưa Thánh Phục Hy, trên xem thiên văn, dưới xem địa lý, giữa quan sát các hiện tượng chung quanh (thí dụ như quan sát các hoa văn vân vện trên lưng con Long Mã). Từ những hiện tượng tự nhiên này, Ngài nghiệm suy ra có một quy luật tự nhiên điều hành và chi phối sự sinh hóa và tiến hóa của tất cả vũ trụ vạn vật. Những quy luật tự nhiên này là Pháp, phô diễn cái Đạo tự nhiên bên trong, cái Đạo lớn dung chứa cả trời đất vạn vật, không bỏ sót một vật nào dù lớn dù nhỏ. Nhằm truyền lại những quy luật này cho người đời sau để chúng sanh biết nương theo đó mà sống cho thuận thời, hợp đạo nên quyển Kinh Dịch ra đời. Các Thánh đời sau như Văn Vương, Châu Công, Khổng Tử tiếp tục bổ sung ý tứ để người hậu học dễ lãnh hội.

Ở vào thời vị áp dụng đạo Kiền thì Thánh nhân dạy: “Quân tử dĩ tự cường bất tức”. Lúc phải hành xử theo đạo Khôn thì chư Thánh dạy: “Quân tử dĩ hậu đức tải vật”. Ở vào thời trời đất giao hòa, thiên hạ thái bình, ứng với quẻ Thái thì người quân tử được Thánh nhân dạy: “Hậu dĩ tài thành thiên địa chi đạo, phụ tướng thiên địa chi nghi, dĩ tá hựu dân”. Đó là những quy luật chi phối cả thiên địa vạn vật, là những cái Pháp mà người quân tử, người lãnh đạo, hướng đạo, là những người thể thiên hành hóa, thay Trời mà chăm sóc chúng sanh phải theo đó mà ứng xử để trên thuận lòng Trời, dưới hợp lòng người, muôn loài muôn vật đều sống trong an vui hạnh phúc.

Tương tự như vậy, các bậc Thánh Tổ ngày xưa nhìn thấy những cái Pháp hiện tượng qua cơn gió thoảng, cụm mây trôi,

qua ngày nắng hạ đến lúc mưa thu, thời tiết xoay vần mà lãnh hội được cái điểm Đạo duy nhất trường cửu bất biến của Trời Đất đã ẩn tàng bên trong, điều hành và dịch sử tất cả các Pháp trong trời đất. Chư Thánh đã chiêm nghiệm ra một điều thật kỳ diệu: Pháp thân nhỏ bé của mình là một tiểu vũ trụ, là một phần tử của Pháp thân đại vũ trụ to lớn ngoài kia, và bên trong tiểu vũ trụ này cũng có một điểm Đạo duy nhất trường cửu bất biến làm căn cốt, điều hành chi phối dịch sử mọi cơ cấu trong thân tâm của mình để một con người được sống và tiến hóa đồng nhịp điệu với đại vũ trụ và cái điểm Đạo bên trong tiểu vũ trụ này với cái điểm Đạo của trời đất cao rộng ngoài kia chỉ là Một. Một dành cho tất cả và tất cả chúng sanh vạn vật trong trời đất cũng chỉ do cái Một này mà thôi. Mình là Trời Đất, Trời Đất cũng là mình, chỉ Một chớ không hai. Mình sống tự nhiên trong biển Đạo mệnh mông như đàn cá vô tư tung tăng bơi lội đắc chí trong vùng nước trong xanh, như đàn chim hiên ngang tung mình sải cánh giữa bầu trời lộng gió. Một tình thương bao la rộng khắp bỗng chốc dâng trào; cái Đạo tự hữu bên trong, cái Thượng Đế tính thiện lương hoàn mỹ mà mỗi người đều được Thượng Đế phát ban trước khi bước vào thế hạ, từ lâu nay vốn ngủ yên trong tiềm thức cũng đồng thời bừng sáng. Đó là trạng thái hoá nhiên khải ngộ, giống như người lãng tử bao nhiêu năm sống đời cô đơn phiêu bạt, nay được trở về nhà với hơi ấm gia đình, với bữa cơm ngon đoàn tụ, với hạnh phúc trào dâng. Một thứ hạnh phúc do thỏa mãn được những khát khao của tâm linh mà bấy lâu nay con người vẫn đi tìm nhưng không bao giờ thấy được trong cuộc sống nhân sinh luôn bận rộn với bao nỗi lo toan phiền muộn.

Thấm được cái hương vị ngọt ngào và hạnh phúc của sự tỉnh thức khi cái Đạo tự hữu của mình hòa quyện làm một với cái biển Đạo bao la của đất trời, chư Thánh Tổ không nỡ vui hưởng một mình trong khi chúng sanh còn trầm luân trong đau khổ, nên nguyện đem Pháp thân làm chứng thị để truyền dạy những phương pháp và kinh nghiệm chứng Đạo của mình cho chư đệ tử hữu duyên. Từ đó mới có các lời thuyết pháp, sau này được chư đệ tử kết tập, hệ thống hóa và phát triển thành các tôn giáo, để phương pháp và kinh nghiệm chứng đạo của chư Tổ được truyền thừa từ đời này sang đời khác, từ nơi này sang nơi khác trong sanh chúng.

Đến đây thì chúng ta thấy, Pháp không chỉ là những quy luật do con người trong một tập thể đặt ra để phù hợp với mục đích của từng tổ chức mà Pháp còn là những khuôn mẫu, chuẩn mực, kiểu mẫu, phép tắc mà Thượng Đế đã sử dụng để điều hành dịch chuyển cả vũ trụ, trời đất trong không gian mênh mông và thời gian vô tận. Những luật ấy đã được Thượng Đế ấn ký vào từng chúng sanh, từ khoáng sản, thảo mộc, cầm thú cho chí đến con người, để tất cả đều sống rập khuôn theo một nhịp điệu của trời đất. Chúng sanh vạn vật phải thuận tùng theo đó, phải vận động theo cùng một quỹ đạo đó, một phép tắc kiểu mẫu đó để có được trật tự an toàn tuyệt đối, để tất cả cùng nhau sống và tiến hóa trong hòa bình, an vui và hạnh phúc. Pháp ứng vào con người sống trong đời thường thì có quân minh thần trung, phụ tử tử hiếu, phu phụ tương kính, huynh đệ tương thân, bằng hữu tương tín. Đó là đạt được Thế Đạo. Pháp ứng vào con người có tâm chí thoát tục, xem đời như mộng ảo thì sẽ tạo Tiên tác Phật. Đó là đạt được Thiên Đạo.

Từ xưa, sứ mạng các tôn giáo là để giải quyết vấn đề tâm linh. Ngày nay, sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay sứ mạng quyền pháp mà Thượng Đế giao cho dân tộc Việt Nam này không chỉ giải quyết vấn đề tâm linh, mà là toàn vẹn cá thể con người từ tâm linh đến cuộc sống nhân sinh, không chỉ nhắm đến một số người có chí hướng thoát tục mà là cho toàn thể nhân loại đang bận bịu giữa chốn trần ai.

Sứ mạng đặc biệt này không phải chỉ riêng cho tôn giáo Cao Đài mà là cho tất cả các tôn giáo. Sứ mạng đặc biệt này chỉ được hoàn thành sau khi các tôn giáo, kể cả tôn giáo Cao Đài, cùng gặp gỡ nhau ở một điểm chung là “Thực thể đạo thuần chánh cứu thế kỳ ba”.

Đó là một sứ mạng vô cùng khó khăn và trọng đại nên phải chính Đức Thượng Đế lâm trần, mượn hình thức tôn giáo Cao Đài để khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với sự cộng tác của Tam Giáo Đạo Tổ và hàng hàng lớp lớp Thần Thánh Tiên Phật.

*“Người vẫn tưởng Cao Đài tôn giáo,
Nào hay đâu Đại Đạo hoằng dương,
Gồm thu trăm néo ngàn đường,
Tam nguyên chuyển thế định phương phục hoàn.”¹⁰*

Qua gần 100 năm kể từ ngày khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, qua biết bao nhiêu là huyền cơ diệu bút, bất kể ngày đêm, bất kể hoàn cảnh khó khăn hay thuận lợi, Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng đến với chúng sanh chỉ để giao cho chúng sanh một cái Pháp và luôn nhắc nhở chúng sanh phải thực hành cái Pháp đó

10. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Trúc Lâm Thánh Đức Thiền Điện, 07-3 Giáp Dần (30-3-1974).

để đạt Đạo, để có khả năng tự độ và độ tha, và nhân loại mới được tồn sinh trước nguy cơ tận diệt.

Đó cũng là lý do vì sao các Đấng Thiêng Liêng đều gọi Pháp là sự sống. Chỉ có thực hành được cái Pháp này thì sự sống mới đến được với chúng sanh. Sống trong nhân bản, an lạc, tiến bộ, hạnh phúc trần gian và siêu xuất thế gian. Sống trong thể đạo đại đồng và thiên đạo giải thoát. Đời sống nhân sinh khế hợp với cuộc sống tâm linh. Sống trong đời thường mà không cần phải thoát ly ẩn mình trong chốn sơn lâm cùng cốc, vắng vẻ, u tịch. Một đời sống thanh cao siêu việt, hạnh phúc viên mãn. Vậy Pháp ấy là chi?

Pháp là hệ thống giáo lý Cao Đài hay giáo lý Đại Đạo với chủ trương Tam giáo quy nguyên, Ngũ chi hiệp nhất.

Tam giáo là Tam giáo đạo, là các tôn giáo thuộc hệ thống Phật đạo (Bà La Môn giáo, Thích Ca giáo, Pythagore giáo, v.v.), Thánh đạo (Nho giáo, Thiên chúa giáo, Tin lành, Hồi giáo, v.v.) và Tiên đạo (Lão giáo, Đạo giáo, v.v.); Ngũ chi là Ngũ chi Đại Đạo (Nhân đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo). Tam giáo quy nguyên ngũ chi hiệp nhất không phải là quy hiệp về tôn giáo Cao Đài. Tôn giáo Cao Đài chỉ làm nhiệm vụ truyền lại thông điệp này của Thượng Đế đến với các tôn giáo chứ không phải là nơi tiếp nhận các tôn giáo quy về với mình. Quy nguyên hiệp nhất là trở về với Đại Đạo, nguồn gốc ban đầu của mọi tôn giáo.

Mọi ao hồ sông rạch tôn giáo, kể cả tôn giáo Cao Đài, vốn đều phát xuất từ một bốn nguyên nguồn cội duy nhất là Đại Đạo, len lỏi vào từng nơi, khắp chốn để đem nguồn sống mát mẻ đến cho thế gian. Nhưng do xa nguồn Đại Đạo đã lâu nên các tôn giáo quên mất căn cội của mình cũng như các tôn giáo khác vốn từ

gốc Đại Đạo, khiến cho chánh giáo trở thành phàm giáo, càng ngày càng hướng ngoại để phát triển về mặt hình danh sắc tướng, xa rời phần giải thoát tâm linh. Khi tuổi nguồn Đại Đạo mát mẻ trong lành không còn đến với chúng sanh thì tâm linh nhơn sanh sẽ khô héo, tâm địa trở nên ác độc hơn bao giờ hết vì dục vọng làm chủ. Đó là thảm trạng của nhân loại ngày nay.

Để giải quyết thực trạng đau lòng đó, giáo lý Cao Đài chủ trương các tôn giáo sẽ phải trở về với bốn nguyên nguồn cội duy nhất là Đại Đạo, cội nguồn của mọi tôn giáo, bằng cách trở về với chơn truyền, với tâm nguyện của chư Thánh Tổ ngày xưa lúc mới lập giáo, mà từ lâu rồi, tâm nguyện ban sơ đó, chơn truyền đó bị nhạt nhòa dưới lớp bụi thời gian hoặc bị diễn dịch theo phàm ý riêng tư.

Sự quy hiệp này sẽ được các tôn giáo thể hiện qua việc rao giảng giáo lý truyền tải chơn lý Đại Đạo đến với các tín đồ của mình. Tín đồ các tôn giáo, mặc dù khác nhau do đặc điểm văn hóa, địa lý, lịch sử, chủng tộc, v.v. nhưng sẽ gặp nhau ở chơn lý Đại Đạo, để nhìn thấy cùng giống nhau ở xương trắng, máu đỏ, nước mắt cùng mặn, để gặp nhau ở điểm chung nhân bản, đó là tính người và tình người, để cùng nhau nói lên lời yêu thương, gìn giữ cho nhau được sống và tiến hóa trong sự thương yêu che chở của Đức Chí Tôn Thượng Đế.

Khi các tôn giáo đồng trở về cội nguồn Đại Đạo là lúc “Thực thể đạo thuần chánh cứu thế kỳ ba”, nơi gặp gỡ nhau giữa các tôn giáo, được thiết lập, và chỉ có “thực thể đạo cứu thế kỳ ba” này mới đủ sức giải bài toán khó của nhân loại hiện nay.

Pháp cũng là nguyên lý “Thiên địa vạn vật đồng nhất thể” và nguyên lý “Nhất tán vạn, vạn quy nhất”.

Vũ trụ vạn pháp là những hiện tượng sai biệt bên ngoài nhưng tất cả đều có một bản thể Đạo duy nhất bên trong, là Thánh Thể của Đức Chí Tôn Thượng Đế tràn đầy tình thương và đức hạo sanh. Tất cả chúng sanh, từ đất đá, cây cỏ, cầm thú cho đến loài người đều là những Tiểu Linh Quang của khối Đại Linh Quang Thượng Đế, đều thoát thai từ tình thương yêu và đức hạo sanh của Ngài, đến trần gian này, mượn môi trường này để tiến hóa. Và kể trước người sau lần lượt trở về nơi xuất phát sau khi đã thể hiện được tình thương yêu và đức hạo sanh của Ngài qua những kiếp sống ở trần gian.

Pháp còn là Tân pháp Cao Đài, thực hành đồng thời Tam công: Công quả, công trình, công phu. Gọi là Tân pháp vì đó là pháp tu mới, phù hợp với hoàn cảnh và con người thời đại ngày nay. Tân pháp Cao Đài sẽ giúp một người tu từ thấp lên cao, tu trong cuộc sống nhân sinh đến giải thoát tâm linh, tu từ thế đạo đến thiên đạo, vừa tự tu để hoàn thiện mình, vừa giúp cho người khác tu để mỗi người biết tự hoàn thiện họ. Nhờ đó mới có một xã hội hoàn thiện ở cõi thế gian để bước sang cõi siêu xuất thế gian.

Pháp còn là thể Thiên Nhơn Hiệp Nhứt

Khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại thế gian trong buổi Hạ ngưng mạc kiếp này là hồng ân của Thượng Đế ban cho chúng sanh, nhưng chỉ có hữu hình mới phục vụ trực tiếp cho hữu hình nên Thượng Đế rất cần những con người tự nguyện cộng tác với Ngài trong sứ mạng kỳ ba này để làm thể Thiên Nhơn Hiệp Nhứt. Những người Thiên ân sứ mạng này sẽ đảm trách một nhiệm vụ rất cao cả, sống với tinh thần một Thiên sứ, nhận chỉ thị của Thượng Đế, thay mặt Thượng Đế, đứng trước chúng sanh để nói những lời Thượng Đế muốn nói với chúng sanh, làm

những gì Thượng Đế muốn làm cho chúng sanh, để cảm hóa chúng sanh và dìu dắt chúng sanh đi đến bến bờ hạnh phúc. Do nhiệm vụ đặc biệt của người Thiên ân sứ mạng, nên bên cạnh những người Thiên sứ này luôn luôn có sự đồng hành để phù trì cần mật của các Đấng Thiêng Liêng.

*“Hỡi ai đã trung kiên một dạ,
Thì đây nguyện đặng đá khai đường,
Trần hoàn tận độ đắm đương,
Cõi thiên phù trợ lo lường tiến thặng.”¹¹*

Thế Thiên nhưn hiệp nhưt giúp người Thiên ân sứ mạng tràn đầy đức tin để sống một đời sống hướng thượng, thanh cao, có lý tưởng rõ ràng và hiến dâng cho lý tưởng. Sống như lời dạy của Đức Chí Tôn *“Thầy là các con, các con là Thầy”*. Đời sống của người Thiên ân sứ mạng không phải là của riêng mình nữa, mà là đời sống theo hình ảnh của Thầy, lo chuyên tâm tu học phụng sự cho có đủ tâm đức, trí năng và thần lực để phục vụ cho lý tưởng Đại Đạo: Xây dựng một xã hội nhân loại Đại đồng, Thánh đức.

Pháp còn là Pháp Chánh Truyền Tân Luật

Đó chính là hiến pháp và luật lệ, những văn kiện mô phỏng lại những thiên tặc, thiên luật đã và đang vận hành để điều khiển cả vũ trụ vạn vật theo một trật tự điều hòa để tất cả đều được sống và tiến hóa: Hàng ngàn tinh cầu trong vũ trụ với những tính cách khác nhau, đều đang quay theo những quỹ đạo khác nhau, nhưng vẫn không có xảy ra va chạm nhau; Mặt trời lên ban ngày, mặt trăng mọc ban đêm, hiện tượng này luôn xảy ra

11. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 11-02 nhuận Ất Sửu (31-3-1985).

đều đặn nhịp nhàng, êm thấm điều hòa, lợi nhân lợi vật. Tất cả vũ trụ vạn vật đều vận hành trong thiên tắc thiên luật. Pháp Chánh Truyền Tân Luật là luật tắc mà nhân sanh phải theo để tất cả được sống và tiến hóa trong trật tự, hạnh phúc an lạc. Một thí dụ: Tân luật, phần Đạo Pháp, chương thứ 4, điều thứ 21 quy định về Ngũ giới cấm (nhất bất sát sanh, nhì bất du đạo, tam bất tà dâm, tứ bất tửu nhục, ngũ bất vọng ngữ), chỉ riêng một điều khoản này thôi, nếu được áp dụng rộng rãi trong đời sống hàng ngày, cuộc sống con người sẽ an vui hạnh phúc biết bao vì sẽ không còn cái ác rình rập xung quanh.

Đến đây thì chúng ta thấy, Pháp chính là phương pháp tu hành đặc thù, hiện đại, được chính Đức Chí Tôn ban ơn để trị dứt căn bệnh của con người hiện đại.

Tuy nhiên, Pháp dù có linh nhưng phải có người chứng nghiệm cái linh của Pháp qua việc thực hành, và có kết quả cụ thể là sống một cuộc sống an vui hạnh phúc khi cái Đạo tự hữu ẩn tàng bên trong được sáng ngời, thì Pháp mới có ý nghĩa và tồn tại vì đủ sức thuyết phục và cảm hóa chúng sanh. Do đó vai trò của người hành được cái Pháp để được đắc Đạo, để làm chứng nhân, và mang cái Pháp đó đến với chúng sanh trong thời Hạ nguơn mặt kiếp này là vô cùng quan trọng. Đó là sứ mạng quyền pháp mà Đức Chí Tôn Thượng Đế ban trao cho bậc Thiên ân sứ mạng.

II. SỨ MẠNG QUYỀN PHÁP CỦA NGƯỜI THIÊN ÂN SỨ MẠNG

Ai là người Thiên ân, xứng đáng nhận lấy sứ mạng quyền pháp?

Vì quyền là tình thương, pháp là sự sống nên sứ mạng quyền

pháp trước hết dành cho những ai tự nguyện thay mặt Thượng Đế đem tình thương và sự sống đến với chúng sanh. Ai có tình thương và sự sống ban trao cho chúng sanh thì người đó có quyền pháp.

Sứ mạng quyền pháp trước hết được Đức Thượng Đế giao cho dân tộc Việt Nam, vì truyền thống hiếu hòa, hiếu đạo và tinh thần Tam giáo đồng nguyên đã ăn sâu vào tâm thức người Việt.

“Các con là dân tộc Việt cũng như các dân tộc khác sanh trưởng tại quả địa cầu này. Tình thương Tạo Hóa cũng ban đồng cho các con cũng như các con khác, nhưng dân tộc các con đã đau khổ quá nhiều. Non sông Tổ quốc các con đã bị giày xéo lâu đời, nhưng các con được trội hơn chúng về đức tin, về lòng đạo đức ngưỡng mộ Thượng Đế và các Đấng trọn lành. Tình thương các con không thiếu, lòng hiếu hòa các con có thừa, do đó dân tộc các con mới hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Trên bốn mươi năm rồi, Thầy đem giống Đạo đến gieo trên mảnh đất hiền hòa nhưng đau khổ này để các con chung nhau vun xới, tưới nước, bón phân để hạt giống đó sớm nảy mầm đâm tược, đơm bông kết quả. Chỉ có giống này mới cứu đời vạn linh trong thời kỳ mạt kiếp này, mà trước tiên là cứu dân tộc các con

(...)

Hạt giống lành Thầy vừa nói đó là Đạo, nền Đại Đạo mà các con đang tin tưởng, đang hành sự, đang công quả.”¹²

Và Đức Lý Giáo Tông cũng đã một lần nữa nhấn mạnh tầm quan trọng của dân tộc Việt Nam trong sứ mạng đem lại hòa bình hạnh phúc cho nhân loại:

12. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thiên Lý Đàn, 30-10 Mậu Thân (19-12-1968).

“Sứ mạng của dân tộc này to tát như thế, quyền pháp quan trọng như thế, không phải làm không được. Chư đệ muội hãy chờ đợi, việc sẽ đến và đang đến. Từ ngàn xưa, trên lịch sử đã từng được nghe và thấy rõ. Việt Nam, một dân tộc mà tất cả thế giới đều nhìn vào, không phải nhìn vào vì nó có sự đe dọa tàn phá cả thế giới, mà nhìn vào chính nó là một động năng cứu rỗi xây dựng mới trên toàn thể nhân sinh.”¹³

Thầy giao quyền pháp cho dân tộc Việt Nam, nhưng ai trong số gần chín mươi sáu triệu người Việt Nam đứng ra tiếp nhận sứ mạng này để đem hột giống lành cứu độ vạn linh? Thầy muốn nói đến chư tín hữu Cao Đài trong tôn giáo Cao Đài, là những đoàn người tiên phong của dân tộc Việt Nam.

Một cánh đồng mẫu Cao Đài kết tinh từ những hạt giống lành Đại Đạo, sản sinh ra những quả ngọt là cuộc sống hạnh phúc của những người biết trở về nguồn cội nhân bản, thấy thân mình là một thân với gia đình, với dân tộc, với nhân loại, với cả vũ trụ vạn vật, biết yêu thương và tôn trọng lẫn nhau vì thấy được sự ngự trị của Đức Thượng Đế đầy yêu thương và oai nghiêm trong tất cả. Hạnh phúc trong Thế đạo đại đồng và Thiên đạo giải thoát.

*“Cao Đài là cái đài cao,
Vượt lên tất cả đón rào ngăn che.
Thấy tỏ rõ mà nghe thấu suốt,
Có gì đâu hạn cuộc được ta,
Ngoài trời Thượng Đế bao la,*

13. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

Trong lòng vạn tượng cũng là Chí Tôn.”¹⁴

Do sự hấp dẫn của cánh đồng mẫu này, các bậc lãnh đạo của các tôn giáo khác sẽ tiếp nhận hột giống lành Đại Đạo, đem về gieo trên những cánh đồng tôn giáo khác nhau, qua những bài rao giảng giáo lý cho các tín đồ của mình. Qua đó, cánh đồng mẫu Cao Đài sẽ được lan rộng ra trên khắp các cánh đồng của dân tộc Việt Nam, để rồi sẽ được nhân giống ra khắp cả thế giới. Đó là thành quả cứu thế của “*Thực thể đạo cứu thế kỳ ba*”, là nơi hội tụ tinh thần Đại Đạo của các tôn giáo.

Và Thầy cũng một lần nữa xác nhận sứ mạng quyền pháp của dân tộc Việt, đem chân lý Đại Đạo đến với khắp cùng năm châu bốn biển:

*“Thầy sắp cuộc dinh hoàn tái tạo,
Dụng huyền linh Đại Đạo vận hành;
Quyền Thầy hiệp cả vạn sanh,
Đông Tây, kim cổ lập thành tương lai.
Trước xây đắp Cao Đài thánh đức,
Dụng Nam Bang làm mức phóng khai,
Dân Nam sứ mạng Cao Đài,
Năm châu bốn bể hòa hài từ đây.”¹⁵*

Để thực hiện sứ mạng to tát này, mỗi đạo hữu tin tưởng, hành sự và công quả trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đều là những Thiên ân sứ mạng, đều có nghĩa vụ dùng tình thương vô tư để đem đạo Thầy công dụng mọi nơi, mọi hoàn cảnh, dù ở bất cứ

14. Đức Quảng Đức Chơn Tiên, Minh Lý Thánh Hội, 07-6 Tân Dậu (08-7-1981).

15. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-02 Quý Hợi (29-3-1983).

cương vị nào, dù lớn dù nhỏ, để thể hiện được cái Pháp của Thầy và luôn được sự hộ trì về mặt Thiêng Liêng.

Trong hơn bốn triệu tín hữu Cao Đài trên toàn thế giới, mặc dầu ai cũng có sứ mạng quyền pháp vì mỗi tín đồ phải độ cho được mười hai người, nhưng phải có sự phân chia thứ bậc cao thấp trong hệ thống chức sắc để có tôn ti trật tự trong việc phân công và điều hành đạo sự.

Điều gì xác định thứ bậc cao thấp trong việc phân quyền trong khi ai cũng có điểm Đạo duy nhất toàn thiện toàn chơn, điểm linh quang từ Đức Chí Tôn Thượng Đế? Chúng ta biết rằng về phương diện con người mà nói thì Pháp lại là sự phô diễn ra bên ngoài cái điểm Đạo tự hữu thiên phú ấy. Khi vào đời, cái điểm Đạo duy nhất này không sáng đồng đều ở mỗi người do bị nghiệp lực nhiều đời kiếp tích tụ che lấp. Ánh sáng Đạo tự hữu bị che lấp nhiều hay ít là do sự tập nhiễm của mỗi người trong tiền kiếp, trong đó còn có yếu tố truyền thừa theo dòng thức nghiệp huyết thống hệ tộc. Vốn Đạo hiện hữu mà mỗi người đang có sẽ thị hiện ra ngoài bằng cái Pháp (tâm, hạnh, đức, tài). Pháp này sẽ quyết định Quyền của mình ra sao trong tập thể. Với Quyền đó thì sẽ có Pháp tương ứng (phạm vi trách nhiệm). Vấn đề ở chỗ là mỗi người hành đạo phải biết rõ ranh giới của Quyền và Pháp của mình đối với tập thể. Từ đó mới xác định được phạm vi trách nhiệm của mình trong tập thể, để vừa chu toàn phận sự mình, vừa tránh kháo đảo vì giẫm chân lên phần việc của người khác.

“Đạo không ở đâu mà không có. Từ vật lớn nhất cho đến vật nhỏ nhất đều có điểm Đạo. Cũng như một Hội Thánh, một cơ quan từ cấp lãnh đạo tối cao cho đến cấp nhân viên cộng sự cũng đều có cái quyền trước cái pháp. Vì thế mà người hành đạo phải xác nhận

trách nhiệm mình trước quyền pháp. Ví như châu thân của con người: cái tay không thể gọi là chân được, mà chân không thể gọi là cổ được, cổ không thể bảo đó là đầu được. Như vậy, chân phải có sức mạnh của chân để đi cuối tận quãng đường trăm năm thiên lý, tay phải có sức mạnh của tay để làm tất cả sứ mạng con người, cổ phải có sự bảo vệ hoàn toàn để làm trụ cốt kinh thiên trong tiểu vũ trụ, đầu phải chứa đựng đầy đủ giác tuệ để thông suốt ngoại cảnh, thân thập nuôi dưỡng các bộ phận một con người.

Điều đáng lưu ý hơn hết là cái sức mạnh của các bộ phận do đầu não chủ trương, muốn đi thì đi, muốn đứng thì đứng, muốn làm thì làm, muốn không thì không. Mọi sự kiện đã có quy định quyền hạn của mỗi bộ phận trong châu thân.

Đầu là một hệ thống trực thuộc, nhưng nếu đầu não cướp mất quyền hạn của các bộ phận kia thì hóa ra con người bất di bất dịch. Bằng các bộ phận áp đảo đầu não lại hóa ra một kẻ cuồng loạn vô tri. Đó là cái thí dụ để người hành đạo lưu ý đến điểm Quyền Pháp của Đạo vậy.”¹⁶

Người Thiên ân sứ mạng làm tốt trách nhiệm của mình trong tập thể thì có Pháp tương xứng với Quyền. Như thế thì quyền pháp sẽ được nghiêm minh. Bằng ngược lại, có Quyền nhưng không có Pháp tương xứng, (lãnh quyền nhưng không hành đạo, hoặc đi quá quyền hạn của mình) thì sẽ làm rối loạn hàng ngũ, tổ chức, gây khó khăn cho sự phát triển của cơ đạo.

“Phần Thường Vụ phải nhận hiểu quyền của mình để ban hành cái pháp cho Vụ Trưởng. Phần Vụ Trưởng phải nắm giữ cái quyền

16. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Thiên Lý Đàn, 23-6 Canh Tuất (25-7-1970).

*của mình đừng lệch lạc để ban hành cái pháp cho Trưởng ban.*¹⁷

Thường Vụ có quyền làm việc với Vụ Trưởng và tác động đến Vụ Trưởng; Vụ Trưởng có quyền làm việc với Trưởng Ban và tác động đến Trưởng Ban. Và dĩ nhiên Trưởng Ban có quyền làm việc và tác động, điều hành dịch sử nhân viên trong Ban của mình. Nếu nhân viên không thông qua Trưởng Ban của mình mà làm việc trực tiếp với Vụ Trưởng hay Thường Vụ là vượt cấp, sai quyền pháp. Mọi hoạt động của cấp dưới, nếu cấp trên không hay biết là sai quyền pháp.

Quyền pháp phải được quán thông, xuyên suốt theo chiều dọc từ trên xuống dưới. Để thực thi quyền pháp cho được nghiêm minh, người hành đạo phải nhớ kỹ điều này: Trên thì tôn trọng quyền pháp của bề trên, dưới thì tôn trọng quyền pháp của thuộc cấp. Điều này được hiển lộ rõ ràng qua Pháp Chánh Truyền. Một thí dụ cụ thể là quyền hành Chánh Phối Sư được chú giải như sau:

“(...) Người nắm trọn quyền hành sự nơi tay, chỉ tùng lệnh Đầu Sư phán dạy thế nào thì phải tuân theo thế ấy; chẳng đặng cãi mạng lệnh tự mình chế biến; nhứt nhứt đợi lệnh Đầu Sư, song Đầu Sư cũng không đặng phép giành quyền hành sự của ba vị ấy. Hễ Đầu Sư lấn quyền hành sự mà không do nơi Chánh Phối Sư thì là quá quyền mình, ắt phải phạm Pháp Chánh Truyền.”

Một thí dụ khác là điều quy thứ ba trong Tứ Đại Điều Quy có dạy: *“Đối với trên dưới đừng lờn dễ. Trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.”* Phải có sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau như thế thì quyền pháp mới nghiêm minh.

Quyền Pháp luôn đi đôi với sứ mạng. Thiêng Liêng đặt kỳ

17. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Thiên Lý Đàn, 23-6 Canh Tuất (25-7-1970).

vọng rất nhiều vào chư Thiên ân sứ mạng chấp trì quyền pháp, đó là những người sẽ thay đổi cuộc diện của xã hội loài người, từ thê lương ảm đạm thiếu vắng tình thương của mùa Đông bước sang mùa Xuân của Đại đồng, của Thánh đức nếu hoàn thành được sứ mạng quyền pháp mà Thầy đã giao phó:

“Nếu không làm được Đông thành Xuân, phạm tục thành Tiên Thánh, loạn nên trị, chiến đấu ra an bình, vị kỷ ra đại đồng, chính là chưa đạt được Quyền Pháp đó.”¹⁸

Để làm được sứ mạng gian khổ đó, không gì hơn là mỗi Thiên ân sứ mạng từ Tòa Thánh, Hội Thánh, Thánh thất, Thánh tịnh phải giữ gìn cho quyền pháp được xứng đáng tinh nghiêm để phát huy sức mạnh của Quyền Pháp.

III. LÀM THẾ NÀO ĐỂ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA QUYỀN PHÁP

Người Thiên ân sứ mạng quyền pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phải tu tập, chứng nghiệm được cái Pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ứng dụng Pháp vào bản thân mình để làm sáng cái Đạo tự hữu của mình, đó là chứng được Đạo, từ đó thị hiện được cái Pháp qua lời nói cử chỉ hành động của một người giác ngộ, có khả năng giác hóa chúng sanh (một lời nói biến thành giáo hóa, một cái nhìn chứa cả tình thương).

Người Thiên ân phải là điển hình tiêu biểu của Pháp, một pho giáo lý sống động để nhơn sanh nhìn vào đó mà học mà tu.

Người Thiên ân tỏ ra được xứng đáng là một đại diện cho

18. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

Đấng Thượng Đế tại thế gian, đem tình thương để cảm hóa nhơn sanh, để nhơn sanh sống đúng theo cái Pháp đạo của Thượng Đế ban trao.

Từ những hình ảnh ưu việt của người Thiên ân nhờ thấm nhuần cái Pháp, nhơn sanh sẽ kính yêu, tin tưởng và vâng lời. Pháp của người Thiên ân có linh thì Quyền của người sẽ mạnh, bằng ngược lại, chỉ có Quyền mà thiếu Pháp, nhơn sanh sẽ không tin phục, thì quyền pháp sẽ u tối, nhơn sanh sẽ đi vào chốn lạc lăm.

Cụ thể, người Thiên ân sứ mạng phải giữ gìn giới luật, thiên định và học tập không ngừng.

a) Việc giữ giới quy đạo luật, sẽ là bộ thiết giáp giúp người Thiên ân sứ mạng được an toàn vượt qua mọi khó khăn khảo đảo.

Đức Hiển Thế Đạo Nhơn giảng giải về tầm quan trọng của việc tôn trọng giới quy đạo luật như sau: *“Các em đã có tâm, là vốn liếng Thiên phú rồi. Nhưng cần phải thượng tôn luật pháp hoặc nội quy hành đạo mới khỏi bị khảo đảo, vì nội quy là cái đường rầy xe lửa. Nếu xe lửa chạy trật đường rầy ắt đâm nhào xuống hố, kéo luôn hành khách cùng theo.”*¹⁹

Cũng nhờ gìn giữ giới quy đạo luật mà người Thiên ân sứ mạng có được tác phong đạo hạnh tư cách xứng đáng, gây được sự thương yêu kính phục của tha nhân, nhờ đó pháp mới linh và quyền mới mạnh; bằng ngược lại thì quyền pháp sẽ bị đen tối, chúng sanh trụy lạc, sứ mạng không thành lại còn đắc tội với Thiêng Liêng. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế cũng đã từng cảnh báo:

19. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-4 Kỷ Dậu (16-5-1969).

“Nếu các con không có một tư cách xứng đáng, lại còn có nhiều thái độ tầm thường, thì chẳng những được làm anh Hướng đạo mà để cho đàn em khinh bỉ. Nếu bước tiến của nhơn sanh mỗi ngày được giác ngộ mà Hội thánh thiếu bản sắc uy nghi thì chúng sanh coi thường, mà coi thường thì còn gì giá trị của Đạo? Đạo mất giá trị thì quyền pháp còn ăn nhập vào đâu? Quyền pháp bị đen tối đi rồi thì chúng sanh tha hồ trụy lạc. Đối với tội ấy, các con tu bao nhiêu kiếp mới đền xong? Vậy phận sự của các con lấy làm trọng hệ.”²⁰

Đức Quan Thánh trong một lời dạy đã chuẩn hóa hình ảnh của một Thiên ân sứ mạng. Cứ giữ dạ chí thành theo Pháp để đạt Đạo, không màng danh vị và không ngại tiếng thị phi:

“Thử đặt một tiêu chuẩn để làm thước đo phẩm hạnh cùng công quả của người tu. Tỷ dụ: Muốn được vào hàng Thiên phong giáo phẩm, hãy tự kiểm điểm xem mình đã hiểu luật pháp đạo, phẩm hạnh đạo, công quả phổ độ chúng sanh, chay lạt, nghi thức, lễ bái, cùng trình độ hiểu biết về văn hóa cũng như về giáo lý Đạo đã đến đâu, có xứng với hàng giáo phẩm ấy chưa? Nếu xứng, dầu chưa được vào hàng ấy cũng tự vui thú ở nội tâm. Bằng chưa xứng, dầu được mang lấy danh từ ấy vào, nhưng trước mặt cảm của nhơn sanh và tự tâm mình thâm hiểu, đó là điều khổ vậy.

Đứng trước một hoàn cảnh phũ phàng, bị người bạc đãi, hãy tự kiểm điểm xem mình có tác phong đúng đắn, tư cách nghiêm trang với người đối diện cùng chăng? Nếu có, cũng tự thầm vui, vì sự phũ phàng ấy tự người gán cho mình. Ngược lại, nếu tại bởi mình thiếu sót, thì hãy ôn tồn vui vẻ tu tỉnh cho được đầy đủ xứng đáng hơn.

20. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Trung Hưng Bửu Tòa, 08-6 Bính Thân (15-7-1956).

*Tạm giải hai điều đó để chư hiền đệ muội về nhà suy xét, kèm chế tâm trung để trở nên người đoan trang phẩm hạnh đạo đức.*²¹

b) Người Thiên ân sứ mạng phải học tập suốt đời để có hiểu biết về kiến thức phổ thông, văn hóa, rành về giáo lý và giáo pháp, quyền pháp đạo luật để hướng dẫn lại cho nhơn sanh.

Là người cầm Pháp Thầy gieo rải khắp nhơn sanh để độ đời giúp chúng, người Thiên ân sứ mạng không chỉ biết làm lành lánh dữ, ăn chay, cúng lạy, tu tịnh, làm công quả là đủ. Muốn đem Pháp đến độ nhơn sanh thì phải thật thông hiểu Pháp để hướng dẫn cho nhơn sanh. Nếu nhơn sanh không hiểu nên đặt câu hỏi nhờ ta giải thích, nhưng vì chúng ta không học, không nghiên cứu nên không hiểu để giải thích lại cho nhơn sanh thì làm sao hoàn thành sứ mạng được. Trong trường hợp này nếu chúng ta đang mang phẩm phục chức sắc cao cấp trong tổ chức Đạo thì chẳng những uy tín của chúng ta bị mất, mà uy tín của Đạo cũng không còn.

c) Thiên định công phu đủ đầy, thần khí sung mãn, người hành giả sẽ có những ấn chứng sau:

- Sức khỏe tốt để đủ sức hành đạo.
- Trí huệ sáng suốt trong từng quyết định.
- Tình thương trải khắp mười phương để hết lòng phụng sự và rộng lòng bao dung.

Đó là những điều kiện rất cần thiết cho người Thiên ân sứ

21. Đức Quan Thánh Đế Quân, Huân Cung Đàn, 14-6 Ất Tỵ (12-7-1965).

mạng trên đường tu công lập đức, hành đạo độ đời. Đức Đông Phương Chưởng Quân dạy về diệu dụng của công phu thiền định:

“Chư hiền đệ muội! Bản Đạo nhắc lại về tác dụng của Đạo pháp:

– Trước nhất là điều hòa thần khí, an định thân tâm. Thần khí, thân tâm có được điều hòa ổn định thì con người luôn luôn tươi nhuận khỏe mạnh, không phải bận tâm những thời kỳ thuốc men khan hiếm.

– Thứ hai là cho tâm linh được miễn tuệ, minh linh sáng suốt, tự chọn đường đi lối về, néo tắt đường quanh của đời cũng như đạo và am hiểu được những sự rủi may tốt xấu sẽ xảy đến cho mình.

– Ba là hội tụ điển lành từ nội tâm, phát ra lời nói êm ấm dịu dàng, dễ thương, dễ cảm, dễ chinh phục tha nhân vào đường chánh giáo.

Đó là ba điểm chánh yếu thực tiễn của Đạo pháp ngay khi còn tại thế.”²²

IV. KẾT LUẬN

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Quyền không có nghĩa là quyền lực, quyền hành, quyền uy để trấn áp nhơn sanh, Pháp không có nghĩa là những luật lệ dẫn dắt chúng sanh vào vòng nô lệ. Quyền Pháp là giáo hóa. Quyền Pháp là dụng tình thương để cảm hóa, đem giáo lý, giáo pháp, luật lệ và pháp môn Cao Đài để dìu dắt nhơn sanh thoát khỏi chốn sông mê biển khổ của cảnh trần ai giả tạm trở về đời sống siêu nhiên bất diệt, hạnh phúc nơi cõi trần gian và siêu xuất thế gian. Quyền Pháp là sứ mạng tự nguyện nhận lãnh trước Thiêng Liêng của những ai muốn

22. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 10-5 Bính Thìn (07-6-1976).

Thánh hóa mình để có cái Pháp hầu có được cái Quyền cộng tác cùng Thiên cơ để đưa nhơn sanh bước sang đời Thượng Ngươn Thánh Đức. Thầy đã dạy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển là mỗi tín đồ phải độ cho được mười hai tín đồ mới. Đó là sứ mạng Quyền Pháp Thầy đã ban cho mỗi chúng ta từ thuở mới khai Đạo. Mỗi người phải biết phạm vi trách nhiệm của mình. Trước mặt, bên cạnh và phía sau mình đều là các Thiên ân hướng đạo đang cùng mình chấp trì Quyền Pháp. Chấp trì Quyền Pháp là thọ lệnh cấp trên và điều độ cấp dưới, không giẫm chân, không lấn quyền, không vượt quyền. Và quan trọng nhất là người chấp trì Quyền Pháp phải tu chứng để Quyền Pháp được nghiêm minh mới hoàn thành được sứ mạng:

- “Giới luật tinh minh để ngăn được lòng dục và phá tập quán, thói đời, mới giữ được đức tánh thanh cao, phẩm hạnh xứng đáng.
- Học tập để phá cái mê lầm, mở rộng trí tuệ, thấu suốt lẽ đạo đồng nhất, là chỗ cùng lý tận tánh để chứng nghiệm việc làm.
- Trì công tu tiến trên đường tự giác, giác tha để thọ trì bí pháp mà đạt chứng lẽ đạo nhiệm mầu.”²³

Ngày 31 tháng 1 năm 2019.

23. Minh Lý Thánh Hội, *Minh Lý Chọn Giải*, Nxb Tôn Giáo, 2017, tr.75.

“Dân Nam sứ mạng Cao Đài, Năm châu bốn bể hòa hài từ đây”

Quách Hiệp Long sưu tầm, 22-12-2018

Đó là lời Thánh giáo của Đức Chí Tôn Cao Đài Thượng Đế ban cho tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo vào ngày Rằm tháng 2 năm Quý Hợi 1983. Thầy đã minh định sứ mạng Cao Đài của dân tộc Việt Nam:

*Thầy sắp cuộc dinh hoàn tái tạo,
Dụng huyền linh Đại Đạo vận hành;
Quyền Thầy hiệp cả vạn linh,
Đông tây kim cổ lập thành tương lai.
Trước xây đắp Cao Đài thánh đức,
Dụng Nam Bang làm mức phóng khai,
Dân Nam sứ mạng Cao Đài,
Năm châu bốn bể hòa hài từ đây.*

DÂN VIỆT ĐƯỢC BAN TRAO SỨ MẠNG NHỜ LÒNG TIN ĐẠO DỒI DÀO

Đêm Giao Thừa 30 tháng Chạp Giáp Dần (10-02-1975), tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Đức Chí Tôn đã dạy rõ vì sao Ngài ban trao trọng trách cho dân tộc Việt Nam: “*Thầy khởi đầu cơ phục nguyên tái tạo trên mảnh đất nhỏ bé để dân tộc ít oi mà giàu lòng tin đạo này góp tay vào công cuộc xây dựng đời Thánh đức Thượng*

nguồn, thế giới an bình cho xã hội nhân loại trong tương lai.

Thầy đã đưa tay đến với các con, các con phải đưa tay tới với Thầy. Thầy sẽ dìu dắt các con đến gần Thầy và trở về cùng Thầy. Thầy cùng các con là một, sống trong lẽ thiên nhiên, trong mùa xuân vĩnh cửu.”

Trong một bài Thánh giáo khác, Thầy đã dạy: “Các con là dân-tộc Việt cũng như các dân-tộc khác sanh-trưởng tại quả địa cầu này. Tình thương Tạo-Hóa cũng ban đồng cho các con cũng như các con khác, nhưng dân-tộc các con đã đau khổ quá nhiều, non sông tổ-quốc các con đã bị giày xéo lâu đời nhưng các con được trội hơn chúng về đức-tin, về lòng đạo-đức ngưỡng-mộ Thượng-Đế và các Đấng trọn lành. Tình thương các con không thiếu, lòng hiếu-hòa các con có thừa, do đó dân-tộc các con mới hạnh-ngộ Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ Độ. Trên bốn mươi năm rồi, Thầy đem giống Đạo đến gieo trên mảnh đất hiền-hòa nhưng đau-khổ này để các con chung nhau vun xới, tưới nước bón phân để hạt giống đó sớm nảy mầm đâm tược đơm bông kết quả. Chỉ có giống này mới cứu đời vạn linh trong thời-kỳ mạt-kiếp này, mà trước tiên là cứu dân-tộc các con!”¹

Trong lễ kỷ niệm đánh dấu lịch sử ngày Thượng Đế ban cho biểu tượng Thiên Nhân đạo Cao Đài², Đức Ngô Minh Chiêu cùng chư Phật Tiên giảng cơ tại Cao Đài Hội Thánh, Dương Đông Phú Quốc, xác nhận sứ mạng lập đạo Cao Đài của dân tộc Việt Nam:

*Cảnh trí thiên nhiên trước sắp bày,
Huyền vi lối bóng, Đạo hoằng khai;*

1. Thiên Lý Đàn, 30-10 Mậu Thân (19-12-1968).

2. Ngày 13 tháng 3 âm lịch.

*Non sông bốn mặt trời soi sáng,
Nhân vật mười phương đất chuyển xoay.
Sứ mạng Tam Kỳ trao Việt quốc,
Chủ quyền nhứt thống lập Cao Đài.
Hạ nguơn sĩ tử mau mau bước,
Ổn định càn khôn đã đến ngày!³*

VIỆT NAM LÀ DÂN TỘC ĐƯỢC CHỌN

Vào dịp lễ Giáng Sinh 1967, Đức Chúa Giê-su giảng cơ giảng dạy thêm về ý nghĩa của sứ mạng dân tộc được chọn:

“(...) Hỡi dân tộc được chọn! Hỡi dân tộc được thương yêu! Này chư hiền nam nữ! Quốc gia này còn tan tác là dân tộc này chưa vừa ý trong sứ mạng của Thượng Đế Chí-Tôn.

Một hân hạnh lớn lao, một hãnh diện to tát, chư hiền được đem ra từ một dân tộc của một quốc gia trong muôn vàn quốc gia mà Đại Từ Phụ điểm nhận. Trách vụ cam go chỉ giao cho người chí khí. Mọi thử thách sẽ định giá cho thành quả của sự vụ mai sau.

Ta nói với chư hiền: Chính sự giầy vò của tâm tư, sự nhọc nhằn của thể xác, sự gò ép, sự chết chóc sẽ điểm đạo cho hàng Thiên mạng. Xem gương Ta đi trước mà mạnh bước vượt qua rừng sầu bể khổ. Ta đã đến với nhơn sinh trong đau khổ lạnh lùng, đem thân mình hòa đồng trong băng tuyết, trong gió rít đêm đông. Có người đã bảo chư hiền: Không vào tận hang cọp làm sao bắt được hùm con. Ta lại nói: Chỉ có đem mình vào bể khổ mới cứu vớt sự đắm chìm của nhân loại. (...)”⁴

3. 14-3 Đinh Mùi (23-04-1967).

4. Thánh Thất Bàu Sen, 23-11 Đinh Mùi (24-12-1967).

VIỆT NAM SẼ LÀ MỘT ĐỘNG NĂNG CỨU RỖI XÂY DỰNG MỚI TRÊN TOÀN THỂ NHÂN SINH

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Lý Thái Bạch đã dạy:

“Trong hiện tình nhân loại phân tranh chiến đấu, đó chính là sở vật thực tại đang biến dưỡng. Một là, nếu như quả trứng không ngòì, thế giới này sẽ tự hủy diệt. Hai là, nếu có điểm quyền pháp thì thế giới này sẽ tạo một thiên đàng thuần chánh.

Con gà chỉ là con gà sau khi tự phá vỡ vỏ trứng. Thế giới này cũng thế. Hãy suy gẫm!

Các tôn giáo hiện có chỉ là các cấu tử chớ chưa phải là “Đạo”, là “Tôn Giáo Cứu Thế”. Vì lẽ đó Đại Từ Phụ mới ban quyền pháp. Quyền pháp là “Thầy”, là “Đạo”, là động năng thúc đẩy tạo thành Thánh Đức sau Hội Long Hoa.

Bần Đạo đã nói: Quyền pháp là “Thầy”, là “Đạo”. Nhắc lại, Đạo chớ không là tôn giáo. Trong sở vật thực tại của tôn giáo trên thế giới, tất cả các tôn giáo từ xưa nay đang biến dưỡng tranh chấp để tiến hóa. Sự tiến hóa không là hỗn tạp mà tự sự mâu thuẫn.

Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể “Đạo Cứu Thế” trong Tam Kỳ Phổ Độ, cũng như cái ngòì gà trong quả trứng vậy.

Nhìn lại điểm quyền pháp mà Thượng Đế đã đặt để cho dân tộc này, chưa làm tròn sứ mạng quyền pháp vì tôn giáo hiện hữu còn tranh chấp, là chưa tạo được một thực thể Đạo thuần chánh để cứu thế!

Không phải Thượng Đế cấy lúa trên tảng đá hay trao quyển binh thư cho người mù chữ. Ngoài ân ban, Đức Thượng Đế còn nhận thấy dân tộc này có thể thực hành sứ mạng: “Hảo Nam Bang,

Hảo Nam Bang. Tiểu quốc tảo khai hội Niết Bàn!”. Bàn Đạo nói để chư hiền đệ muội không lấy làm buồn mà để nhận một thực tế. Dân tộc này Đại Từ Phụ đã chọn, như Gia Tô Giáo Chủ đã nói trong lễ Giáng Sinh: ‘Chỉ có tâm thức thì sáng mà ý thức còn u tối’. Chính vì vậy mà quyền pháp này chưa lập được.

(...)

Chư đệ muội hãy chờ đợi! Việc sẽ đến và đang đến. Từ ngàn xưa, trên lịch sử đã từng được nghe và thấy rõ: Việt Nam, một dân tộc mà tất cả thế giới đều nhìn vào. Không phải nhìn vào vì nó có sự đe dọa tàn phá cả thế giới, mà nhìn vào chính nó là một động năng cứu rỗi xây dựng mới trên toàn thể nhân sinh.”⁵

KẾT LUẬN

Xin lặp lại lời dạy bên trên của Đức Chúa Giê-su: “*Hỡi dân tộc được chọn! Hỡi dân tộc được thương yêu! Nay chư hiền nam nữ! Quốc gia này còn tan tác là dân tộc này chưa vừa ý trong sứ mạng của Thượng Đế Chí Tôn.*” để mỗi tín đồ, mỗi bậc Thiên ân, mỗi Sứ mạng suy tư mà cố gắng hơn nữa trong sứ mạng trọng đại đang thọ nhận và ghi nhớ lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Lý Thái Bạch:

“Nếu một quyền pháp, một phương thuốc trị dứt căn bệnh của dân tộc, giải thoát sự hủy diệt của dân tộc này thì sẽ giải thoát được sự hủy diệt cả thế giới. “Bảo sanh, nhân nghĩa, đại đồng”, lý thuyết là một lẽ mà quyền pháp có hay không để thực thi là một điều khác.”⁶

5. Nam Thành Thánh thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

6. Nam Thành Thánh thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

Thiên Đạo Giải Thoát

Hồng Phúc

Đức Thượng Đế khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, giao cho tôn giáo Cao Đài làm xuất phát điểm hình thành cơ cấu thể Kỳ Ba với phương tu vừa xuất thế, vừa nhập thế trên tinh thần dung hòa vạn giáo qua tôn chỉ “*Tam giáo quy nguyên- Ngũ chi phục Nhứt*”, không chỉ vạch ra một đường hướng giúp nhân loại chung tay xây dựng một nền văn minh đạo đức phù hợp với mọi cá tính nhân loại để kiến tạo một xã hội đại đồng, trong đó vẫn bảo tồn các bản sắc riêng của từng dân tộc nhưng không còn tồn tại những sự kỳ thị, mâu thuẫn, phân chia do bởi những dị biệt, phân tranh; và quan trọng hơn là dẫn dắt con người trở về đúng quỹ đạo vận hành cơ tiến hóa của Trời Đất, kịp với chu kỳ vũ trụ đang dần chuyển giáp mỗi tuần hoàn theo định luật “*Vạn quy Nhứt*”, trong đó con người là những Tiểu Linh Quang đang ở vào giai đoạn trở về lại khởi điểm Đại Linh Quang, nhưng vì vô minh mê đắm hồng trần nên cứ lẩn quẩn loanh quanh trong vòng luân hồi sanh tử.

Đó là nội dung của mục đích “Thế đạo Đại đồng” và “Thiên đạo Giải thoát” mà Đức Thượng Đế giao cho con người thực hiện trong cơ phổ độ Kỳ Ba, nếu như con người muốn tồn tại, muốn trở lại cội nguồn, theo đúng sự vận hành của Thiên lý.

Để tiến được đến mục tiêu Thiên Đạo Giải thoát, người tín đồ Cao Đài, hơn ai hết, phải hiểu rõ “Thiên đạo Giải thoát” là gì? Thế nào là “Giải thoát”? Giải thoát cái gì? Giải thoát ra sao? Làm cách nào để giải thoát?

1. “THIÊN ĐẠO GIẢI THOÁT” LÀ GÌ?

Thiên Đạo

Thiên: Trời.

Đạo: có rất nhiều nghĩa: Cái lẽ nhất định ai cũng phải noi theo; Phương pháp, phương hướng; Cách thức, đường lối; Tôn giáo, tín ngưỡng.

Có thể giải thích, Thiên đạo: đạo Trời, cũng là phương cách Trời dạy con người tiến hóa tâm linh, quay về phục Nhứt, mà theo giáo lý Cao Đài là hiệp một cùng khối Đại Linh Quang, thuộc về phần Nội giáo Tâm truyền, là đạo vô vi trong cơ cứu thế, đòi hỏi con người chí thành, chí thiện mới đạt đến, dựa trên ý nghĩa câu “Thành giả, Thiên chi đạo dã” trong sách Trung Dung, được Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ dịch là “Hoàn toàn là đạo của Trời”.

Giải thoát

Giải: Cởi, mở ra; Tiêu trừ, làm cho hết; Thoát khỏi.

Thoát: Thả ra, phóng thích.

Giải thoát là cởi bỏ, thoát ra tất cả những gì đang trói buộc,

để con người được tự do, không còn bị câu thúc, khiến phần tâm linh con người không thể tiến hóa theo quy luật tiến hóa chung của Trời Đất. Hay nói một cách chính xác, đó là sự cởi bỏ nghiệp quả, thoát khỏi sự chi phối của Luật Nhân Quả, con người không còn bị buộc ràng trong vòng luân hồi chuyển kiếp.

Thiên Đạo Giải thoát là tu theo đạo Trời, tức là đi theo con đường của Trời dẫn dắt để con người thoát vòng sanh tử trở lại bến khởi nguyên, linh hồn được tự do, tự tại nơi cõi vô sanh như lời dạy của Đức Như ý Đạo Toàn Chơn Nhơn

*Nắm máy huyền linh hiệp chí linh,
Thoát vòng sanh tử ấy trường sinh;
Đại thừa chánh pháp hành Thiên Đạo,
Chín cõi mười phương vốn một tình.*

Hay nói một cách nôm na, Thiên đạo Giải thoát là con đường tu hành theo đạo Trời giúp con người tiến hóa lên những nấc thang cao hơn, tức làm Tiên, làm Phật như lời Đức Mẹ xác nhận:

*Giải thoát tự thân hành đúng phận,
Sẽ nên Tiên Phật, sẽ nên người.¹*

2. GIẢI THOÁT CÁI GÌ?

Khi nói đến “Thiên đạo Giải thoát”, người Cao Đài nghĩ ngay đến việc giải thoát linh hồn khỏi luân hồi sanh tử, tức là không muốn tiếp tục cuộc sống nơi thế giới hữu hình này trong kiếp nào nữa, bởi vì dù ở hoàn cảnh nào, người bước chân vào cửa đạo, cũng

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-12 Quý Sửu (07-01-1974).

nhận chân ít nhiều tính chất vô thường mong manh và đầy dẫy khổ đau trong kiếp nhân sinh mà mình đã trải nghiệm trong cuộc sống hiện tại.

Con người ngay từ lúc nằm trong bụng mẹ, là đã bắt đầu đón nhận đau khổ, cho nên khi vừa chào đời đã cất tiếng khóc, báo hiệu kiếp sống buồn nhiều hơn vui, khổ nhiều hơn sung sướng, cho nên trần gian được xem là biển khổ. Con người từ bậc quyền quý cao sang đến người cùng đinh mạt hạng trong xã hội đều phải chịu khổ.

Bốn cái khổ đầu tiên không ai tránh khỏi là Sinh, Lão, Bệnh, Tử: Kiếp sống con người suy cho cùng, là một chuỗi khổ, ngay khi còn là bào thai cho đến khi khôn lớn trưởng thành, rồi từ già cỗi đời; phải đón nhận biết bao nhiêu là điều cực khổ, đón đau; không chỉ tự thân mà còn khổ liên lụy đến cha mẹ, người thân... Đó là đối với người bình thường, chưa nói đến những trường hợp bất thường, khi ra đời với thân hình dị dạng, bệnh tật cả đời,...

Một đời người ngắn ngủi phải vất vả lo toan cuộc mưu sinh. Chưa kịp nghỉ ngơi thì tuổi già đã đến, mắt mờ, tai điếc, thân thể già nua, xấu xí, xác thân hư hoại. Trong khi đó, cả cuộc đời, con người lúc nào cũng phải đối phó với bệnh tật. Giàu có bao nhiêu cũng phải cúi đầu một khi bệnh tật xuất hiện, phải chịu đau đớn, khổ sở cả về thể xác và tinh thần. Cuối cùng, cái chết không từ một ai, và sẵn sàng đến với con người bất cứ lúc nào, không kể tuổi tác...

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn đã từng nhắc nhở:

Cõi đời lắm nẻo lắm chông gai,

Tứ khổ ràng thân ai hỡi ai!

*Sanh phải vượt qua bao trọng trước,
Bệnh càng giam hãm tợ tù đầy.
Lão lai tài tận khôn dò bước,
Tử hậu vô tri khó giải bày.
Nếu chẳng biết tìm cơ giải thoát,
Vô thường đến cửa hẹn sao đây?²*

Không chỉ khổ vì sanh, lão, bệnh, tử, con người còn phải đeo đẳng cái khổ về mặt tinh thần do bởi những cuộc sinh ly tử biệt với người thân yêu trong cuộc đời, nhà Phật gọi là “Ái biệt ly khổ”. Bên cạnh đó, con người luôn phải chịu khổ vì không đạt được những khao khát, ham muốn vô hạn của bản thân: nghèo đói muốn có cái ăn không được, khi no ấm thì muốn giàu sang, phú quý nói theo Phật giáo là “cầu bất đắc khổ”; và điều đau khổ không ai tránh khỏi là phải chịu đựng hay tiếp xúc những thứ mà lòng mình không thích hay chán ghét gọi là “Oán tăng hội khổ”.

Cái khổ lớn nhất là lực đẩy con người vào lục đạo luân hồi mà nhà Phật gọi là Ngũ uẩn khổ. Ngũ uẩn là năm yếu tố liên kết tạo thành con người gồm có sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn, trong đó, thân thể (yếu tố vật lý) gọi là sắc và các yếu tố về tinh thần, tâm lý gọi chung là danh như thọ (cảm giác thọ nhận), tưởng (tri giác, ấn tượng), hành (hành xử tạo nghiệp) và thức (ý thức, sự nhận biết).

Chính 5 yếu tố sắc, thọ, tưởng, hành, thức là bức màn ngăn che trí tuệ sẵn có trong con người như những đám mây che lấp

2. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-12 Bính Ngọ (11-01-1967).

ánh sáng mặt trời. Con người do những dục vọng luôn nảy sinh làm cho mê mờ, không nhận thấy được cái ta chân thật tức Phật tính tiềm ẩn trong mỗi con người. Con người thường hay bám vào “cái ta”, “cái của ta”, đuổi theo dục vọng nên bị trói chặt trong cuộc sống tội lỗi, khổ đau.

Theo Phật giáo, 8 cái khổ đè nặng kiếp người, cũng là tác nhân đưa đẩy con người vào vòng vô minh đọa lạc, quên mất bản chất Phật tính nguyên sơ, để rồi cứ sa đà vào vòng nghiệp quả luân hồi chuyển kiếp. Như vậy, con người khổ là do chính con người tạo ra chứ không phải Thượng Đế tạo ra để trừng phạt con người, hay đày đọa con người vào chỗ khổ, mà ngược lại, do chính con người đã sống nghịch với Thiên lý, xa rời đạo lý, đánh mất Thiên tính Trời ban. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn khẳng định:

“...Chỉ tại người quên hẳn tánh thuần phác thiện lương mà Thượng Đế đã phát ban trong buổi sơ sinh. Chư hiền đệ, hiền muội! Cuộc đời là cả một cái cầu vồng bắc từ bến thưởng sang bến phạt. Đời con người trải qua ba giai đoạn đời. Ai ai đều cũng phải trải qua cái cầu ấy. Như hồi buổi sơ sinh, một hài nhi vừa chào đời, Thượng Đế đã phát ban cho hài nhi ấy mang đến thế gian bao nhiêu thuần lương hạnh phúc, thọ bẩm bởi khí tiên thiên hòa hợp cùng hậu thiên phụ mẫu nước non. Đến tuổi trưởng thành, như hiện trạng của các hiền đệ, hiền muội, sinh lực dồi dào, thân thể cường tráng, bầu nhiệt huyết đầy tràn nhựa sống, tha hồ mà tung bay bốn phương trời góc biển, dọc ngang với sự bại thành. Nhưng vì định luật của Tạo hóa, không cho phép con người đứng một chỗ, khi lên tới giữa đoạn cầu là chỗ cao nhất, đó là lúc tuổi phỉ chí bình sanh. Rồi từ đó sẽ xuống lần phía bên kia dốc cầu. Khi xuống

tận dốc cầu, chợt ngoái nhìn trở lại đầu cầu phía bên kia thì một hài nhi, một lão thành cũng như nhau, chỉ khác nhau là bởi ở chỗ kẻ mang hạnh phúc đi cuối dốc cầu để ban rải hạnh phúc cho mọi người và tự hưởng hạnh phúc suốt một cuộc đời mình. Còn một kẻ khác, trái lại, khi đi mang theo hạnh phúc để qua bên kia đổi lấy sự luân hồi đau khổ đời đời kiếp kiếp, chẳng những cho riêng mình, mà cho tất cả mọi người chung quanh đồng liên lụy.”³

Như vậy, “giải thoát” là làm thế nào để thoát ra khỏi mọi sự đau khổ hằng chế ngự con người mà con người cứ lầm lũi chấp nhận từ kiếp này sang kiếp khác trong vô minh, lầm lỗi. Giải thoát là dứt hết những mầm tạo nghiệp hoặc thiện hoặc ác, dẫn đi trong sanh tử. Cách đây hơn 2500 năm, Đức Phật Thích Ca đã tiên phong thực hiện thành công sự giải thoát. Với cái nhìn minh triết, Ngài đã phân tích cho thấy những nguyên nhân gây đau khổ cho con người (Tập đế).

– Trước hết là Tham – Sân – Si, tức là tham lam, nóng giận, si mê. Đó là tam độc làm cho con người mất hết lý trí, có thể gây nhiều tội lỗi.

– Mạn: Lòng tự cao, không chịu nghe lời nói phải, không chịu phục thiện, học hỏi.

– Nghi: Tự nghi: nghi khả năng chính mình; Nghi pháp: không tin pháp tu mang lại kết quả; Nghi nhơn: không tin người dạy mình, hiểu biết hơn mình.

– Thân kiến: chỉ lo phần vật chất.

– Biên kiến: có thành kiến cực đoan.

– Kiến thủ: bảo thủ, luôn cho mình đúng.

3. Vĩnh Nguyên Tự, 03-12 Ất Tỵ (25-12-1965).

- Giới cấm thủ: sự cuồng tín.
- Tà kiến: mê tín dị đoan.

Đây là 10 nguyên nhân gây đau khổ cho con người do con người tự tạo, rồi chuyển thành nghiệp lực và mang theo từ kiếp này sang kiếp khác. Cho nên, giải thoát là cởi bỏ, thoát ra ngoài những cái khổ hiện diện, đeo đẳng con người từ cổ chí kim.

3. GIẢI THOÁT RA SAO?

Phật giáo được Đức Thích Ca khai mở, chỉ ra con đường diệt khổ hết sức chi li với 7 phương pháp tu hành gọi Đạo đế, từ bước đầu là “Tứ niệm xứ” là 4 điều mà người tu phải để tâm nhớ nghĩ, đến “Tứ chánh cần” là sự tinh tấn trong các hành động thiện và ác; rồi 4 phép Thiền định “Tứ như ý túc”, tiếp theo là “Tứ chánh cần”, rồi “Ngũ căn”, “Ngũ lực”; đến 7 phép tu tập gọi là “Thất Bồ đề phần” hướng đến đạo quả vô thượng Bồ đề, cuối cùng là “Bát Chánh đạo”.

Trải qua thời gian, giáo lý của Phật, con đường cứu khổ, diệt khổ của Phật vẫn còn đó, nhưng người giác ngộ chứng quả chánh đẳng chánh giác chẳng được bao nhiêu, trong khi nỗi khổ, niềm đau của nhân loại ngày càng chồng chất... Đến nay, thời gian vũ trụ đã sắp cạn kiệt, Đức Thượng Đế không thể ngồi yên nơi kinh Bạch Ngọc, nên Ngài phải đích thân giáng trần giữa hời mạt pháp, để mong giải thoát đàn con khỏi chốn ngục tù đau khổ.

Tuy nhiên, dù quyền năng cao tột và đức hạo sanh vô biên, Đức Đại Từ Phụ cũng không thể nào vượt qua được bức tường kiên cố của luật Thiên điều để cứu thoát con cái Ngài ra khỏi

ngục tù nghiệp báo, mà chỉ có thể chỉ ra phương cách để con người tự thân giải thoát cho mình. Song le, bởi con người đã lặn hụp quá lâu trong biển luân hồi, gánh nặng nghiệp quá đã làm dày thêm bức màn vô minh che chắn ánh sáng linh quang của Trời ban phát; con đường trở lại quê xưa của con người trở nên vô cùng gian nan gập ghềnh, bởi vì để giải thoát hoàn toàn cho linh hồn rời bỏ cõi nhị nguyên, tức không còn vướng víu trong vòng luân hồi chuyển kiếp, con người phải tập giải thoát ngay trong cuộc sống thế gian tức giải thoát từng phần để gom góp, huân tập cho đến ngày chung cuộc, giữ bỏ xác thân tứ đại, linh hồn mới được giải thoát hoàn toàn như lời Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

“Sự giải thoát không phải đợi đến lúc rũ bỏ nhục thể, linh hồn mới được giải thoát. Ngay lúc sinh thời, ai ai cũng có thể thực hành phương pháp giải thoát. Câu “cư trần bất nhiễm” đã hàm ý cho định nghĩa ấy rồi. Nếu đợi ngày rũ bỏ nhục thể, lấy gì chứng minh rằng được giải thoát cùng không? Nếu như thế thì Thiên Liêng không khuyên bảo người đời đem Đạo giáo đạo để cho tất cả mọi người trọn tốt trọn lành để an hưởng cõi thiên đàng cực lạc tại thế gian. Ngay buổi sinh thời, nếu không cải tạo được tư tưởng theo các Đấng Trọn Lành thì dù có bỏ nhục thể trăm ngàn lần, tục lụy vẫn hoàn tục lụy, luân hồi chuyển kiếp vẫn chuyển kiếp luân hồi theo nhịp độ của nghiệp duyên.”⁴

Như vậy, với cứu cánh Thiên đạo Giải thoát, Đức Thượng Đế dùng Tân pháp Cao Đài, đặc biệt với pháp môn công phu tu tánh luyện mạng, giúp con người thực hành vừa giải thoát luân hồi,

4. Minh Lý Thánh Hội, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

vừa thăng tiến tâm linh lên cõi thiêng liêng cao thượng siêu xuất thể gian sau khi linh hồn cõi bỏ nhục thể phàm phu như lời dạy của Ông Trên:

“Nếu tu tánh để tạo nguyên thần, thì tu mạng để có nguyên khí. Thần khí đầy đủ là âm dương hiệp nhất, có khả năng kết hợp cùng Trời Đất. Thời mạt kiếp, cơ tận độ sắp bày, người tu hành hơn đó mà lập công bồi đức để đoan nghiệp tiền khiên và song song với sứ mạng cứu độ, phải công phu tu tánh luyện mạng để giải thoát luân hồi, tạo cho mình được khả dĩ xứng đáng vào hàng Thần, Thánh, Tiên Phật.”

Mặt khác, pháp môn công phu thiền định được tu tập đúng mức còn có công năng giúp hành giả đạt được trạng thái tự do, an lạc, thanh thân trong lúc còn sanh tiền, tạo điều kiện để người tu thực hiện sứ mạng cứu độ, phụng sự nhân sinh, lập công bồi đức giải trừ nghiệp quả tiền khiên.

Đức Chí Tôn có dạy: *“Khi mà các con xứng đáng một trong thế tam tài, thì các con với sự Đắc Nhứt sẽ dùng quyền lực tạo được bởi tinh thần, để phổ độ, để phụng sự nhân sinh, cũng như Trời Đất đang vận hành trong lẽ thuận nhứt đó vậy.”*⁵

Công phu trong đạo Cao Đài tương ứng với Thiền định và Trí huệ Ba La Mật trong đạo Phật, là phương pháp phản tỉnh nội cầu hay hồi quang phản chiếu tức hành giả nhìn vào bên trong, soi sáng vào chỗ thâm sâu của nội thể nhằm đạt đến tâm thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh thì thất tình lục dục không thể dấy động được. Đức Bảo Pháp Chơn Quân dạy:

“Muốn thanh tịnh phải phản tỉnh nội cầu để loại trừ hết những

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-3 Tân Hợi (10-4-1971).

chương ma sân si phiền não thì hồi quang phản chiếu mới suốt thấu được chỗ huyền nhiệm của Như Lai.”⁶

4. LÀM THẾ NÀO ĐỂ GIẢI THOÁT?

Phải giữ Tâm thanh tịnh

Bản chất công phu là sự thanh tịnh và bí quyết của công phu là yên lặng. Đức Chí Tôn dạy: *“Con ôi! Sự yên lặng để thần giao cách cảm, để các con tìm thấy con trong Thầy và Thầy hằng ngự trị với đức hiếu sinh trong vạn vật. Yên lặng tức là quán triệt tất cả những cái gì mà trần gian không nói được, không sờ mó được, không nghe thấy được.”⁷*

Công phu giúp tâm linh mẫn tuệ để sáng suốt giải quyết mọi vấn đề. Ngoài ra, công phu còn giúp con người chuyển hóa nội tâm. Tu luyện đạo pháp giúp cho thần khí được điều hòa, thân tâm được an định. Khi tâm an định thì không có điều gì làm cho tâm phải xao động. Thất tình lục dục và tham sân si không thể tác động khi tâm con người đạt đến chỗ thanh tịnh, vô dục, vô niệm. Hay nói cách khác, đạt được tâm thanh tịnh, con người sẽ đoạn diệt được tham sân si, tức giải được phiền não, xóa lằn nghiệp chướng, tìm thấy ánh sáng trí huệ để đạt Đạo. Đức Đông Phương Lão Tổ khẳng định “Tâm thanh tịnh là lương dược trị bệnh.”⁸

6. Đức Bảo Pháp Chơn Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 11-11 Đinh Tỵ (21-12-1977).

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 30-12 Nhâm Tý (02-02-1973).

8. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Minh Đức Tu Viện, 13-9 Tân Dậu (10-10-1981).

Tuy nhiên, Thế nào là tâm thanh tịnh? Và để đạt được trạng thái “Tâm thanh tịnh” hành giả phải có những điều kiện gì? Vì không thể nói chung chung rằng hễ có công phu là có tâm thanh tịnh; hay ngược lại, phải có tâm thanh tịnh thì công phu mới đạt hiệu quả, hoặc chính xác hơn, chính nhờ tâm thanh tịnh sẽ đưa hành giả đến chỗ chứng đắc tức đạt Đạo.

Thế nào là tâm thanh tịnh?

- Thanh: trong sạch (thanh khiết); mát mẻ; liêm khiết (thanh liêm); yên lặng (thanh vắng) rõ ràng minh bạch; đẹp đẽ, cao quý.

- Tịnh: sạch sẽ; yên ổn, yên lặng, yên tĩnh; tập trung chuyên nhất.

Khi nói Tâm thanh tịnh, không chỉ có nghĩa là tâm rỗng rang, vô niệm trong giờ công phu mà phải hiểu một cách toàn diện trong ý nghĩa là tâm trong sạch, với những ý nghĩa bao gồm:

- Là Tâm ở trạng thái yên lặng, ngay thẳng, trung chánh, không bị vướng bận ô nhiễm bởi 4 tính hung dữ ác độc, tham lam ích kỷ, sân hận và hiểu sai đạo lý. Ví dụ tâm độc ác là tâm dám làm người khác đau khổ; tâm tham lam, ích kỷ là tâm nhiều ham muốn và lo nghĩ nhiều về cho mình; tâm sân hận là tâm giận hờn, tự ái, nổi nóng; tâm hiểu sai đạo lý là sống hời hợt, không có chánh niệm.

- Là Tâm không ưa thích hưởng thụ, dục lạc; không mơ tưởng ăn ngon, ăn nhiều mà ăn đủ chất để đảm bảo sức khỏe; không màng những thú vui của cuộc đời.

- Là Tâm thường khởi lên những ý niệm lành và thiện. Đó là ý niệm trắc ẩn, thương người; kính trọng những người đáng kính; ý niệm bao dung với những người kém hơn mình về tài sản, tài năng, đạo đức, phước lành,... luôn đầy ắp niềm tin vào

các Đấng Thiêng Liêng, v.v.

– Là Tâm không bị xao động, lo lắng, thắc mắc, nghĩ suy trong mỗi hành động, việc làm của mình trong cuộc sống thường nhật, vì mình biết không sai đạo lý.

– Là Tâm luôn hướng về việc tu tập thiền định, tức đạt được chánh niệm, hoặc cao hơn là chánh định, lúc nào cũng an trú được trong pháp môn mình tu, kín đáo, khiêm tốn, không kiêu mạn, khoe khoang.

Người có tâm thanh tịnh hay tâm trong sạch sẽ thể hiện bằng một đời sống hiền hòa mẫu mực, tư cách nghiêm trang, lời nói mực thước, được người nể phục, cảm mến, nghe theo, trở thành tấm gương cho người xung quanh học tập. Nhờ đó, chính cuộc sống của họ đem lại rất nhiều lợi ích cho tha nhân, dù họ không nói một lời nào. Công đức của họ cũng từ đó xuất hiện một cách âm thầm, ngày càng lớn, và kết quả họ trở thành tấm gương chứng đắc tại tiền được mọi người công nhận. Trái lại, thiếu tâm thanh tịnh thì dù cố công trì chí bao nhiêu trong việc tu hành cũng không đạt được sự giải thoát, bởi vì vẫn còn bị chế ngự, điều khiển bởi thất tình, lục dục, tham sân si.

Người có được tâm thanh tịnh sẽ có một đời sống nhẹ nhàng, thanh thoát, vì tâm không bận bịu một ý nghĩ đen tối nào; thân khoan khoái, dễ chịu, đi đến đâu như mang theo một vầng ánh sáng, một làn khí trong, như tỏa ra một mùi hương mát dịu. Người đạt được tâm thanh tịnh chẳng khác gì một đóa hoa sen, “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”. Với cánh trắng, nhụy vàng, hương dịu, nó được người đời quý chuộng mến yêu, đặt lên bàn thờ tôn kính như thế nào, thì người thanh tịnh cũng được như thế ấy.

Để đạt được tâm thanh tịnh hay tâm trong sạch theo những ý nghĩa trên đây thì rõ ràng hành giả phải có một quá trình tu tâm sửa tánh tức luyện kỹ rất gian nan, đó là kết quả của một chuỗi Công trình theo Tân pháp Cao Đài làm nền tảng cho việc công phu theo đúng như tiêu ngữ của Đạo gia: *“Luyện kỹ tối nan, hoàn đan thậm dị”*.

Luyện kỹ là điều kiện cần cho việc công phu luyện đạo hay luyện đơn, để trong thời khắc hành trì đạo pháp, hành giả nhờ tâm thanh tịnh, tâm vắng lặng, tâm trong sạch, tâm cao thượng tiếp cận được với các Đấng Trọn Lành, hưởng được ân điển thiêng liêng, tiềm lực trí huệ được tăng trưởng, sáng suốt trên đường sứ mạng.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dặn dò: *“Tâm phải bình như mặt nước hồ thu không tí gợn. Tâm phải vững như cột trụ kinh thiên, tám gió không lay, mười hung chẳng phạm. Tâm có minh thì thần mới linh. Luyện tâm tức là luyện thần. Luyện được thần thì tâm không còn là tâm mà là thần. Thần là chủ tế vạn sự vạn vật. Thần ứng hóa cả việc thế cơ Trời. Thần năng nhập thạch, thần năng phi hành, nhập thủy bất nịch, nhập hỏa bất phần. Chư đệ muội có nhớ những câu tâm ấn này chăng?”*

Thần linh diệu thì ngồi một chỗ mà suốt thông mọi hướng, lặng lẽ không lời mà cơ cấu vẫn điều hành. Sự việc đó không phải nói mà không làm được, vì đó là việc của con người. Con người muốn làm sẽ làm được. Chỉ có thần lực của con người mới khơi dòng đạo mạch bị lấp vùi tắc nghẽn trong tâm hồn nhân thế.”⁹

Công trình Luyện kỹ chính là phương pháp giúp cho người

9. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 29-8 Quý Hợi (05-10-1983).

tu thực hiện sự giải thoát từng phần theo như lời nhắc nhở của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn:

“Khi đã quyết tâm giải thoát, dầu ở trong hoàn cảnh nào, ở thời kỳ nào, cũng có thể giải thoát được. Quyết tâm giải thoát là không để ngoại cảnh chi phối được tâm, không để tâm bị ràng buộc vào tứ tướng lục trần, bởi tứ tướng còn nhân ngã, chúng sanh, thọ giả, lục trần là bụi cát bám lấy lục căn dấy động không giờ tịnh khiết. Lão dạy như thế không phải bảo chư hiền đệ muội phải rũ bỏ tất cả thế sự, cắt ái ly gia, đem thân vào khổ hạnh. Lão chỉ dạy chư hiền đệ muội hãy sống theo Thiên đạo mới hành được chánh pháp Đại thừa.”¹⁰

Làm sao có được tâm thanh tịnh?

Để có được tâm thanh tịnh, người tu phải chuẩn bị cho mình một sự thanh tịnh toàn diện cho cả thân, khẩu, ý và hành động:

– Thân thanh tịnh: Thân thể phải luôn luôn tắm rửa sạch sẽ, áo quần phải luôn luôn thay giặt, không rách rưới, nhưng cũng không xa hoa, lòe loẹt, kiểu cách. Thức ăn uống phải giản dị, không rượu chè, không cao lương mỹ vị. Chỗ nghỉ ngơi phải hợp vệ sinh.

– Khẩu thanh tịnh: Lời nói luôn luôn chân thật, trong sạch, ôn tồn, đúng đắn, lợi ích cho mọi người, mọi vật ở chung quanh; không thêm không bớt, không ngọt như mật, không cay như tiêu, chua như dấm; không suồng sã; không sùng sộ, thô lỗ; không hỗn hào; không ác độc; không nhọn hai đầu như đòn xóc; không sắc bén như gươm đao; không nặng nề như búa tạ.

10. Vĩnh Nguyên Tự, 10-6 Bính Thìn (06-7-1976).

- Ý thanh tịnh: Ý là phần quan trọng, chi phối tất cả những lời nói, cử chỉ, hành động, đời sống của con người. Ý trong sạch là ý không vướng mắc bởi những tánh tham lam, giận dữ, kiêu căng, si mê, nghi ngờ. Ý trong sạch, thì đời sống trong sạch, ý nhiễm ô thì đời sống bị xấu xa, hoen ố.

- Hành động thanh tịnh: Việc làm không vì danh lợi riêng cho mình, không vì dục vọng, thù oán, không vì khoe khoang. Người có hành động thanh tịnh không mưu mô lừa đảo, không ý mạnh hiếp yếu, không ý giàu hiếp nghèo, không ý thế hiếp cô. Người có hành động thanh tịnh không xu nịnh ai, không sợ dờ ai, không sợ hãi ai để phải làm theo ý muốn bất chính của họ. Người có hành động thanh tịnh bao giờ cũng thẳng thắn, đường đường, chính chính, không bao giờ có một hậu ý đen tối nào trong lúc làm việc.

Thực hiện được sự thanh tịnh toàn diện thân, khẩu, ý và hành động là người tu kết thúc quá trình tạo nghiệp cùng với việc bắt đầu giải nghiệp tiền khiên. Muốn được thành công thì người tu phải diệt trừ tận gốc tam độc: Tham- sân- si.

Phải đoạn trừ Tam độc:

Trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật dạy rằng tam độc “tham, sân, si” là những nguyên nhân gây ra bất hạnh và phiền não, ưu tư cho con người.

- “Tham” là tham lam, là sự ham muốn thái quá, là sự đắm say, thích thú muốn có nhiều những thứ mình ưa thích như tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, v.v. Lòng ham muốn đó chẳng hề biết chán, càng được thì càng ham muốn nhiều.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy: “... người thế gian sanh vào thời

trọng trước, vật chất nặng mang, sự nhìn và xét đoán rất thiếu cận và ích kỷ, nên lơ đãng một chút thì đã bị chữ muốn sai khiến. Một lần sai được, nhiều lần sai được, rồi lần hồi biến con người trở thành nô lệ cho sự muốn. Do đó nên trong đạo giáo và các kinh điển đạo học, có nhiều chỗ ngăn cấm và dạy người đời phải diệt lòng ham muốn. (...)

Vì không làm chủ giới hạn được lòng ham muốn mà cha giết con, con bất hiếu, trò vong ơn thầy, bè bạn bội tín, vợ chồng vong nghĩa. Vì không làm chủ được lòng ham muốn đã khiến từ bậc ly gia cắt ái, trường trai khổ hạnh, gương mẫu đạo đức, đã trở thành người quên đạo, quên đức, đến rượu thịt say sưa, té ngã cùng đường, trà đình tửu quán, tù tội gian lao. Cũng do nơi không làm chủ được lòng ham muốn nên:

Miệng thì niệm tiếng nam mô,

Mà lòng lại tưởng cơ đồ tóm thâu.¹¹

Ở đời, có năm món dục lạc, mà người ta thường ham muốn nhất là: Tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. “Ngũ trần dục lạc” ấy, thật ra, vui ít mà khổ nhiều. Tham tiền thì phải đày đoạ thân, đôi khi còn dùng những phương tiện bất chính để chiếm đoạt và khi mất thì lại đau khổ. Tham sắc thì nhiều khi lại lao vào những mưu chước tòi tệ để thỏa lòng dục vọng. Tham danh vọng, quyền tước thì phải vào lòn ra cúi, lao tâm khổ trí. Tham ăn uống cao lương mỹ vị thì bị nhiều bệnh khó trị, thân thể mệt nhọc vì chứa nhiều độc tố, mạng sống không thọ. Tham ngủ nghỉ thì trí não hóa đần độn, hôn trầm. Vì thế, Ngũ trần dục lạc đó chính là những nguyên nhân ràng buộc kiếp người vào

11. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 09-01 Đỉnh Mùi (17-02-1967).

vòng sinh tử, luân hồi, sa đọa.

Trong quyển “Trở về từ cõi sáng” do Nguyễn Phong dịch từ tác phẩm “Embraced By The Light” của Betty Eadie, một “Best Seller” với số bản kỷ lục và dẫn đầu những cuốn sách bán chạy nhất Hoa Kỳ ngay khi xuất bản vào năm 1992, có ghi lại lời kể của những người chết đi sống lại về hoàn cảnh của các linh hồn con người sau khi chết và cho biết rằng không chỉ lúc sống, mà sau khi chết, linh hồn con người vẫn tiếp tục đau khổ vì không được thỏa mãn những ham muốn.

Tác giả quyển sách có trích đăng bài viết của Giám mục Charles Leadbeater, một nhà thần học nổi tiếng của thế kỷ 20 về những điều ham muốn mà con người không thỏa mãn với lời cảnh giác:

“Điều chính yếu là nên giảm bớt các ham muốn vật chất để tránh khỏi lâm vào tình trạng như đói không được ăn, khát không được uống, thèm muốn không được thỏa mãn, toàn thân nóng rực như than hồng vì ham muốn hành hạ... Sự đau khổ luôn luôn gia tăng theo đà ham muốn, càng ham muốn nhiều thì khổ đau càng lớn. Hiển nhiên tình trạng này không kéo dài mà sẽ chấm dứt ngay khi sự ham muốn không còn nữa.

Thời gian ở cõi trần bị giới hạn bởi các điều kiện vật chất vì thế xác được cấu tạo bởi các nguyên tử trọng trược, không thể kéo dài quá lâu. Trong khi thời gian ở cõi bên kia hoàn toàn tùy thuộc vào sự rung động của các nguyên tử cấu tạo nên tinh thần. Nếu lòng ham muốn còn mãnh liệt, sự rung động còn thô thiển nặng trọc, thì thể tinh thần không thể siêu thoát lên cõi trên mà lưu lại nơi đây rất lâu. Khi mọi ham muốn thấp hèn, ích kỷ đã hoàn toàn tan rã thì con người sẽ siêu thoát lên các cảnh giới

cao hơn. Khi tư tưởng trở nên thanh khiết, nhẹ nhàng, họ sẽ ý thức được những luồng tư tưởng thanh cao tế nhị hơn. Lúc đó họ sẽ mê man trước các luồng sóng rung động trí thức, các bầu tư tưởng sạch tốt lành. Đây là giai đoạn mà con người thấy rộng ràng một niềm phúc lạc vô biên, không bút nào có thể tả được. Đó là khi họ bắt đầu ý thức được các diễn biến thực sự của vũ trụ, của các định luật bất biến, của ánh sáng chân lý. Đây không phải phần thưởng của ai hết mà chỉ là kết quả tự nhiên của tánh linh đã tiến hóa đến giai đoạn này.”

Như vậy, muốn giải thoát, lúc còn sống, con người cần diệt trừ tâm tham bằng cách “tu tâm”, phải tập tính “thiểu dục tri túc”, là muốn ít, biết đủ, để có một đời sống giản dị, thanh cao và an toàn.

– Muốn bỏ tham tiền tài, phải thực hành hạnh bố thí cúng dường. Muốn bỏ tham sắc, học hạnh thanh tịnh chánh hạnh. Muốn bỏ tham danh, phải tự xét khả năng, chu toàn phận mình. Muốn bỏ tham vật thực, phải biết ăn chỉ là để sống, coi thức ăn như thuốc để chữa bệnh. Phải ít muốn biết đủ. Muốn bỏ tham ngủ, ta phải học hạnh tỉnh thức.

• “Sân” là cơn giận, lòng giận dữ, nóng nảy, thù hận khi không vừa lòng, không được thỏa thích như ý muốn hay bất bình vì bị xúc phạm, làm những chuyện sai trái để trả đũa. Sau cơn giận thì giữ lại lòng oán ghét tìm dịp mà trả thù. Sở dĩ sân sinh khởi là do lòng tự ái, yêu thích “cái ta” hay “cái của ta”, không hài lòng, bực bội khi bị người làm tổn hại đến nó.

Nhưng vì bị chê bai mà nổi sân thì tai hại vô cùng vì lúc nóng giận con người không còn đủ bình tĩnh để tự kiểm soát hành vi và ngôn ngữ của mình. Kinh Hoa Nghiêm có nói: *“Một niệm lòng*

sân hận nổi lên, thì trăm ngàn cửa nghiệp chướng đều mở ra.” Và: “Một đốm lửa sân, có thể đốt hết muôn mẫu rừng công đức.” Đức Phật khuyên: *“Hãy từ bỏ nóng giận thì phiền não sẽ không đến với các người.”*

Chúng sinh bị qua nhiều kiếp sinh tử luân hồi chính vì không thắng nổi lòng sân. Chư Phật được tự tại, giải thoát, là do dứt trừ được lòng sân tận gốc. Điều khó nhất là diệt trừ phần nộ ngay từ trong tâm. Khi tâm chúng ta không còn nghĩ đến giận hờn thì tự nhiên cơn phần nộ sẽ không bộc phát. Theo Kinh “Thập Thiện Nghiệp Đạo”, người nào không nổi sân, thì tâm không khổ não, tâm không tranh giành, tâm nhu hòa ngay thẳng, tâm từ bi như Phật, thường làm lợi ích yên ổn cho các chúng sinh, thân tướng trang nghiêm được chúng sinh tôn kính và vì có đức nhẫn nhục nên sẽ được mau sinh lên cõi Phạm Thiên.

– Muốn bỏ sân, ta phải thực hành hạnh nhẫn nhục, biết tha thứ.

- “Si” là si mê, vô minh, ngu tối. Người vô minh không sáng suốt, không suy xét hiểu biết đúng lẽ phải, đúng sự thật để phán đoán việc hay dở, tốt xấu, lợi hại, v.v. nên mới làm những điều nhiễm ô tội lỗi, có hại cho mình và người. Vô minh che lấp tâm trí, làm cho con người không còn nhìn thấy được những chất bợn nhơ đang gặm nhấm từ bên trong con người khiến các thói hư tật xấu ấy sẽ tăng dần và cuối cùng đưa con người vào đường tội lỗi triền miên. Đức Phật dạy rằng vô minh là điều ô trược tệ hại nhất. Hãy dứt bỏ vô minh để trở thành người trong sạch.

– Muốn bỏ Si, phải thực hành hạnh tinh tấn.

Tham-Sân-Si là trở ngại rất lớn trên con đường tu tập, nếu con người diệt được Tam độc, an phận với những gì mình có, tập được hạnh kiên trì, nhẫn nhục, sẽ giải thoát được phiền

não, tìm thấy sự an lạc tâm hồn, đồng thời mở được trí huệ, tâm linh trở nên sáng suốt, chứng quả tại tiền như lời Đức Hiền Thế Đạo Nhơn:

*Tu nói dễ mà khó lắm thay,
Tham sân là mối tội hay gây.
Tham ăn, tham mặc, tham quyền quý,
Tham lợi, tham sanh, tham sắc tài.
Sân nói sân si khi trái ý,
Sân nghe sân thấy lúc bùi tai.
Tham sân nếu sớm đem đi nốt,
Thành Phật Thánh Tiên chỉ một ngày.¹²*

Ngược lại, trên đường tu, hành giả vẫn không diệt được tham sân si thì cho dù tu trọn kiếp, vô minh vẫn hoàn vô minh, uổng phí thời gian, vì vẫn đa mang nghiệp lực để mãi mãi quần quanh trong vòng tử sinh chuyển kiếp, như lời cảnh báo của Đức Từ Tôn:

*Hễ một niệm khơi màu trần tục,
Tham sân si giây phút dấy loạn,
Đậy che một ánh linh quang,
Che mờ chơn tánh lớp màn vô minh.
Con còn chẳng biết mình đâu đấy.
Thì làm sao con thấy tội tình,
Thế nên lịch kiếp tử sinh,
Đa mang nghiệp lực tiến trình khó khăn.¹³*

12. Đức Hiền Thế Đạo Nhơn, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 22-5 Kỷ Dậu (06-7-1969).

13. Đức Điều Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 13-8 Kỷ Mùi (03-10-1979).

Phá chấp: đoạn diệt Ngã chấp, tiêu trừ Ngã mạn,
Đức Vô Cực Từ Tôn dạy:

“Cái lỗi lầm to tát nhất của người tu hành Thiên ân hướng đạo là chấp trước, chấp hình, chấp danh, chấp kinh, chấp pháp, chấp nhơn, chấp ngã, nên gây nhiều trở ngại trên bước đường quay về bốn giác.”¹⁴

Hễ còn chấp là còn gieo nhân. Hễ gieo nhân dục vọng ắt còn vướng trong bánh xe luân. Hễ chưa thoát ra khỏi bánh xe luân, ắt không siêu sinh liễu tử và lục đạo luân hồi.”¹⁵

• Chấp trước có nghĩa là tâm dính mắc vào một cái gì đó mà không tháo gỡ ra được. Thí dụ: Thích thú vì được khen và luôn nghĩ về lời khen đó. Hoặc luôn nghĩ về những gì sai trái mà người khác đem đến cho mình, cho nên tâm lúc nào cũng lo nghĩ, bất an. Thánh giáo dạy:

“Người tu hành đừng nên chấp trước bởi chỗ vạn pháp do duyên khởi, nhưng suy kỹ lại thật vốn là không có gì cả, bởi các pháp đều hiện biến hữu ở không gian lẫn thời gian, duyên khởi tự thức giác mới lộ bày theo các pháp. Nếu đã đốn ngộ thượng thừa, tất nhiên phải quán định để tìm đến chỗ hư vô tịch diệt. Đó là Đạo, là chứng quả Như Lai, là kim thân Phật thể.”¹⁶

• Chấp ngã là bám chặt vào cái ta. Trong Tứ Diệu đế, Phật dạy rằng chấp ngã là nguyên nhân của khổ đau, là đầu mối của luân hồi sanh tử. Bởi lẽ, do chấp ngã mà dục vọng hay lòng ham muốn

14. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-12 Bính Thìn (19-01-1977).

15. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Bác Nhã Tịnh Đường, 27-02 Quý Sửu (31-3-1973).

16. Đức Bác Nhã Thiền Sư, Bác Nhã Tịnh Đường, 27-2 Quý Sửu (31-3-1973).

phát sinh, mà lòng ham muốn nếu không toại nguyện sẽ thất vọng buồn chán; và điều này nếu không giải quyết được trong kiếp này thì con người sẽ phải mang qua kiếp lai sinh. Cho nên, vòng luân hồi sanh tử cứ trói chặt con người, không sao đoạn dứt được. Vậy nên, con người muốn giải thoát khỏi luân hồi cần đoạn trừ chấp ngã.

Đức An Hòa Thánh Nữ phân tích:

“Chính vì cái chấp ngã đã cầm chơn con người trong bước tiến, còn lẫn quẩn loanh quanh trong bánh xe luân hồi. Hễ còn chấp ngã ắt còn sự ham muốn. Ham muốn không được thì thất vọng. Thất vọng thì buồn đau thống khổ, thể xác tiêu tụy hao mòn trong luật lão bệnh tử. Nhưng khi thác rồi đâu phải là dứt, vì cái sự buồn đau thống khổ chưa dứt khoát kia mà. Hễ chưa dứt khoát ắt còn trở lại để trang trải thanh toán. Hễ còn trở lại là còn vướng trong nghiệp luân hồi chuyển kiếp.

Vậy nói ngược trở lại: Muốn giải thoát khỏi cảnh luân hồi là phải đào sâu chặt đứt mọi rễ lớn rễ nhỏ của sự buồn đau thống khổ. Muốn không buồn đau thống khổ thì hãy tránh sự thất vọng. Muốn tránh sự thất vọng thì đừng dục vọng. Dục vọng là ham muốn. Muốn trừ khử sự ham muốn thì điều trước tiên là đừng chấp ngã.”¹⁷

Mặt khác, vì chấp ngã nên con người chủ quan luôn cho mình là đúng, dễ dẫn đến tư tưởng ngã mạn. Đây chính là rào cản ngăn sự học hỏi để có thể tiến hóa. Còn chấp ngã tức là còn tham sân si, còn buộc chặt nghiệp quả luân hồi.

17. Đức An Hòa Thánh Nữ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 10-3 Kỳ Dậu (26-4-1969).

Thánh giáo dạy: *“Tham si vì chấp ngã, bởi chấp ngã nên chủ quan. Tất cả mọi ý nghĩ, mọi suy tư gì của mình đều cho rằng đúng, rằng chân lý đạo đức; không phân biệt được những ý nghĩ suy tư đó xuất phát từ cái chơn ngã hay từ cái giả ngã, xuất phát từ khối tâm linh hay từ các thể phụ thuộc. Đó là điều quan hệ nhưt cho giới tu hành.”*¹⁸

Trong lĩnh vực tôn giáo, người tín đồ thường có khuynh hướng cho rằng tôn giáo hoặc pháp môn của tôn giáo mình mới là chánh tín, là phương tiện hữu hiệu và tốt nhất để giúp cho bản thân tu hành đắc quả, trở về nước trời hay cõi cực lạc niết bàn. Thậm chí, có người còn quan niệm rằng ngoài tôn giáo của mình ra, tất cả các tôn giáo khác đều là bàng môn tả đạo. Thật ra, tất cả các tôn giáo chánh tín hiện hữu trên thế gian đều là những phương tiện để đưa con người từ bến mê sang bờ giác. Sở dĩ có nhiều hình thức tôn giáo nơi thế gian cũng nhằm đáp ứng trình độ căn trí và nhân duyên khác nhau của con người mà thôi.

Chấp không, chấp có thiên tà,

*Lìa không, bỏ có cũng là bàng môn.*¹⁹

Đức Đông Phương Lão Tổ nhắc nhở:

*“Pháp là chiếc bè, hành giả muốn sang bờ ngạn phải nhờ bè. Bè là tên của một vật, có vật phải có người điều khiển. Hành giả là người nương bè chớ không là người điều khiển. Qua sông phải bỏ bè.”*²⁰

18. Đức Ni Sư Diệu Lộc, Vạn Quốc Tự, 01-5 Kỷ Dậu (15-6-1969).

19. Đức Bác Nhã Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, thánh giáo bài chữ Tâm.

20. Đức Đông Phương Chưởng Quản, Bác Nhã Tịnh Đường, 03-3 Nhâm Tý (16-4-1972).

“Người tu học Đại thừa phải hành Thiên đạo. Thiên đạo tức là đường lối giải thoát của người tu. Giải thoát mà Lão muốn nói đây là giải thoát mọi ràng buộc, phá hết mọi sự chấp ngã, chấp Nhơn, chấp đạo, chấp pháp, tất cả đều ‘không’ mới là giải thoát.”²¹

Nếu đã vào đường Thiên Đạo Giải thoát, người tu không thực hiện được việc tu tâm luyện tánh để giải thoát từng phần, diệt tham sân si, phá bỏ hình danh sắc tướng, thì chắc chắn không thể giải thoát toàn phần, điều đó có nghĩa là lại tiếp tục lăn trôi vào vòng nghiệp quả, chuyển kiếp luân hồi.

KẾT LUẬN

Thế gian chỉ là quán trọ, mà con người là những lữ khách, chỉ dừng chân trong một kiếp người, rồi phải tiếp tục cuộc hành trình, về lại quê xưa hay lạc nẻo luân hồi, đều do chính con người định đoạt. Đời người nhiều lắm chỉ trăm năm, Đức Ngọc Lịch Nguyệt nhắn nhủ: *“Vương hầu khanh tướng, bậc cái thế anh hùng tài ba xuất chúng cũng không thoát vòng tứ khổ, thoát nẻo vô thường. Nếu kiếp con người chỉ có như vậy, hưởng thụ bao nhiêu mà phải bị khổ đau cho đến giờ phút cuối, thì câu ‘vi nhân nan đắc’ có ý nghĩa gì đâu!”²²*

Người môn đồ của Đức Cao Đài, đã may duyên hạnh ngộ đạo Thầy, đã được chạm ngưỡng Thiên đạo Đại thừa, nếu thực sự muốn giải thoát ngay trong kiếp này, hãy chiêm nghiệm lời dạy của Đức Vô Cực Từ Tôn để tự mình nhìn lại chính mình hầu tìm thấy con đường phải đi với quyết tâm không lùi bước:

21. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 10-6 Bình Thôn (06-7-1976).

22. Vĩnh Nguyên Tự, 10-5 Đinh Tỵ (25-6-1977).

“Người giải thoát là đại hùng chiến thắng ma nghiệp, can đảm hơn cả, mãnh lực vô cùng, thật thế, chỉ có hàng giải thoát mới không bị nô lệ cho ma danh, quỷ lợi ái ân yêu tà, người giải thoát không hẹp chặt tình thương, không nhỏ nhen sự sống, không ích kỷ hạnh phúc riêng mình, mà đứng ngoài thế gian, lo cho thế gian những phần hy vọng, không con ràng chông buộc, không lợi khiến danh sai, ở trần muôn kẻ mất tự do mà chỉ mình thông dong tiêu nhân, không bị một vật gì ngăn trở thì người giải thoát không hơn sao được?”²³

Con người đến thế gian này với con số không thì hãy trút bỏ hết những gì của cõi tạm để tìm lại cuộc sống tự tại thông dong của một chủ thể tự do như lời của Ni Sư Diệu Lộc:

“Trước khi con người đến thế gian là con số không, đến ngày chung cuộc cũng huờn con số không. Cái khoảng thời gian từ khi đến cõi đời này và đến khi từ giã cõi đời này, đó là một khoảng thời gian tuy ngắn– năm bảy mươi năm– nhưng rất quý vô cùng. Biết sử dụng đúng mức khoảng thời gian đó để làm công quả, tạo điều kiện, sắm phương tiện để khi ra đi còn có được những gì cho phần tiến hóa ở tâm linh. Đó là cái có trong cái không. Nếu không hiểu và phân biệt rõ như vậy, mãi chấp ngã, cho rằng tất cả những sự vật như rờ được, thấy được, nói được, sử dụng được, như nhà cửa, đất đai, xe cộ do mình tạo ra mà cho nó là của mình rồi cố gắng bằng mọi cách để bảo thủ gìn giữ nó cho mình hoặc cho một danh nghĩa nào đó là rất sai lầm. Bởi vì đời là tạm, của là chung, lấy của tạm phục vụ cho khách tạm. Cái còn lại là công quả đạo đức, vốn liếng của tâm linh. Tất cả đều là giả hết, không

23. Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 06-02-ĐĐ 34 Kỷ Hợi (14-3-1959).

có cái gì gọi là của mình. Nếu thật là của mình như thể xác chẳng hạn, sao không gìn giữ nó cho được trẻ trung tráng kiện trường sanh mãi mãi, lại để cho nó già, bệnh rồi chết, tan rã sau một thời gian hữu hạn?”²⁴

Nhưng muốn được giải thoát trọn vẹn để linh hồn được tự do thông dong tự tại sau khi rời bỏ nhục thể, không còn con đường nào hơn là phải cố gắng giải thoát ngay từng phần trong đời sống hiện tại. Giải thoát khỏi cái Ta tục tử tham sân si, ích kỷ, ngã mạn bằng khắc kỷ giới luật, thiền định công phu, lập công bồi đức như lời Thánh giáo nhắc nhở, dặn dò:

“Bước vào chánh pháp Đại Thừa phải tự biết khắc kỷ giới luật, trui rèn tâm hạnh công đức, công phu, mới sáng suốt luyện tu ba báu, làm chủ ba chúa động ma vương, thì còn có chi ràng buộc vào lục đạo luân hồi mà không thoát khỏi.”²⁵

“Người tu đến bậc Đại Thừa đã thọ chơn truyền bí pháp rồi thì cần phải phân chia ngày giờ mà tu luyện cho cái tâm trở nên trong sạch, chẳng bợn hồng trần, phẫn hồng vi bạch mà yên tịnh lặng lẽ để đoạt cơ Tạo Hóa, vào bộ Tiên gia hầu thâm tiếp cái huyền khí của Trời đem hiệp với cái nguơn khí của người mà tạo thành Tiên đơn.”²⁶

24. Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đản), 01-5 Kỷ Dậu (15-6-1969).

25. Đức Bảo Pháp Chơn Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 12-11 Tân Dậu (07-12-1981).

26. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 09-8 Bính Tý (1936), bài “Khởi Trung Tâm Đạo”.

Làm sống lại tinh thần đạo đức bất biến

Diệu Nguyên



Ảnh minh họa Đức Quan Thánh Đế Quân

Hằng năm, vào ngày 24-6 âm lịch, hàng môn đệ Cao Đài đều tổ chức lễ kỷ niệm ngày xuất thế¹ của Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân- Tam Trấn Oai Nghiêm Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Trong một kiếp giáng trần thuở xa xưa, Ngài chính là Quan Vũ hay Quan Vân Trường, một dũng tướng tài ba trung liệt trong lịch sử Trung Hoa thời Tam Quốc phân tranh vào thế kỷ thứ hai và thứ ba, mà uy linh hiển hách của Ngài, trải qua hơn 1.800 năm nay vẫn luôn được nhân dân các nước Trung Hoa, Việt Nam, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore và một số nước đồng văn trong khu vực châu Á sùng kính, lập đền miếu phụng thờ hương khói quanh năm.

Và nếu như ngày xưa, Quan Vân Trường được xem là một tấm gương đạo đức hoàn toàn với đủ đầy Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín và Dũng lược thì ngày nay, trở lại thế gian qua ngọn linh cơ với cương vị của một Tam Trấn Oai Nghiêm Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Ngài lại có nhiệm vụ giáo hóa giúp cho hàng tín hữu Cao Đài chú tâm vào việc “minh minh đức” tức là làm sáng cái đức sáng tự hữu trong chính mình hay là “làm sống lại tinh thần đạo đức bất biến” để trở thành một hiền nhân quân tử, một tín đồ Đại Đạo thuần thành đạo đức hầu góp phần vào công cuộc cải tạo xã hội, cứu độ quần sinh.

Trong một buổi lễ kỷ niệm tại Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà vào ngày 24-6 năm Ất Tỵ 1965, Đức Quan Thánh Đế Quân đã giáng cơ ban cho lời giáo huấn như sau:

"QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN. Chào chư Thiên sắc, chư nhu, chư muội. Bàn Đạo đến hôm nay để chứng lòng thành của các đạo tâm

1. Xuất thế: Lìa khỏi thế gian, về trời.

nam nữ nơi Ngọc Điện Huỳnh Hà, cũng như chư hiền sứ mạng. (...)

Hằng năm, đến ngày này, chư hiền đều thiết lễ kỷ niệm ngày thành lập Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà, cũng là ngày xuất thế của Bàn Đạo.

Ôi! Trải qua biết bao lần tang thương biến đổi mà cảnh vật vẫn được những tấm can trường thiết thạch đạo tâm gìn giữ gầy dựng cho đến ngày nay. Bàn Đạo rất cảm kích và ngợi khen.

Hỡi chư nhu, chư muội! Các Đấng Thiêng Liêng chỉ đến với tâm thành của chúng sanh, chớ không đến với cảnh nguy nga đầy lễ vật, vì thế nên mới có đàn cơ hôm nay.

Bàn Đạo dạy đoạn này gọi là chứng tri và phủ dụ: Người sanh trong cõi thế đều có sẵn tánh của Thượng Đế phát ban, nên biết phân tách điều tội phước, biết chọn lựa việc nên hư, biết nhận giả chơn, biết tránh chốn bùn nhơ tìm nơi trong sạch, biết sợ chốn tối tăm địa ngục mà mong đến cảnh thiên đàng, thì lương tri, lương năng là hai kiện tướng của chủ nhơn ông, điều khiển một cơ cấu tứ đại. Nếu cứ thế tuần tự luân chuyển thì Trời không thay xác, đất chẳng đổi hình, nhơn loại không lâm vào thảm cảnh trạng huống như ngày nay.

Bàn Đạo khuyên toàn đạo nơi Ngọc Điện Huỳnh Hà hãy hiểu hết lời Bàn Đạo dạy hôm nay. Tự mình làm sống lại tinh thần đạo đức bất biến, hầu ứng phó với mọi viễn cảnh để làm tròn bổn phận tín đồ của Đại Đạo."

Đức Quan Thánh Đế Quân kêu gọi hàng môn đệ Cao Đài hãy tự mình làm sống lại tinh thần đạo đức bất biến hầu có thể ứng phó với mọi hoàn cảnh đổi thay để làm tròn bổn phận của người tín đồ Đại Đạo. Bổn phận ấy gồm có 2 phần: đó là giữ đạo và truyền đạo, hay tự độ và độ tha, hay cũng là chánh kỹ và hóa

nhơn. Có sửa mình cho ngay chánh, thuần chơn đạo đức rồi thì mới có thể chuyển hóa hay hóa độ người khác.

Cuộc đời thì vô thường, thiên biến vạn hóa khôn lường với muôn vàn cám dỗ rủ ren khiến cho con người phải chịu sa chân vào vòng tội lỗi, đánh mất các giá trị đạo đức của mình. Thế nên, muốn tự cứu mình và cứu tha nhân khỏi vòng đọa lạc luân hồi thì người tu cần phải gìn giữ tinh thần đạo đức bất biến. Bất biến nghĩa là không bao giờ thay đổi trước ngoại cảnh, trước mọi quyến rũ của tình tiền danh lợi, sắc tài tửu khí...

Tinh thần đạo đức bất biến này được thể hiện qua lời nói của Đức Mạnh Tử khi Ngài mô tả phẩm hạnh của một bậc đại trượng phu.

Đại trượng phu là người có chí khí hiên ngang, lòng dạ thẳng thắn, tinh thần bất khuất, người có tinh thần đạo đức bất biến. Đức Mạnh Tử bảo đại trượng phu là người có ba đức tánh như sau: *"Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất"*.

1. PHÚ QUÝ BẤT NĂNG DÂM LÀ GÌ?

Phú (giàu) là nói của cái vật chất dồi dào. Quý (sang) là nói tới địa vị cao trọng trong xã hội. Cho nên phú quý được hiểu là vừa giàu vừa sang.

Bất năng là không thể khiến cho, không thể làm cho.

Dâm ở đây có nghĩa là buông thả, là say mê chìm đắm.

Vậy, phú quý bất năng dâm nghĩa là dù đang trong cảnh sang giàu đến mấy đi nữa cũng không thể khiến cho mình sống buông thả, say mê chìm đắm vào những thú vui nhục dục.

Một nhà Nho nổi tiếng nước ta là cụ Phan Thanh Giản (1796-1867). Cụ là người miền Nam đầu tiên thi đậu tiến sĩ lúc chỉ mới

30 tuổi. Sau đó, ngài Phan Thanh Giản làm quan lớn trải qua ba triều vua liên tiếp là Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức.

Thời xưa, xã hội xem đàn ông năm thê bảy thiếp là chuyện bình thường. Thế nhưng quan đại thần Phan Thanh Giản luôn luôn giữ đúng lời răn dạy của thầy Mạnh Tử: Phú quý bất năng dâm. Cụ sống rất thanh bạch, chùng mực. Cụ làm quan phải sống xa nhà. Vợ cụ vẫn ở quê chồng, thế nhưng không vì hoàn cảnh vợ chồng cách biệt hai nơi mà cụ Phan cho phép mình sống buông thả, phóng túng giống như một số quan lại hay nhà giàu thời xưa.

Năm 1865, vua Tự Đức cử cụ Phan giữ chức Kinh Lược Sứ ba tỉnh miền Tây (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên). Do đó cụ về trấn nhậm tại Vĩnh Long.

Quyển Phan Thanh Giản Truyện của tác giả Thái Hữu Võ kể rằng:

Khi trấn nhậm tại Vĩnh Long, cụ Phan cho trồng bông quỳ (tức bông hướng dương) ở tư dinh (chỗ ở) và công đường (trụ sở làm việc). Hoa quỳ luôn xoay về phía mặt trời, tượng trưng cho người quân tử luôn hướng lòng mình về những điều đạo đức quang minh chánh đại. Thế nên nhìn hoa có thể biết được đức tính của người chơi hoa. Gần tư dinh của cụ Phan là dinh ông Trương Văn Yến đang giữ chức Tổng Đốc tỉnh Vĩnh Long. Ông Yến thì có nhiều hầu thiếp. Một hôm ông Yến qua dinh cụ Phan chơi, hỏi cụ: *“Sao quan lớn không dùng hầu thiếp?”* Cụ Phan trả lời: *“Tôi không có đủ ngày giờ mà lo việc quốc gia, có ngày giờ đâu mà lo việc hầu thiếp. Tôi có trồng bông quỳ quanh dinh nhiều lắm. Khi nào làm việc mệt ra xem bông cũng đủ vui rồi, cần gì phải có hầu thiếp cho cực lòng rộn trí.”*²

2. Thái Hữu Võ, Phan Thanh Giản Truyện, 1927, tr.37.

Vợ Ngài thấy Ngài làm quan ở xa nhà, không người chăm sóc chu đáo nên đã bỏ tiền ra cưới một cô hầu thiếp trẻ ở quê và đưa ra cho Ngài. Tuy nhiên, Ngài Phan Thanh Giản đã từ chối và cho tiền xe đưa người hầu thiếp ấy trở về quê.

Qua câu chuyện này, chúng ta có thể thấy rằng cụ Phan là người luôn giữ nếp sống đạo đức thanh bạch chứ không vì địa vị cao sang trong xã hội mà sống buông thả, say mê chìm đắm vào các thú vui nhục dục.

2. BẦN TIỆN BẤT NĂNG DI LÀ GÌ?

Đây là đức tánh thứ hai trong lời dạy của thầy Mạnh Tử: Bần tiện bất năng di.

Bần tiện là nghèo khó.

Bất năng là không thể khiến cho, không thể làm cho.

Di là biến đổi, thay đổi.

Vậy, bần tiện bất năng di nghĩa là cảnh nghèo túng không thể làm thay đổi đức tánh của mình. Mình là người lương thiện, dù nghèo cũng không trở thành tham lam, trộm cướp.

Cụ Phan Thanh Giản tuy làm quan đại thần suốt ba triều vua nhưng bởi rất thanh liêm, không tham nhũng của công, không ăn của đút lót hối lộ nên gia cảnh rất thanh bần.

Quyển Vĩnh Long Nhơn Vật Chí của soạn giả Nguyễn Văn Dần kể rằng sau khi cụ Phan qua đời, tài sản để lại chỉ là “một cái nhà tranh (...); ruộng vườn thì không có một cao.” Cao là đơn vị đo ruộng thời xưa. Một cao = 15 thước mộc = 15 x 0,425 mét = 6,425 mét. Câu này có ý nói nhà ngài chẳng có ruộng vườn chi cả.

Làm quan đại thần mà gia cảnh thanh bần, ấy là do cụ Phan luôn giữ vẹn đức thanh liêm. Trong quyển Phan Thanh Giản

Truyện, trang 25, ông Thái Hữu Võ kể:

Ở tỉnh Gia Định có ông nhà giàu là bá hộ Vân bị kết tội oan về một vụ án mạng. Khi cụ Phan tra xét lại thì biết bá hộ Vân bị oan nên xử cho ông được vô tội, trắng án. Để cảm ơn Ngài, bá hộ Vân mua mười gói trà, trong mỗi gói bỏ một nén vàng ròng. Một nén là 10 lượng. Tất cả là 100 lượng vàng giấu trong 10 gói trà. Bá hộ Vân xin vào gặp cụ Phan, dâng trà tạ ơn và nói khéo: *“Trà này quý lắm. Xin quan lớn dùng lấy thảo với tôi.”* Cụ Phan biết ý liền đáp: *“Trà của chú quý bằng vàng mà tôi không quen dùng. Chú mang trà tới đây, tôi nhìn thấy tức là coi như đã dùng rồi. Tôi cảm ơn. Chú phải mang về.”* Bá hộ Vân đành phải vâng lời, mang 100 lượng vàng trở về nhà.

Câu chuyện ấy đã minh chứng cụ Phan Thanh Giản quả là “bần tiện bất năng di”, cảnh nghèo khó không làm cho tinh thần đạo đức bị suy yếu trước những cám dỗ về tiền tài vật chất.

3. UY VŨ BẤT NĂNG KHUẤT LÀ GÌ?

Uy vũ là sức mạnh khiến người ta phải nể sợ. Khuất là khuất phục, chịu đầu hàng. Uy vũ bất năng khuất là không khuất phục đầu hàng trước các thế lực mạnh mẽ.

Tấm gương trung nghĩa tiết liệt của Đức Quan Thánh Đế Quân thuở sinh tiền đã thể hiện được tinh thần “uy vũ bất năng khuất” ấy.

Theo truyện Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa của tác giả La Quán Trung, Quan Vũ hay Quan Vân Trường là anh em kết nghĩa của Lưu Bị và Trương Phi. Cả ba đã cùng thề với Trời Đất rằng sẽ đồng tâm hiệp lực cứu người khổn, giúp kẻ nguy; trên báo đền nợ nước, dưới giúp đỡ cho dân, và mặc dù không sinh cùng năm,

cùng tháng, cùng ngày nhưng nguyện ước được chết cùng ngày, cùng tháng, cùng năm.

Do có lời thệ ước này nên về sau, khi bị thất thủ thành Hạ Bì, Quan Vũ phải ẩn nhẫn phò hai chị dâu tá túc bên Tào Tháo trong lúc chờ tin tức Lưu Bị và Trương Phi. Tào Tháo hết lòng trọng đãi Quan Vũ để mong dụ hàng được bậc dũng tướng tài ba này: Cứ ba ngày Tào lại đãi Quan một tiệc nhỏ, bảy ngày lại thết một tiệc to, rồi tặng ngựa xích thố, sai người lấy gấm may túi cho Quan Vũ bọc râu, chu cấp vàng bạc châu báu thật hậu hĩnh và làm biểu tâu lên triều đình phong Quan Vũ là Hán Thọ Đình Hầu sau khi Ngài chém được Nhan Lương trong một lần đánh quân Viên Thiệu. Tuy nhiên, tất cả của cải vật chất cùng danh vị ấy đều không mua chuộc được lòng trung nghĩa của Quan Vũ. Khi biết được tin Lưu Bị, Quan Vũ liền đưa hai chị dâu về tìm và “phàm những đồ kim ngân, châu báu gói hết cả lại bỏ vào trong kho, ẩn Hán Thọ Đình Hầu thì đem treo ở trên thềm”³ trả lại cho Tào Tháo.

Qua đó, chúng ta có thể thấy được tinh thần đạo đức bất biến của Quan Vân Trường: “Uy vũ bất năng khuất” – sức mạnh không thể làm cho khuất phục. Ở đây không phải là uy vũ hay sức mạnh của thể lực, của cơ bắp mà là uy vũ hay sức mạnh của tiền tài vật chất. Quả thật, trên thực tế ngày nay, chúng ta có thể thấy đồng tiền có một sức mạnh vạn năng, có thể sai khiến con người làm bất cứ điều gì, bất chấp điều ấy có vi phạm các quy tắc đạo đức hay luân lý làm người.

Do đó, trong kinh Tam Nguơn Giác Thế của đạo Cao Đài, Đức Quan Thánh dạy:

3. La Quán Trung, Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa.

“Ta chẳng chịu ủy tử tham sanh, ham điều vinh hiển mà lỗi đạo quân thần, thất lời thệ ước, cho nên khi Ta quy vị, Thiên Đình ban ơn khỏi luân hồi tái thế.”

Về lòng trung nghĩa của Quan Vũ, kinh Minh Thánh chép:

“Như ta đây: Lòng trung nghĩa sáng như nhật nguyệt tinh, tiết tháo lớn sánh cùng trời đất. Trời sập, ta mới sập. Đất lở, ta mới lở. (...) Lòng trung xông thẳng trời, nghĩa khí trùm vũ trụ. Mặt đỏ lòng càng đỏ. Râu dài nghĩa thêm dài.”

Thiết lễ tưởng niệm Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân, thiếu nghĩ không gì thiết thực và ý nghĩa bằng việc noi gương đạo đức tiết nghĩa của Ngài thuở xa xưa và thực hành lời Ngài dạy hôm nay: *“Tự mình làm sống lại tinh thần đạo đức bất biến”*. Trong bối cảnh xã hội ngày nay, khi mà làn sóng vật chất kim tiền đang nhấn chìm con người vào vòng tội lỗi và bóp chết tinh thần đạo đức luân lý làm người, việc làm sống lại tinh thần đạo đức bất biến như lời Đức Quan Thánh dạy là điều vô cùng cấp thiết. Bởi lẽ, có con người đạo đức thì mới có gia đình đạo đức. Có gia đình đạo đức thì mới có xã hội đạo đức. Bất cứ xã hội nào, quốc gia nào, thời đại nào cũng cần phải có tinh thần đạo đức bất biến để xã hội được an bình, quốc gia được thịnh trị văn minh và nhân dân được hạnh phúc.

Và để làm sống lại tinh thần đạo đức bất biến, con người cần phải có 4 điều kiện:

1. Con người cần phải tin ở Trời Đất quỷ thần, tin có luật nhân quả báo ứng và tin có luật Thiên điều thưởng phạt công minh. Con người làm điều tội lỗi có thể thoát khỏi sự trừng trị của luật pháp thế gian nhưng không thể nào thoát khỏi sự trừng phạt của luật Trời chí công vô tư.

2. Con người cần phải nhìn cho kỹ thảm trạng của xã hội nhân loại ngày nay với bao cảnh tang thương chết chóc: trong gia đình thì con giết cha, vợ giết chồng, anh em sát hại lẫn nhau vì tranh giành gia tài; ngoài xã hội thì luật pháp quốc gia bị xem thường, các vụ án mạng thường xuyên xảy ra mà hung thủ là những người còn ở độ tuổi vị thành niên; kẻ làm quan thì tham nhũng, hối lộ, buôn dân bán nước... Nhìn cho tường tận những thảm trạng ấy để mà tỉnh thức, quay trở về lòng mình, tự mình làm sống dậy tinh thần đạo đức bất biến, làm sáng cái đức sáng, cái điểm Đạo tự hữu mà Thượng Đế đã phát ban cho mỗi con người từ lúc đi vào thế hạ.

3. Hãy noi theo tấm gương cần mẫn tu sửa bản thân của Đức Quan Thánh thuở xa xưa như lời Ngài đã dạy trong kinh Minh Thánh:

*"Ngô tổ lã Xuân Thu,
Ấu quan Khổng Mạnh.
Duy dĩ hiếu để vi tiên,
Tu thân trị quốc vi bổn."*

(Ta thường đọc kinh Xuân Thu,
Ấu thơ xem sách của Khổng, Mạnh.
Ta chỉ lấy hiếu để làm đầu,
Lấy sửa mình giúp nước làm gốc.)

Ngài Quan Vân Trường từ thuở ấu thơ đã đọc sách của Đức Khổng Tử và thầy Mạnh Tử – là những sách dạy về luân lý đạo đức làm người và luôn chăm chăm vào việc tu thân sửa mình, mọi việc làm đều đúng theo ngũ thường Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

4. Thực hành phương pháp tu thân mà Đức Quan Thánh đã dạy cho hàng môn đệ Cao Đài:

"Đã là con người giữa sự thiện ác, phải trái, nên hư, phước tội đều lẫn lộn trong nếp sống thường nhật, ví như dòng nước nơi khe suối nương rạch đang cuồn cuộn chảy, đục trong lẫn lộn, cặn cáu hòa lẫn.

Vào đạo tu thân, trước hết là xem kinh đọc sách đạo, học tập Thánh ngôn Thánh giáo để thanh lọc tư tưởng, gội rửa tánh xấu, hầu xa lìa những ngôn ngữ tổn đức thất nhân tâm, tránh không làm những điều tội lỗi, tập làm những điều nhân việc thiện, ban đầu hơi ngỡ ngàng đối với người đã quen tánh cũ, nhưng phải cố gắng bền chí thanh lọc ngày ngày tháng tháng trong câu "Nhật tu nguyệt tăng" hay "Nhật nhu ngoạt nhiễm". (...)

Người tu hành siêng năng bền chí thanh lọc trau sửa bản tâm bản tánh lần hồi sẽ trở nên thuần lương thánh thiện.

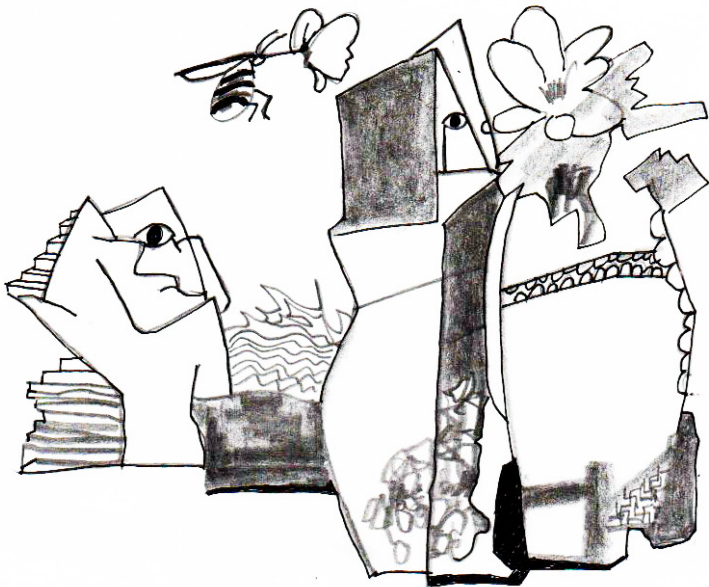
Phật Tiên Thần Thánh ngày nay, ngày xưa được trọn tốt trọn lành đều phải trải qua những giai đoạn thanh lọc ấy. Có nhiều bậc Phật Tiên Thánh Thần trước kia cũng mang thể xác làm người, cũng lâm vấp những thói hư tật xấu như ai, nhờ biết khiêm tốn học hỏi, biết phục thiện để chừa lỗi, chấp nhận lời lành, ý hay, lẽ tốt, để trau sửa bản tâm, rèn luyện bản tánh mới có thể tiến hóa lần từ kiếp người đến hàng Thần Thánh Tiên Phật."⁴

Xin nguyện cầu Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân ban bố ân lành để tất cả huynh tử đệ muội chúng ta có được đầy đủ dũng khí như Ngài hầu có thể vượt qua mọi yếu hèn của bản thân và mọi thử thách cám dỗ của ngoại cảnh để đạt được một tinh thần đạo đức bất biến hầu góp phần vào việc xây dựng một xã hội an bình thánh đức cho muôn dân đều cộng hưởng.

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-02 Tân Hợi (25-02-1971).

Thời Cơ Tiến Hóa

Đồng Tâm - Đồng Tiến



*“May duyên gặp Đạo gặp Thầy,
Trong tâm sáng rõ thấy ngày vinh quang.”¹*

“Dầu tu trọn đời mà không gặp cơ duyên, cũng không bằng tu một ngày có cơ hội.”²

DÂN SỐ NGÀY Càng GIA TĂNG

– Theo quy luật của luật tiệm tiến, vào giai đoạn Hạ nguơn, vòng luân hồi chu kỳ tái sinh của vạn vật sẽ được diễn ra với tốc độ rất nhanh. Sự tiến hóa của vạn vật cũng tương thích với chu kỳ của thiên địa. Hiện nay, trong khi rừng xanh lùi dần và số lượng các chủng loài động vật ngày càng tăng thêm trong sách đỏ thì dân số thế giới lại càng tăng theo cấp số nhân. Phải chăng có sự tiến hóa từ loài vật lên làm người? Khoa học đã ghi nhận: các mốc thời kỳ dân số trên thế giới như sau:

Năm thứ nhất sau Công nguyên: 200 triệu người.

1805: 1 tỉ người.

1927: 2 tỉ người; 1959: 3 tỉ người; 1987: 5 tỉ; 1999: 6 tỉ.

2011: 7 tỉ người; 2012: 7,058 tỉ người; 2013: 7,137 tỉ.

Theo dự báo, dân số thế giới sẽ đạt tới 9 tỷ vào năm 2050.

– Các tôn giáo lớn như Phật giáo, Kytô giáo đều có tiên tri trong kinh sách của mình về một thời kỳ mới mà nhân loại sẽ tiến đến. Tuy được diễn tả với những ngôn từ khác nhau như “Long Hoa hội” hay “Trời mới, đất mới”, v.v. nhưng tất cả đều có chung một nội dung: Trong đêm dài tăm tối giá buốt tình người

1. Đức Trần Hưng Đạo, Minh Lý Thánh Hội, 06-11 Bính Thìn (26-12-1976).

2. Đức Đông Phương Lão Tổ.

của một bộ phận lớn trong cuộc sống nhân sinh, trái đất này và nhân loại sẽ tiến đến thời kỳ mới “địa đàng” phục sinh nồng ấm tình người. Đức Gia Tô đã nói:

*Gieo giống lành là cốt muốn sao,
Đời người tiến hóa mau mau,
Vào vòng hiểu đạo tránh đào hố sâu.
Tiên tri đoán hoàn cầu tận thế,
Văn minh càng tìm kế tối tân,
Giết nhau chẳng lựa chẳng phân,
Tọ làm thịt thú khi cần muốn ăn.
Luật Tạo Hóa không tăng không giảm,
Lẽ công bình khử ám hồi minh,
Giáng sinh Ta cốt gây tình,
Cho đời tập chí giữ gìn câu thương.
Thương gia đạo hiệp nương trên dưới,
Thương giống nòi khỏi lười rẽ chia,
Thương là nền móng làm bia,
Thương người đau khổ không lia đoạn nhau.³*

THIÊN CHÚC TỐI LINH CỦA CON NGƯỜI

“Vi nhơn nan đắc”, không dễ để được mang kiếp người! Nếu đã hiểu được rằng mỗi người bình thường đều đã phải trải qua muôn ngàn kiếp ở dạng thức cỏ cây, muôn thú mới tiến lên được đến kiếp người “chúng sanh thượng đẳng” thì chúng ta mới thấu hiểu giá trị của kiếp người!

Và khi có duyên may được học hỏi đạo lý, hiểu được vị thế tối

3. Đức Gia Tô Giáo Chủ, Huòn Cung Đàn, (24-12-1961).

linh của kiếp người, là điều kiện phương tiện sinh học căn bản để có thể tu học, hành đạo lập công bồi đức, để rồi tu luyện tâm tánh hầu được tiến hóa vào cõi thượng đẳng thiêng liêng.

“Ngày nay các con hữu hình nhơn loại, các con có biết cái hữu phước ấy không các con? ...

Tới cõi trần, sanh làm người. Đó là con đường tiến hóa đã được nhiều. Nhưng gẫm đến nhơn loại nơi thế này chịu biết bao nhiêu điều thống khổ...

Các con muốn tránh khỏi nẻo luân hồi, các con ráng lo tu niệm. Đó là con đường chánh đạo để giúp các con về cõi u nhàn trường sanh bất tử. Các con nên vui mừng mà hành theo Đại Đạo Thầy nghe các con.”⁴

Đức Quan Thế Âm nhắc nhở:

“Con người là tối linh trong vạn vật, phải làm sao và với những đặc điểm nào cho đúng với thiên chức của hai chữ tối linh ấy.

Rất đổi như loài khoáng sản là vật hạ đẳng nhứt mà còn có thể dinh dưỡng nuôi nấng loài thảo mộc hữu ích cho cây cỏ, cho người đời thay. Kế đến, rất đổi là hàng cỏ cây cũng còn có thể đem thân sống mình nuôi dưỡng thú cầm nhân loại trong cơ tiến hóa. Kế đến là loài cầm thú, còn đem thân cực khổ cũng như mạng sống mình giúp ích cho đời, như trâu cày ngựa cỡi, bò trực, chó giữ nhà, gà gáy sáng, con tầm biết trả nợ dâu.

Còn con người ở hàng tối linh sẽ nghĩ gì, đang nghĩ gì và đã nghĩ gì?”⁵

4. Đức Chí Tôn, Trước Tiết Tàng Thơ, 20-4 Quý Dậu (14-5-1933).

5. Đức Quan Âm Bồ Tát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-9 Quý Sửu (10-10-1973).

CƠ HỘI HY HỮU ĐỨC THƯỢNG ĐẾ GIÁNG TRẦN LẬP ĐẠO

Mười ngàn có lẻ tám trăm năm, (10.800 năm)

Vận hội mười hai đã sẵn cầm,

Nhân loại trở về đời Thánh đức,

Mới hay Thượng Đế phép cao thâm.⁶

– Địa cầu chúng ta sắp chuyển vào một thời kỳ mới tương ứng với sự vận chuyển của đại chu kỳ Tam Nguyên mới của vũ trụ. Chính vì thế Đức Chí Tôn mới đích thân hạ phàm thực hiện Đại ân xá Kỳ ba, mở cơ tận độ chúng sanh.

Đức Mẹ Diêu Trì Kim Mẫu có dạy:

“Tam Kỳ Phổ Độ, Đại Đạo hoằng dương chánh pháp để phục hưng thời mạt pháp hầu lập Thánh đức Thượng nguyên.

Đang giữa thời biến thiên hỗn độn, các con là những nguyên nhân từ thượng giới gieo rải đến hồng trần, khi nấy mầm đơm tược để kết quả một nguyên nhân nơi cõi thế gian, thay quyền Tạo Hóa.

Nhưng con ôi! Vì thế gian là cõi hồng trần, mà các con mang lấy phàm thân nhục thể, đã vượt qua bao nhiêu kiếp luân hồi chuyển hóa sau bức màn vô minh, rồi các con lại tiến hóa trên vạn nẻo hồng trần vật chất. Nên chi, nguyên hội mười hai, cõi thế gian này đã biến thành ra đục hải, hỏa sơn, mà con cái của Mẹ lại phải chịu trong cảnh lặn hụp bên đèo.

Ôi! Có được bao nhiêu đứa còn giữ bốn nguyên chân tánh để thoát qua ngày Long Hoa Đại hội hầu gặp gỡ Quần Tiên.

(...) Phận sự các con ngày nay, Thượng Đế đã đem đến ban cho các con và Thiêng Liêng đã tiếp xúc giúp đỡ trên mọi việc tu thân

6. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Thiên Lý Đàn, 15-7 Ất Tỵ (11-8-1965).

hành đạo của các con. Đây không phải là riêng cho các con mà thôi và cũng sẽ cho toàn cả thế gian, bất cứ dân tộc nào, nhân sinh nào, hễ biết giác ngộ để tìm hiểu giáo lý Đại Đạo tức là đem lại cuộc ổn định thế gian và về đến mục đích tối cao chơn lý của Thượng Đế Chí Tôn.”⁷

Một thời gian sau, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo nhấn mạnh:
“Tam Kỳ Phổ Độ là một giai đoạn quan trọng trên lịch sử diễn tiến của nhân loại trong kỳ Hạ Nguơn. Đây là thời kỳ có một không hai trong quá trình tiến hóa tâm linh nhân loại vì được điểm phúc hồng ân lớn duy nhất Thượng Đế giáng trần lập đạo cứu độ và tận độ. Nhơn loại cũng đang thời kỳ tiến đến cơ mạt kiếp, ác nghiệp chồng chất bao đời cũng đến hồi tác động với muôn vàn tai họa khủng khiếp.

Sự chênh lệch cách xa, một bên trí năng phát minh khoa học, và một bên đạo đức lương tri tạo nên tai họa khủng hoảng mờ mịt không lối thoát.

Hoàn cảnh lịch sử, thời điểm lịch sử, phải có giải pháp lịch sử, sứ mạng lịch sử và tất nhiên con người sứ mạng lịch sử. Điều này có nghĩa cụ thể là trong giai đoạn lịch sử này không làm tròn sứ mạng có một không hai thì vĩnh viễn không còn cơ hội nào khác để thực hiện cả. Đó là điều mà chư Thiên ân đệ muội phải tâm tâm niệm niệm xét suy cho thấu đáo.”⁸

Qua đoạn Thánh giáo trên chúng ta có thể suy nghĩ về ý “tiến hóa” theo 2 góc độ:

7. Đức Mẹ, Thiên Lý Đàn, 20-01 Đinh Mùi (28-02-1967).

8. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 11-8 Bính Dần (14-9-1986).

• Với nhân loại: đang ở tình trạng “*khủng hoảng mờ mịt không lối thoát*”.

• Với vai trò của tín hữu Cao Đài: “... *giai đoạn lịch sử này không làm tròn sứ mạng có một không hai thì vĩnh viễn không còn cơ hội nào khác để thực hiện cả.*”

– Nghĩa là, các tín hữu Cao Đài có nhiệm vụ phải tự độ lấy sự tiến hóa cho chính mình và tập thể cộng đồng Cao Đài qua việc bồi công lập đức thực thi sứ mạng độ đời.

*Hội mười hai tuần hườn vận chuyển,
Lập Tam Kỳ thực hiện lý quy nguyên;
Giữa trùng dương thấp thoáng bóng con thuyền,
Đang lướt sóng buồm trương miền trần tục.
Để cứu vớt linh hồn còn lặn hụp,
Để gọi kêu người đang đắm đuối cảnh đê mê;
Thoát hồng trần khổ hải muôn bề,
Cổ nghiệp chướng đang nặng nề đeo đẳng.
Trong lúc đó hỡi ai là sứ mạng?
Lúc giông cuồng gió loạn vũng tay chèo;
Nhìn mục phiêu Đại Đạo cổ lần theo,
Nơi chơn lý lựa vèo toan lướt tới.⁹*

Lời của hai vị Đầu Sư Tiền Khai Đại Đạo, tượng trưng cho Âm Dương, đã chỉ cho thấy cơ hội tiến hóa của những “linh hồn còn lặn hụp” và những người mang “sứ mạng Kỳ Ba”.

Cơ hội này lại càng rõ nét hơn nữa với luật Đại ân xá Kỳ Ba.

9. Đức Thượng Trung Nhật và Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-02 Đinh Mùi (24-3-1967).

ĐẠI ÂN XÁ KỲ BA

- Tam Kỳ Phổ Độ, để tận độ chúng sanh tiến hóa kịp với sự vận chuyển của Đất Trời theo Thiên cơ, Đức Chí Tôn mở cơ Đại ân xá cùng Tân pháp Cao Đài, tạo điều kiện để chín mươi hai ức nguyên nhân và các hóa nhân hữu duyên giác ngộ, bồi công lập đức lên kịp chuyển tàu vũ trụ thượng thiên.

Nếu trễ chuyển chót này, bảy trăm ngàn năm nữa Đức Chí Tôn mới có lần đại ân xá nữa! Nghĩa là phải đến Hạ nguơn của hai chu kỳ Đại Tam Nguơn nữa! Cũng nên lưu ý, nếu so sánh khoảng thời gian này với khoảng mười ngàn năm trước đây, khi loài người thượng cổ bắt đầu bị nhiễm tà mị khi bước vào cuối thời kỳ đồ đá cũ, chúng ta mới có thể mừng tượng khoảng thời gian này dài đến mức nào trong quá trình tiến hóa của vạn linh.

Vì thế, Đức Mẹ khuyên:

*Con chớ có dần dà trễ bước,
Trễ bước rồi không được an thân;
Muôn năm mới có một lần,
Lần ba không gặp vô phần lắm con.*¹⁰

Tính chất đại ân xá được thể hiện qua một số yếu tố của pháp môn Tam kỳ như sau:

- Với người đang ở dương thế: Công quả được nhân hệ số ba. Tín hữu ăn chay mười ngày mỗi tháng có thể bắt đầu được học Tâm pháp Đại thừa để tập thực hành chuẩn bị tiến bước sang việc tu luyện đạo.

- Với vong linh đang ở cõi âm: được hưởng ân siêu độ và siêu thăng Chơn Giác Đồng Đăng. Như U minh chung và lời kệ thúc

10. Đức Mẹ, Thánh Truyền Trung Hưng, 23-8 Ất Mùi (08-10-1955).

đẩy sự tiến hóa của vạn vật trong suốt ba cõi: hạ giới, trung giới và thượng giới. Vừa cho người sống vừa cho vong linh quá vãng đồng thời cho cả chư Thiên Liêng trong vòng luân hồi ở các cõi Sắc giới và Dục giới.

Như thế, cá thể nào hữu duyên được hưởng đầy đủ các pháp môn tận độ của đạo Cao Đài (độ sanh, độ tử) thì thời gian tiến hóa sẽ được rút ngắn.

*Long Hoa hội Kỳ tam ân xá,
Lập Thượng nguơn thiên hạ thái bình;
Lòng Trời bao quát thình thình,
Đạo Trời cứu cánh vạn linh hội này.
Chuông chiêu mộ đó đây cảnh tỉnh,
Bát nhã toàn lướt vịnh trầm luân;
Đưa người khỏi bến gian truân,
Phá mê cho khách hồng trần mê.
Sớm kêu gọi nhau về Chánh Đạo,
Đừng tranh phân ngoại giáo, nội môn;
Mới mong giữ vững quốc hồn,
Mới mong yên kiếp sinh tồn lê dân.
Thân này vốn là thân tạm mượn,
Vương của đời là vương trái oan;
Dầu cho điện ngọc ngai vàng,
Cũng không đổi được con đàng tử sanh.
Ai cũng có căn lành buổi trước,
Ai có căn mới được làm người;
Định thần thức tỉnh ai ơi!
Nấc thang tiến hóa của Trời ban cho.
(...)*

*Long Hoa đại hội Kỳ Tam,
Vượt lên cho khỏi nêu danh Phong Thần.
Đại Đạo sắp nguyên nhân phải chỗ,
Có duyên lành ắt có vị ngôi;
Xuân qua rồi lại mấy hồi,
Tu đi kéo trở lịnh Trời đã ban.¹¹*

PHÁP MÔN TẬN ĐỘ

– Bí quyết tu hành của Kỳ ba Đại ân xá, để có thể tiến hóa nhanh là đồng hành pháp môn Tam công trong khi song hành theo phương tu Đại Đạo là phổ độ và tịnh luyện.

- Làm công quả từ những việc tầm thường như:

“Chư Đại Tiên cũng hằng khuyến bảo: Hãy làm những việc tầm thường đi để rồi trở nên phi thường. Một câu nói đầy ý nghĩa, một nấc thang tiến hóa, một bàn tay hiếu sinh nâng đỡ hàng đạo tâm thiện chí, vô kỷ, vô công.”¹²

- Tu học, rèn luyện Công trình nơi cõi vô thường:

“... cõi vô thường là trường tu luyện tiến hóa của vạn linh trên Đại Đạo mà các con cũng là những thí sinh trong vạn linh đang đồng hành đồng tiến nhờ sự giác ngộ kịp thời nên được vào trường tu học lập công bồi đức để lên đường phẫn bổn huờn nguyên.

Thế nên các con cần phải học hiểu cho thấu suốt tinh tường cái lý này tức là tự giải thoát. Dầu cho các con còn sống trong cõi trần nhưng hai tiếng trần la không còn ý nghĩa gì đối với người tu hành

11. Đức Lý Thái Bạch, Thánh thất Bàu Sen, 02-01 Ất Tỵ (03-02-1965).

12. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Vĩnh Nguyên Tỵ, 27-01 Ất Mão (09-3-1975).

chân chính nữa.

Vì vậy những ai được vào hàng Thiên ân, dầu nam hay nữ cũng đều được quang năng trí tuệ trên cấp bậc đại thừa để thực hành Thiên đạo trong mỗi thời dịch hóa biến thiên.¹³

• Siêng năng Công phu sẽ thúc đẩy sự tiến hóa:

“Chư hiền đệ muội ngày nay được hưởng thời đại ân xá và đang trở bước Đại thừa thực hành Thiên đạo, dầu ở cấp nào, cũng phải tự mình khắc kỷ, tu công, nghiêm minh giới luật.

Trễ một giờ là mất một năm tiến hóa.

Nếu làm một nhơn sanh nơi cõi thế mà không tiến hóa được thì thật uổng phí một kiếp nhơn sanh.¹⁴

Đức Mẹ Diêu Trì Kim Mẫu nhắn nhủ hãy ráng thực hành đồng một lúc Tam công:

“... Bí quyết tu hành của Kỳ ba Đại ân xá.

Ánh sáng vị tha rọi sáng lòng ích kỷ, ánh sáng bác ái sẽ rọi sáng bóng tối hẹp hòi, ánh sáng tình thương sẽ phá tan màn đêm u tối, ánh sáng từ bi sẽ dẫn lối cứu khổ của cuộc đời.

Ánh sáng Công phu sẽ phá tan màn lưới vô minh.

Ánh sáng Công quả sẽ chan hòa tánh hẹp hòi bon chen ích kỷ, ánh sáng phúc đức sẽ tiêu rỗi nghiệp chướng tiền khiên, ánh sáng nhơn hòa sẽ phá tan pháp phe kỳ thị. (...)

Ráng tập luyện Công trình, Công quả, Công phu, thì chắc chắn

13. Đức Minh Đức Đạo Nhơn dạy các hiểu tử, Minh Đức Tu Viện, 25-01 Giáp Tý (26-02-1984).

14. Đức Đông Phương Lão Tổ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-01 Quý Hợi (1983).

*một kiếp sẽ được thành công đắc quả.*¹⁵

– Khi chồng hai đồ hình: vòng Bát quái Tiên Thiên (bên trong) và vòng Bát quái Hậu Thiên (bên ngoài) với nhau thành hình vành khăn theo hướng dẫn của Ôn Trên qua cơ bút, sao cho các miền âm dương của hai đồ hình Bát quái tương thích với nhau. Ở trục giữa thẳng đứng qua tâm của 2 vòng Bát quái, chúng ta thấy sự hiện diện của ba quẻ theo thứ tự từ dưới lên trên là: Trạch Lôi Tùy; Địa Lôi Phục và Thiên Lôi Vô Vọng.

Nói ngắn gọn, Ôn Trên chỉ cho chúng ta thấy có ba quẻ: Tùy, Phục, Vô Vọng cần phải được các tín hữu Kỳ Ba chú ý học và hành trên đường Thiên Đạo.

Trong cả ba quẻ kép này đều có quẻ đơn là “LÔI” nghĩa là sấm sét tượng trưng cho nguồn năng lượng điện của vũ trụ hay là của Tạo Hóa ban cho vạn vật chúng sanh nói chung và các tín hữu Kỳ Ba biết ý thức thực hành theo Tâm pháp Thiên đạo Đại thừa.

“Tu là nấc thang tiến hóa để linh hồn lần đến cõi thanh nhàn, khỏi nghiệp luân hồi chuyển kiếp, thì chư hiền đệ muội cũng vì mục đích ấy mới ra công hành đạo, tìm đến đường tu, thì cần phải giồi trau đức tánh, khác hẳn người đời; cần phải dọn mình trong sạch, cần siêng năng chăm chỉ, dứt bỏ những gì phiền lụy quanh mình, để cho tâm được sáng suốt, được trống không, được hân hoan, mới mong hành phận sự.

Trên thế gian chẳng biết bao nhiêu là hạng người hiền ngu quý tiện, thì hạng nào cũng có thể đưa mình đi đến mục đích của đường tu, chớ chẳng phải ngôi vị riêng dành người vinh sang phú quý, mà khám ngục chỉ nhất linh hồn của đám thường nhơn.

15. Đức Mẹ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-02 Đinh Tỵ (03-4-1977).

Luật công bình Tạo Hóa chẳng sai di, có lắm kẻ tu trì mà đắc tội, cũng có kẻ vinh sang thối kiếp, làm ngựa trâu trả nợ đã vay; cũng có người mộc mạc quê mùa, quanh năm vùi thân nơi cát bụi, đội nguyệt mang sao, muôn phần vất vả, mà lại chứng vị Thánh Tiên. Chư hiền đệ muội có hiểu điều ấy chăng?

Lão kể ra đây để chư hiền đệ xem hầu lập thân hành đạo, tiến trên nhiệm vụ, đừng để những lòng tự ái cầu an xâm nhập xui giục, thất tình lục dục phá khuấy linh tâm. Trái lại công phu nghìn năm một giờ thiêu hủy. Chư hiền đâu hiểu tiền kiếp của chư hiền như thế nào, thì hiện kiếp đã chứng minh, cố gắng lên cho kịp thời đừng bê trễ.¹⁶

KẾT LUẬN

Hữu duyên hạnh ngộ Tam Kỳ, mỗi tín hữu Cao Đài là một trong chín mươi hai ức nguyên căn sớm được Ôn Trên đánh thức để nhớ lại cội nguồn xưa:

*Linh căn xưa ở chốn thiên đình,
Nguyện đến cõi trần độ chúng sinh;
Thoát khỏi tai nạn sang bến giác,
Và đem đạo đức cứu toàn linh.¹⁷*

Đức Lý Giáo Tông có nhận xét:

“Nếu mỗi tổ chức địa phương trong các chi phái đạo Cao Đài đều hướng về một đường lối, từ kinh điển đạo luật đến lễ lối lãnh đạo, phương pháp thực hành, v.v. có quy củ và đồng nhất thì sự kết quả không thể ý phạm tưởng tượng được.

16. Đức Lê Đại Tiên, Ngọc Minh Đài, 10-6 Ất Tỵ (08-7-1965).

17. Đức Quan Âm Bồ Tát, Liên Hoa Cửu Cung, 03-01 Ất Tỵ (04-02-1965).

Nếu chư hiền đệ muội có được tuổi đạo 1.000 năm hoặc chỉ 500 năm thôi, mà theo đà tiến có quy củ thì thế giới chắc chắn thanh bình, nhân loại an cư lạc nghiệp trong tình thương.

Có so sánh như vậy mới thấy được bước tiến của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.¹⁸

Vì thế để mau tiến hóa, chúng ta cần ý thức:

*Tam kỳ rộng mở lối Thần Tiên,
Ráng học cho nên bực Thánh Hiền,
Vũ trụ dành nơi trò ứng cử,
Lánh trần tìm Đạo đoạt khôi nguyên.
Chính mình giải thoát kiếp luân hồi,
Tu niệm là đường đến vị ngôi,
Chọn Thánh phân phàm kỳ mạt kiếp,
Ráng gìn chơn tánh hỡi ai ơi!¹⁹*

“Khi mỗi một tiểu linh quang ấy đến ngấm ngấm ẩn tàng trong vạn thể tùy theo mỗi lãnh vực, mỗi địa hạt mà hy sinh lập công để chuyển kiếp trong luật định nhân vật tiến hóa.

Từ một loài khoáng sản chuyển mình lên đến thảo mộc, thú cầm, nhân loại đã trải qua biết bao nhiêu lần thay hồn đổi xác.

Nếu mỗi một thể đều tiến hóa đúng luật tự nhiên sẽ mau trở về cùng nguyên quán.

Ngược lại, ắt đã gây tạo bao nhiêu oan khiên nghiệp chướng truyền kiếp mãi mãi trong vòng sinh tử tử sinh lộn tới lộn lui, lộn

18. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Ngọc Minh Đài, 15-01 Kỷ Dậu (03-3-1969).

19. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Thiên Lý Đàn, 08-02 Đinh Mùi (18-3-1967).

*lên lộn xuống theo luật trì kéo của nhân quả làm trễ tràng ngày giờ hợp nhứt.*²⁰

Vì vậy trên đường tu niệm, mỗi tín hữu Cao Đài chúng ta đều phải ráng tu thân hành đạo góp phần thực hiện sứ mạng Kỳ Ba: “**Phổ thông nền giáo lý Cao Đài cứu độ**”, “**phá mê**” thúc đẩy sự tiến hóa của chúng sanh:

*“**Phổ độ khắp nơn sanh hưởng ứng,**
Thông suốt rành biện chứng phá mê;
Nền trần phủi sạch trở về,
Giáo dân chí thiện vẹn bề nơn luân.
Lý chơn giải thắm nhuần đạo mạch,
Cao ngôn phân chỉ vạch rõ ràng;
Đài sen tô điểm nét vàng,
Cứu người tránh khỏi con đàng trả vay.
Độ rồi kẻ lữ tay sai lạc,...”²¹*

Có như thế

*“**Toàn** linh đã biết đường siêu đọa,
Gặp Tam Kỳ ân xá quay về;
Giúp đời hành đạo phá mê,
Bỏ trần diệt tục, gần kề Phật Tiên.”²²*

20. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 12-9 Mậu Thân (02-11-1968).

21. Tam vị Thượng Trung Nhứt, Ngọc Lịch Nguyệt, Thái Thơ Thanh, Thiên Lý Đàn, 02-01 Giáp Thìn (13-02-1964).

22. Đức Quan Âm Bồ Tát, Liên Hoa Cửu Cung, 03-01 Ất Tỵ (04-02-1965).

Học tập Hạnh lắng nghe của Đức Quán Âm Bồ Tát

Xuân Mai

Hình ảnh Bồ-tát Quán Thế Âm luôn được tôn vinh, tán thán với công hạnh lắng nghe. Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát đã phát hạnh nguyện lắng nghe – lắng nghe sự khổ đau cũng như nỗi bất hạnh của muôn loài chúng sinh mà đến cứu giúp. Ngài mang lòng từ bi, nhân ái, vị tha để đi cứu tất cả mọi người, như một người mẹ luôn bảo vệ những người con thân yêu của mình.

Trong pháp hội tại Núi Kỳ Xà Quật của Thành Vương Xá, Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát, từ trong đại chúng đã đứng lên thưa hỏi Phật như sau: “Thế Tôn! Ngài Quán Thế Âm Bồ-tát do nhân duyên gì mà tên là Quán Thế Âm?” Phật đã bảo ngài Vô Tận Ý Bồ-tát như sau: “Thiện nam tử! Nếu có vô lượng trăm nghìn muôn ức chúng sanh chịu các khổ não, nghe Quán Thế Âm Bồ-tát này một lòng xưng danh, Quán Thế Âm Bồ-tát tức thời xem xét tiếng tăm kia, đều được giải thoát”¹

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, về phương pháp tu thân hành đạo, Đức Bồ Tát Quán Thế Âm đã chỉ cho chúng ta biết trong vô lượng

1. Kinh Pháp Hoa.

pháp môn, chỗ nào là chỗ bí yếu, điều nào trước tiên phải học, việc nào trước tiên phải hành.

“Trong trường đạo cũng thế. Phải có cái bí yếu của nó. Việc làm trước tiên là hoàn thiện hóa con người. Chư hiền đệ muội phải làm thế nào hoàn thiện hóa bản thân mình rồi sẽ nói đến các hành động khác.

(...) Vì con người có hoàn thiện hóa bản thân rồi mới có những điều kiện phát triển trên đường đạo lý.”²

Tu thân lập hạnh, hay hoàn thiện hóa bản thân con người, cũng chính là việc rèn luyện để thánh hóa cái tâm. Điều này rất quan trọng và Đức Lý Giáo Tông đã xác nhận rằng: *“Trên thế gian này, nếu đem tài đức mà so sánh chưa thấy ai phải hơn ai. Con người chỉ hơn nhau cái tâm mà thôi.”³*

Chính vì tâm nguyện đại bi nên Ngài hiện thân làm Bồ Tát để cứu khổ, ban vui cho chúng sanh.

*“Nguyện lành Quan sát cõi trần gian,
Văng vẳng Âm ba tiếng khổ nàn,
Tử trước Bồ đoàn khôn tịnh tọa,
Nhành dương Tát độ cảnh đời an.”⁴*

Và lời tâm sự của Đức Bồ Tát: *“Ngày xưa Diệu Thiện tuy là nhục thể phàm nhân như những phàm nhân khác, nhưng tâm thánh đã sáng ngời rực rỡ từ bên trong. Nhờ thánh tâm đó là ngọn*

2. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-6 Kỷ Dậu (27-7-1969).

3. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-4 Tân Hợi (04-9-1971).

4. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Vạn Quốc Tự, 25-7 Quý Sửu (23-8-1973).

*đuốc quang minh dẫn đường cho công chúa vượt khỏi hố sâu vực
thẳm khúc khuỷu chông gai đe dọa đến ngôi vị niết bàn trường tồn
vĩnh cửu trong an lạc.”⁵*

Muốn thánh hóa tâm, trước hết hãy yêu thương bản thân.

Thương yêu bản thân.

Thương yêu bản thân là mình thương hết toàn thân tâm của mình. Khi yêu thương bản thân mình, chúng ta có thể giúp cho

5. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Thiên Lý Đàn, 23-6 Canh Tuất (25-7-1970).



chính mình có cơ hội phát huy, bổ sung, hoàn thiện bản thân hướng đến những điều tốt đẹp.

Từ yêu thương bản thân ta sẽ nghĩ đến tất cả những người xung quanh mình. Từ đó sẽ luôn yêu thương, bao dung, quan tâm đến tha nhân nhiều hơn, rồi dần dần sẽ bỏ những điều không tốt, thói quen xấu của chính mình làm cho mọi người không phải lo lắng đến mình, cũng như mình không phiền nhiễu đến người.

Yêu thương bản thân mình giúp ta sửa chữa những điểm yếu, phát triển những điểm mạnh, quan tâm và giúp đỡ những người xung quanh.

Muốn quan tâm và giúp đỡ những người xung quanh, chúng ta cần phải học hạnh lắng nghe của Đức Quan Âm Bồ Tát. Lắng nghe là một gia tài vô tận mà ai cũng có thể hiển tặng cho mọi người. Lắng nghe để hiểu dù điều ấy đã nói ra hoặc chưa nói. Lắng nghe để hiểu mình, hiểu người, để trút bỏ những ưu phiền, để lạc quan vui sống.

Việc lắng nghe không chỉ giúp ta hiểu rõ hơn về những nỗi thống khổ, buồn phiền của những người xung quanh, giúp ta hiểu họ hơn, nó còn giúp ta phát sinh tâm từ bi. Nhờ vậy, mà ta có thể giúp đỡ họ, xoa dịu những khúc mắc mà họ đang đeo mang hay ít nhất ta có thể giúp họ cảm thấy thoải mái khi được giải bày những chất chứa trong tâm hồn. Làm được như vậy chính là ta đang làm theo đại nguyện lớn của Quan Thế Âm Bồ Tát: Lắng nghe tiếng kêu cứu từ chúng sinh trong nhân gian để đến cứu khổ.

Câu chuyện lắng nghe:

Năm học 1994, trong lớp 12, Henri có một học sinh tên Mandy.

Đó là một học sinh cao lớn, da ngăm đen. Cha là người Phi Châu, mẹ là người Âu Châu. Mandy là một học sinh khá thông minh và chăm chỉ, luôn luôn ngồi bàn đầu nên được Henri theo dõi rất kỹ. Mandy rất trầm tĩnh.

Bỗng nhiên hai tuần liên tiếp Mandy không nộp bài làm. Henri có nhắc tới, Mandy hẹn và cũng lờ luôn. Khi hăm cho “zéro” Mandy chỉ lắc đầu và xin chịu nhận “0”. Henri ngạc nhiên và hỏi những giáo viên khác về việc học hành của Mandy, họ cũng cho hay là trong hai tuần qua, Mandy rất bê bối trong việc học hành. Mandy ngồi trong lớp như người mất hồn, không buồn ghi chép chi cả. Ban giáo sư bèn gửi giấy mời cha mẹ và Mandy tới trường một buổi, để gặp hội đồng các giáo sư của Mandy.

Trong buổi họp, cha của Mandy nói là Mandy không nghe lời ông dạy, chỉ biết nghe lời bà mẹ thôi. Còn Mandy thì nói Ba nó là một người độc tài trong gia đình. Nó muốn nói nhiều nhưng không muốn nói trong hội đồng. Nó buồn việc trong gia đình nên nó học không vô. Có giáo sư khuyên ba Mandy không nên độc tài ở xứ Canada. Điều đó làm ông ta nổi nóng: “Tôi là người chủ gia đình. Tôi làm việc nuôi gia đình. Tôi có quyền tối thượng điều khiển gia đình.” Henri ngồi yên từ đầu cho đến cuối để nghe và tìm hiểu, thấy không khí không tốt đẹp bèn xin nói. Henri hỏi người cha: “Ông có thương Mandy không?” Ông trả lời: “Tôi thương Mandy lắm, tôi đặt hết lòng thương vào đứa con lớn của tôi”. Quay qua đứa con Henri hỏi: “Mandy có tin rằng cha thương mình không?” Mandy trả lời: “Chưa chắc”. Henri hỏi: “Mandy, có thương Ba không?” Mandy không trả lời.

Henri đề nghị: “Có những điều mà Mandy cần giải bày cho ba biết và có những điều mà ba của Mandy cũng cần thổ lộ với

Mandy. Vậy thì ngày thứ sáu này, ông cha nên cho cậu con Mandy một cơ hội nói hết nỗi lòng của Mandy ra với ông và ông phải ngồi tuyệt đối im lặng để nghe, không phản ứng, không phán xét, ông phải suy nghĩ trong ba ngày những điều Mandy đã thổ lộ. Sau ba ngày, đến lượt Mandy phải ngồi nghe ông cha phân trần phải quấy và cũng không phản ứng và không phán xét. Sau đó hai cha con sẽ suy nghĩ thật kỹ những điều đã nghe và ba ngày sau hẹn gặp nhau lại.”

Điều rất hay là hai cha con bằng lòng thử thực tập Hạnh Lắng Nghe. Mandy nghỉ học luôn một tuần sau đó.

Một tuần sau, Mandy trở vào lớp học, gương mặt sáng rỡ, có nụ cười trên môi. Henri hỏi:

Kết quả ra sao Mandy?

Mandy nói như muốn khóc: “Mon père m’a embrassé.” (Ba tôi đã ôm tôi.)

Chỉ nói có thế là Henri hiểu hai cha con đã tha thứ và thông cảm nhau rồi sau khi đã lắng nghe và hiểu rõ nỗi lòng của nhau.

Muốn thương yêu bản thân phải lắng nghe nỗi khổ của chính mình, lắng nghe nỗi khổ của chính tự thân.

Nếu không lắng nghe nỗi khổ đau của chính mình, chúng ta sẽ không hiểu được nó và sẽ không thể từ bi với chính mình, bởi từ bi là yếu tố trị liệu những khổ đau.

Có bao giờ ta đã thật sự lắng nghe ta? Khi ta lắng nghe, ta sẽ phát hiện ra chính bản thân mình, nghe thấy nội tâm của mình, tâm ta như một dòng sông lúc thì êm ả dịu hiền, lúc thì gập ghềnh sóng dữ. Ta nghe để hiểu ta hơn và tìm lại chính mình. Để có thể tự cứu chính ta.

Bồ-tát Quán Thế Âm lắng nghe tiếng kêu than của chúng

sanh để cứu giúp họ. Còn chúng ta nghe, nhưng không cứu được, vì chưa cứu mình nổi, làm sao cứu được người.

NGUYỆN LẮNG NGHE NỖI KHỔ CỦA NGƯỜI

Học theo hạnh của Bồ-tát Quán Thế Âm là chúng ta thực tập hạnh lắng nghe người khác. Nghe để hiểu sâu hơn, thương nhiều hơn. Chỉ cần lắng nghe thôi thì chúng ta đã “cứu khổ” cho rất nhiều người.

Chúng ta nguyện lắng nghe người với tâm không thành kiến, không phán xét, với tất cả tâm thành và sự chú tâm. Chỉ cần lắng nghe thôi, chúng ta cũng đã làm vơi bớt rất nhiều khổ đau của kẻ khác rồi. Tiếp đến, nghe để hiểu và giúp người khác nhận diện được nguồn gốc của khổ đau, để giúp người an vui. Lắng nghe để thương yêu người và muôn loài- là anh em của ta.

Chỉ có lắng nghe trong sự chú tâm, lắng nghe bằng tất cả tấm lòng, ta mới đón nhận và hiểu được rất nhiều điều qua ánh mắt, lời nói và các hành vi mà người nói đang chia sẻ... qua đó có thể hiểu sâu hơn và giúp cho người bớt khổ. Cảm nhận và thấu hiểu có thể không cần nhiều đến ngôn ngữ mà từ trong tâm chân thành giao tiếp với nhau. Bởi thông điệp được truyền tải từ người nói đến người nghe không có chung một cách hiểu như nhau. Tập trung lắng nghe cũng là biểu hiện tôn trọng người nói, giúp người nói có thêm sự tin tưởng để bộc bạch một cách cởi mở hơn. Lắng nghe sẽ giúp chúng ta thấu hiểu vấn đề một cách sâu sắc và giúp giải quyết được những khó khăn gút mắc trong lòng người.

Có bao giờ ta đã chân thành lắng nghe người? Rất nhiều người cần một người bạn thật vững chãi chỉ để lắng nghe thôi,

lắng nghe và thấu hiểu để tình yêu thương được mở rộng khắp muôn nơi. Đó chính là an lạc và thanh thoi. Mỗi ngày, chúng ta nên dành một ít thời gian như thế. Lắng nghe là một sự cảm thông kỳ diệu nhất. Lắng nghe người, hiểu và thông cảm với những phiền não của họ, làm cho phiền não của họ vơi đi, đó chính là tu. Một người lắng nghe chân thành sẽ thoải mái trong lúc im lặng vì biết rằng nó chứa đựng nhiều điều để suy ngẫm. Thỉnh thoảng, chờ đợi một vài phút sẽ làm cho người nói đi sâu hơn vào những điều muốn bày tỏ. Tuy nhiên, cuộc sống không phải lúc nào cũng chỉ toàn màu hồng; Đời tu không phải lúc nào cũng thuận lợi. Có đôi lúc, bản thân chúng ta gặp thất bại trong việc lắng nghe người, một việc tưởng chừng như đơn giản nhưng lại vô cùng phức tạp.

Thực hành hạnh lắng nghe nhưng không có trí tuệ sẽ mắc sai lầm đáng tiếc. Lắng nghe người, nhưng mình còn nhiều nghiệp, tâm còn phiền não, lý đạo chưa thông nên nghe xong phiền não của người làm cho phiền não của mình phát sinh thêm. Ta nghe phiền não của chúng sanh mà lòng không khởi tham sân, không phiền não, lại cảm thông được, mới nghe. Nếu không được như vậy, ta nên tu hạnh Thanh Văn, tức không thấy, không nghe, không biết. Vì nếu không đủ sức, chúng ta không thể lắng nghe người. Muốn làm tốt việc này, chúng ta cần tu tập sự nhẫn nại, sự kiên trì và đức tính bao dung, vị tha và tâm không thành kiến; mở rộng tâm mình để nhìn nhận nhiều khía cạnh và góc độ hơn. Chúng ta sẽ phải thực tập thiền định nhiều hơn, thực tập hơi thở chánh niệm nhiều hơn để phục hồi lại khả năng lắng nghe với tâm từ bi của mình.

Lắng nghe để hiểu hơn, nhìn lại để thương hơn khơi dậy trong

ta lòng từ sâu sắc. Khi đó, giúp ta nhận ra rằng, việc thương một người khổ đau, đói khát rất dễ; nhưng để có thể thương được người đang gieo nhân xấu với ta hôm nay thì lại hơi khó. Vì khó có thể thương được người đã, và đang làm khổ ta nếu như ta không quán niệm mình, không lắng nghe sâu sắc. Lắng nghe sâu sắc sẽ giúp ta nghe được rằng: họ cũng đang bị khổ rất nhiều, đang bất an trong tâm. Họ gieo đau khổ cho ta bởi họ không còn thấy an vui hạnh phúc, nếu có an vui thì họ sẽ không gây khổ cho ta như thế. Chính lúc này đây ngoài đôi tai biết lắng nghe thì cần một tâm hồn bình an, thoáng đạt để có thể nghe được những điều khó nghe, những điều chia sẻ kia của người. Chúng ta xin hãy cầu nguyện cho mình đủ dạ từ bi để sẻ chia, để thông cảm, xử sự với tha nhân.

“(...) Chư hiền đệ muội! Ai cũng thường cầu nguyện Thiêng Liêng Trời Phật phù hộ cho mình, cho gia đình được an bình hạnh phúc, nhưng có bao giờ cầu nguyện cho mình đủ dạ từ bi để sẻ chia, để thông cảm, xử sự với tha nhân như Đức Chí Tôn đối với chư hiền đệ muội không?”⁶

Tâm lý học Tây phương có phương pháp nghe gọi là emphatic listening, nghĩa là nghe một cách thấm thấu, nghe và để lời nói thấm vào. Tức là vừa nghe vừa đồng nhất mình với người nói, không lên án, không có thành kiến, nghe với tất cả tâm hồn. Lắng nghe sâu sắc như vậy thì người nói sẽ tin tưởng ở ta, họ sẽ nói sự thật khổ đau của họ. Muốn nghe được như vậy thì trong lòng phải đạt một trình độ tĩnh lặng và một tâm từ bi. Khi chúng ta ngồi nghe, cũng như một người bác sĩ tâm lý trị liệu, ta cần

6. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Nam Thành Thánh thất, 14-10 Canh Tuất (12-11-1970).

phải có trầm tĩnh, có từ bi, có tuệ giác ở trong lòng thì phẩm chất của sự trị liệu mới cao.

Huân tập được sự lắng nghe sâu sắc ấy, khởi lòng thương yêu tới loài khác là đã thương yêu chính mình vì đã gieo được nhân lành trong hiện kiếp, cũng là giúp chính mình càng tinh tế trong sự phản ứng trước nỗi khổ niềm đau của người, để kịp cảm thông, kịp chia sẻ khi người đang gặp bất trắc.

HÀNH ÁI NGỮ

Cách chúng ta có thể mang lại cho người khác niềm vui, hạnh phúc, sự tự tin, hy vọng, lòng tin, và giác ngộ còn là sự nói năng có chánh niệm; là hành ái ngữ, bởi lời nói có thể đem lại hạnh phúc hoặc khổ đau cho người. Đây là một thực tập sâu sắc.

Chúng ta cần luyện tập để nói cho được lời nói ái ngữ, bởi nhịp sống mưu sinh, hối hả đời thường đã làm chúng ta đánh mất khả năng nói chuyện nhã nhặn, ôn hòa. Chúng ta thiếu bình tĩnh, dễ cáu kỉnh, bực bội. Đa số lần mở miệng, lời nói của ta trở nên chua chát, đả đàng cay. Chúng ta đã đánh mất khả năng nói chuyện từ tốn, dễ thương. Không có khả năng này, chúng ta không thể thành công được trong việc tái lập lại sự hòa hợp, thương yêu và hạnh phúc.

“(…) Ngôn ngữ đúng đạo lý hay dùng lời lành lẽ phải hiền hòa êm dịu để an ủi những người khổ nạn đau thương hay đem sự học hiểu chánh chơn nhủ khuyên em chị.”⁷

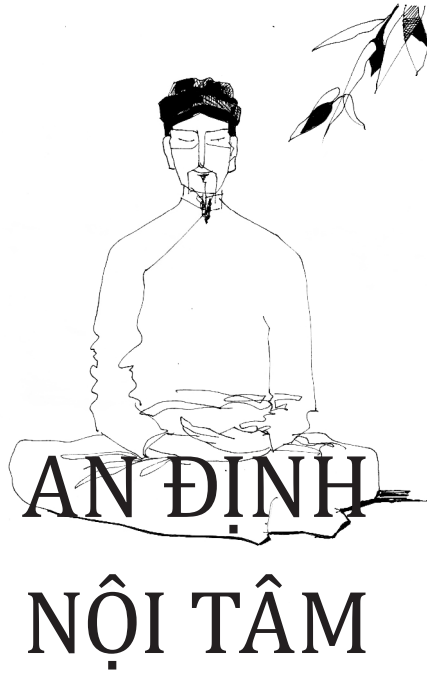
GIAO CẢM

7. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Chơn Lý Đản, 01-4 nhuần Giáp Dần (22-5-1974).

Học và tu theo hạnh lắng nghe của Bồ tát Quán Thế Âm để mình và người sống bình yên, hạnh phúc ngay trong phút giây hiện tại. Chỉ cần lắng nghe và hành ái ngữ, mỗi chúng ta sẽ đều trở thành hóa thân của Bồ tát Quán Thế Âm, luôn lắng nghe những âm thanh đau khổ, buồn phiền và những u uất trong lòng của chúng sinh.

“Một lời nói có thể xoa dịu nỗi khổ đau của người bạc số hoặc trong cảnh khốn cùng rủi ro hoạn nạn. Một lời nói sẽ an ủi cứu mạng người trước khi tự sát. Một lời nói khích lệ người vào đường tu hành công quả giúp đời. Một lời nói làm cho người nên danh, thành sự nghiệp. Một lời nói làm cho những kẻ xa lạ chưa từng biết nhau trở nên người tình thân bạn tốt.”⁸

8. Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-6 Kỳ Dâu (27-7-1969).



Đạt Thật

Với tốc độ phát triển về mọi mặt hiện nay của xã hội khiến cho con người bị cuốn theo dòng chảy của thời gian, lăn mình theo thời cuộc, thời lượng hai mươi bốn giờ trong một ngày hầu như không đủ để giải quyết khối lượng công việc quá tải, dẫn đến tình trạng không ít người bị căng thẳng, mất thăng bằng do bị tác động của nhiều vấn đề trong cuộc sống.

Thấu hiểu hoàn cảnh của một kiếp làm người với nhiều thăng trầm dâu bể, Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, với nhiều trải nghiệm khi còn tại thế, đã để lời ân cần khuyên bảo động viên chư tín

đồ Đại Đạo: “*Lão khuyên chư hiền đệ hiền muội ráng lo tu học và an định nội tâm, dầu hoàn cảnh sanh sống có bận rộn cũng nên để chút thì giờ hành đạo lập công hoặc tham thiền tịnh dưỡng để tìm thấy ánh sáng của ngọn nhiên đặng trong lòng người và tự khêu thấp cho tỏ rạng mà đi. Đừng lười biếng hững hờ mê theo lợi nhỏ mà quên cái hại to để nước đến trôn nhẩy sao cho kịp. Cũng đừng y sự hộ trì của Thiêng Liêng khi lòng mình chưa chơn chánh.*”¹

Thật vậy, phản tỉnh nội cầu hay quay về với chính mình là để thấp sáng lại ngọn tâm đặng đã bị vật dục phủ mờ theo thời gian. Trải qua bao năm tháng, nghiệp lực chất chồng kéo lôi trì níu con người, thoáng chốc tóc đã điểm sương, báo hiệu quý thời gian không cho phép chúng ta dự dự trì hoãn. Hãy tăng tốc trong việc tu công luyện kỹ cho nội lực được tinh toàn hầu vững vàng vượt qua bao cám dỗ của danh lợi thường tình. Không thể chủ quan dựa vào tha lực, mà phải tự lực tự cường, tự tu tự tiến.

Nội tâm an định tự khắc nội tình sẽ ổn định. Muốn đạt được điều thiết yếu đó, hành giả phải ngày đêm kiên trì hạ thủ công phu theo lời dạy của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn:

*“Thiền là tâm vô niệm. Định là dừng lại tất cả. Chỗ công phu này đòi hỏi hành giả phải ngày ngày tu tập để đến khi cần hòa hợp cùng vận khí cơ thiên, mới có đủ tinh thần mà phóng phát điển lực trong cuộc điều hành vận chuyển, từ nhơn thân đến vũ trụ.”*²

Lời dạy trên ví như kim chỉ nam, soi đường dẫn lối cho tất cả chúng ta. Sự an định của nội tâm là bửu pháp vi diệu giúp chúng

1. Vĩnh Nguyên Tự, 01-6 Giáp Dần (19-7-1974).

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 11-11 Kỷ Mùi (28-12-1979).

ta vượt qua mọi chướng ngại của tình đời thế đạo, để làm tròn bốn phận vi nhân đối với nhơn quần xã hội, đồng thời thực hành trọn vẹn sứ mạng đại thừa đối với tiền đồ Đại Đạo.

Thật thế, cuộc sống mưu sinh trong tình hình xã hội phát triển cao độ như hiện nay, đã khiến cho con người phải đương đầu với nhiều vấn đề và chịu nhiều áp lực. Vì vậy, từ tinh thần đến thể xác đều phải làm việc với tốc độ chóng mặt mới theo kịp thời đại. Thế thì còn thì giờ đâu để nghỉ ngơi, để an dưỡng, để tu tập...

Các Đấng vì thương người giác ngộ biết tìm về cửa Đạo, mới dạy bảo nhủ khuyên, chỉ dẫn cho chúng ta phương tu giải thoát, hầu nương tựa vào lời Tiên tiếng Phật, để tâm hồn được tĩnh lặng, thể xác được nghỉ ngơi.

Đại tượng truyện quẻ Tỳ có đoạn: “Quân tử dĩ hướng hối nhập yển tức.” Hướng: hướng về; Hối: ban đêm, buổi tối; Yển: nghỉ ngơi; Tức: ngưng lại. Đức Cái Thiên Cổ Phật giải nghĩa: *“Quân tử là người biết thời, biết lẽ. Người quân tử biết lúc nào động thì động, lúc tịnh thì tịnh. Lúc ngày thì làm, lúc ban đêm thì nghỉ. Nghỉ không phải không làm, nghỉ xác thật để bồi bổ cho tinh thần. Cốt là biết thời mà hướng hối yển tức.”*³

LỢI ÍCH THIẾT THỰC CỦA THIỀN ĐỊNH

Đức Quan Thánh Đế Quân dạy: *“Trong hàng đạo hữu thường khi nghe nói đến lãnh vực thiền định công phu tu luyện thì đã nghĩ ngay đến vấn đề tạo Phật tác Tiên, thoát thai thần hóa. Nghĩ như vậy cũng đúng, nhưng chỉ mới đúng có phân nửa mà thôi, còn phân nửa kia phải hiểu rằng đó là yếu tố căn bản để giúp cho hành giả*

3. Minh Lý Thánh Hội, Châu Dịch Huyền Nghĩa, quyển 2, 2016, tr. 160.

một phương pháp dưỡng sinh tuyệt diệu nhưng rẻ tiền, chỉ dụng nhiệt tâm trì chí là đạt thành tu chứng. Thứ nữa là nhờ pháp môn ấy để làm phương tiện chuyển hóa tâm hồn được thuần thành khả ái do không chấp, không cầu, không nê, không lự. Hễ lòng người không chấp, cầu, nê, lự sẽ được phóng khoáng thuần thành thơ thới vui tươi, khoan dung từ ái, ôn hòa, phúc hậu. Đó là diện mạo của Thánh nhơn tại tiền.”⁴

Theo lời dạy của Đức Quan Thánh, công phu thiền định là yếu tố căn bản giúp cho hành giả một phương pháp dưỡng sinh tuyệt diệu không tốn kém, lại có được một tinh thần phá chấp, một tâm hồn cao thượng, thuần thành khả ái, nhờ thế lúc nào cũng cảm thấy thư thái vui tươi, ôn hòa phúc hậu, những yếu tố tích cực đó sẽ tạo nên diện mạo của bậc Thánh nhân tại tiền. Sống được như thế con người sẽ ít bệnh, lâu già, có điều kiện và thời gian phụng sự nhân sanh, cống hiến cho nhân loại, xứng đáng đứng trong tam tài đồng đẳng.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy: *“Thế nên cần đến các thời cầu nguyện hay tịnh tập thể để các dòng tư tưởng trọn lành phát xuất từ tâm linh của mỗi tịnh viên hướng lên để cảm hóa cùng Thiên địa, ứng hiệp với các Đấng Thiêng Liêng như linh quang, như vân vũ để biến tỏa thành trận mưa ban phát rưới chan mát mẽ khi con người đang sống trong bầu lửa dục của trần gian.”⁵*

Lời dạy trên của Đức Chơn Nhơn cho thấy sự mầu nhiệm của các thời cúng cầu nguyện hay tịnh tập thể. Nguyện lực của chúng ta khế hợp cùng thiên điển của các Đấng Thiêng Liêng,

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-12 Giáp Dần (26-01-1975).

5. Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Ất Mão (26-4-1975).

dệt thành một tấm lưới thiêng, tạo nên những cơn mưa điển lành chan hòa cho càn khôn vũ trụ được ổn định, và chan rưới cho bầu lửa dục trần gian được mát mẻ, lòng người được lắng dịu. Những diệu dụng nêu trên của thiền định, đúng với ý nghĩa câu kệ hồi hướng “*Công đức tọa thiền lớn biết bao*”.

Như vậy, kết quả của công phu, ấn chứng của thiền định là tiên đơn, là diệu dược chữa được bệnh trần, cứu an nhân loại, giúp cho thế giới ổn định, càn khôn an tịnh.

Tầm quan trọng của thiền thật lớn lao, công đức thiền trải rộng khắp muôn phương: “*Phước lành hồi hướng khắp nơi nao*”. Chính vì lẽ huyền vi mầu nhiệm của thiền định như thế, Đức Lý Giáo Tông đã để lời gởi gắm đến các bậc tu hành chơn chánh: “*Nhắc khách chơn tu một chữ thiền*”⁶

Thiền là một phương pháp hữu hiệu, một công năng hữu ích giúp cho hành giả được an định nội tâm. Nội tâm đã an định, hành giả an nhiên làm chủ lấy mình, biết chế ngự lục dục kịp thời, dừng lại thất tình đúng lúc và ngăn ngừa tam độc đúng nơi.

Thiền là công đức vô lượng, năng lực vô biên hóa giải ân oán của người trần tục, làm vơi nhẹ nỗi đau của nhân thế, giảm lần cộng nghiệp của chúng sanh. Như thế, hành giả đã góp một phần công đức khiêm tốn vào công cuộc cứu độ chung cho toàn cả nhân loại.

Được dự phần vào sứ mạng tận độ Kỳ Ba là niềm vui vô tận của người tu, là phần thưởng vô giá của thiền nhân. Hành giả quyết tâm cầu tu giải thoát, phải gác bỏ danh lợi, đoạn dứt trần duyên, chặt đứt não phiền, thẳng một đường theo các Đấng Thiêng Liêng, cảm nhận ân Thiên để tu, để học, để hành cho rốt

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 18-10 Nhân Thìn (31-12-2012).

ráo tân pháp Cao Đài, để giúp đời độ chúng, để chứng quả vô sanh nơi non Bồng nước Nhược. Đức Lý Giáo Tông dạy:

“Chỉ có đại nhân mới làm nên đại sự, chỉ có vĩ nhân mới có vĩ nghiệp, chỉ có hàng tu chứng mới có thể cứu độ toàn nhân sanh. (...) Hiện tình nhân loại ngày nay vẫn còn trong cơ sàng sẩy tận diệt. Con người đang hoảng sợ trước sự biến động của thế giới mà không nghĩ rằng đó là lý tự nhiên của vòng tuần hoàn, từ sinh ra, phát triển, suy tàn của con người và vạn vật đều tuân theo những quy luật của tạo hóa, con người không thể cưỡng lại được. Điều quan trọng là giữ tâm bình và giúp mọi người được bình tâm trước những biến động xảy ra.”⁷

LỜI KẾT

Mỗi người chọn cho mình một phương tu phù hợp với điều kiện, với hoàn cảnh của chính mình, không nhất thiết là rập khuôn một kiểu, miễn làm sao tu đạt được kết quả khả quan, tạo được nhiều công đức. Và chúng ta hãy cùng nhau khắc cốt ghi tâm lời giáo huấn của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn: *“Nếu đường tu hành mà chưa hiện Thiên mạng không đủ công đức thì làm sao trở về ngôi xưa vị cũ.”⁸*

Thời gian gần đây Đức Quảng Đức Chơn Tiên xác tín rằng:

*“Bao nhiêu thành quả độ đời,
Bấy nhiêu công đức ơn Trời dành cho.”⁹*

Như vậy, muốn vượt vũ môn cho cá hóa rồng, muốn về non

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 18-10 Nhâm Thìn (31-12-2012).

8. Hườn Cung Đàn, 14-3 Tân Sửu (28-4-1961).

9. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 18-7 Đinh Dậu (07-9-2017).

Thần động Thánh hay cõi Tiên bang, khi còn ở chốn phong trần phải giữ phong độ, phong thái, phong cách của người tu. Và muốn được: “*Linh Tiêu Điện, bảng danh nêu*”, phải tự trui rèn, phanh luyện cho mình một ý chí kiên định, một lập trường vững chắc, một tâm chí thành bất tức...Đó là tường đồng vách sắt, bảo vệ an toàn cho chúng ta trong suốt quãng đường dặm dài thiên lý, thực thi sứ mạng phổ độ nhân sanh, hội hiệp cùng Thầy nơi Bạch Ngọc Kinh.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy: “*Đấng Chí Tôn luôn luôn ngự trong tâm thanh tịnh của chư đệ muội. Phật Tiên Thánh luôn luôn hộ trì, chỉ cần chư đệ muội công phu tu tập cho thật dững mãnh sáng suốt, dầu đạo pháp ở cấp bậc nào cũng có thể tu chứng được.*”¹⁰

Đức Đông Phương Lão Tổ để lời dạy: “*Chư hiền đệ hiền muội rất có thiện chí để thuận hành đạo pháp vượt khổ hải trùng dương là một điều đáng ngợi khen, nhưng phải bền chí nhẫn nại tìm cho được cái mấu chốt duy nhất để điều động guồng máy cho thông suốt, khả dĩ tự hoan lạc tâm trung và phát hiện ra diện mạo hiền hòa thư thái. Sự chứng ngộ đó sẽ có ảnh hưởng rất to tát cho cơ tận độ ngày nay.*”¹¹

Đức Quan Âm Bồ Tát nhắn nhủ:
*Cõi trược bao vây lấy khách trần,
Dưỡng sanh si dục với tham sân,
Lòng phàm an định trong thanh tịnh,
Phật tánh chơn như phát hiện lần.*¹²

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 29-8 Quý Hợi (05-10-1983).

11. Minh Lý Thánh Hội, 06-12 Quý Sửu (29-12-1973).

12. Thiên Lý Đàn, 23-6 Canh Tuất (25-7-1970).

Những mẩu chuyện từ cơ bút

(TIẾP THEO KỲ TRƯỚC)

Đạt Tường sưu tầm

22. Trong một đàn cơ thường lệ tại Hội Thánh Tiền Giang do đồng tử Kiến Quang thủ cơ, Đức Thái Ất Thiên Tôn có dẫn hồn của cố đồng tử Tuế Tinh về cho nhập cơ.

Kiến Quang (hồn của Tuế Tinh) khóc sụt sùi, thú tội:

“Tôi bị phạt, vì nghe lời người ta giả lập đàn cơ, ban ra Thánh giáo giả, để họ làm những việc bất chánh, vô lương, phản đạo. Xin chư Huỳnh Ty khẩn cầu Thầy Mẹ tha tội của tôi giùm.”

Rồi Kiến Quang khóc lớn khóc ngắt, buông cơ ngã người, xuôi lơ làm thình, nước mắt tuôn tràn mặt tái mét như người chết.

Ai nấy điếng hồn, sợ nếu Kiến Quang chết thiệt thì không khỏi bị cảnh sát mời, tòa án đòi. Trong cơn bối rối, thình lình như ai ứng, khiến tôi lớn tiếng ra lệnh, tuy tôi không phải là Pháp Đàn, cũng chẳng thích lớn tiếng: “Đọc bài Thúc Cơ mau lên”. Như cái máy, tất cả đọc rân lên và liên tiếp bài Thúc Cơ. Từ từ, đồng tử Kiến Quang hồi tỉnh, hai tay chấp cơ trở lại và quay cơ như trước, nhưng rất yếu. Tất cả tỉnh hồn và mừng rỡ, song vẫn còn nét mặt sợ sệt. Thấy vậy, tôi hô lên: “Thôi hãy đọc bài Đưa Cơ để xả đàn”...

Tôi hy vọng câu chuyện này sẽ có huyền lực cảnh giác được

những ai đó. Và làm bài học sống về Luật Nhân Quả cho tất cả mọi người...¹

23. Đồng tử bị thâm hồi vì quá vọng tâm

“Phan tộc Hòa tâm để nguyện cầu,

Văn chương Sơn về có gì đâu?

Đức tài hơn thế bao năm hưởng,

Tư động hơn tâm đạo phục thù.

Phan Văn Đức tôi đạo hiệu *Hòa Sơn* trước đây.

Ngày lễ Trung Nguơn Thưởng Hội Chơn Giác Đồng Đăng soi rọi cả chơn hồn đều cảm hóa. Mừng chung quý cô bác cùng má tôi giờ đây có mặt để phân qua.

Điểm lại sứ mạng Hiệp Thiên Đài vì tôi háms vọng công danh phải chịu đổ lụy nghiêng thành, công danh tan mất. Vì sứ mạng của Đấng Thượng Đế, Thầy trông thấy vai trò lãnh đạo quá vọng tâm nên Đấng Phụ Hoàng thâm về phục mạng.

Còn về phần cõi thể tạm này có chi mà trong ảnh hưởng. Khi tôi còn sanh tiền tại thế, vì chí khí của một thiếu niên can đảm hy sinh đủ điều. Sứ vọng niệm quá hết tư tưởng mà thành chỗ tha ma, bỏ xác trần cũng bởi vì vọng trần. Nay sắc chỉ, vì tôi có phận sự Hiệp Thiên Đài một thời gian chẳng lâu, cũng nhờ đại ân xá Thượng Hoàng mới định an phục mạng.

Vậy giờ đây phận sự để thông qua cho mẫu thân được rõ lòng vì số kiếp của con. Thì giờ quá vẫn, Thầy ân huệ đôi phút là đủ thông cảm thể trần này để tô điểm lại con đang đạo đức. Vậy tôi xin giã từ, lòng thiện nguyện không đặng đủ đầy để trần tố cùng mẹ.

1. Trích trong quyển *Thuyết Đạo*, tr. 60, Thiên Châu Tinh Quân soạn.

Ngâm

Con xin phận sự giờ đây,

Trước ngồi tiếp giá lịnh Thầy bố ban;

Hòa Sơn đắc lịnh báo đàn,

Giã từ cô bác trần gian, tôi hồi.”²

■

*“**Huệ** trí sớm toan dứt đỉnh chung,*

***Phong** hòa võ thuận sẽ trùng phùng;*

***Đồng** nhau tu niệm về cảnh báu,*

***Tử** tiết hiếu tròn thất chữ trung.*

Thưa quý huynh tử đàn trung, em thiếu đức kém tài nhưng nhờ sớm được tỉnh giấc trầm kha nên được Thầy trên thấu dụng để thừa hành sứ mạng thế Thiên độ đời trong buổi thời mạt kiếp, hầu lập chút công để trở về nơi vị cũ. Nhưng rất tiếc thay! Phận sự em chưa tròn vấp phải hoàn cảnh bi thương. Vì nhu cầu của gia đình nên em đành phải bỏ phước phận hành, để giữ tròn chữ hiếu, theo lời mẹ cha chỉ dạy mà trở về lo phận sự nơi trước trần. Trong xuân này em vắng dạng nơi bửu cảnh để đãi lịnh Thầy chỉ phán. Vì em quá nguy nan, mê theo trần trước nên phải đành bị giáng kỷ và chịu luật hình cho quả mẫn công viên hầu trở về vị cũ. Ấy cũng do em thiếu bốn phận lãnh sắc Thiên Tào, nhưng được Thầy trên cùng các Đấng Thiêng Liêng ân xá là bởi từ nhỏ chí nay em không làm một tội ác gì. Chỉ lập được một phần công quả bé vi nên được Thầy trên mở lượng từ bi ân xá cho em.

Vậy em xin nhờ chư huynh tử lưỡng đài để chút thì giờ quý báu cầu nguyện cùng Thầy Mẹ và Tam Giáo Tòa để linh hồn em được

2. Tam Thanh Bửu Điện, 15-7 Bính Ngũ (1966).

nhẹ nhàng thêm đôi chút thì ơn của chư huynh tử em vẫn khắc ghi. Xin quý huynh tử từ bi tha thứ cho em để em tỏ sơ vài đoạn hồi gởi nơi quê nhà của em.

Thưa Ngoại cùng Ba Má Cậu Dì. Ngày con lìa xác về quê là ngày Thiên số Nam Tào đã dĩ định rước hồn con để lánh nơi trược trần khỏi phải vương điều tội lỗi vì định luật thế thời. Tuy ba vạn sáu nghìn ngày kiếp sống trăm năm nhưng có mấy ai chín chục. Lẽ sống thác là định luật hiển nhiên không sao chối cãi. Nhưng khi người đã được thoát trần, hồn linh đãng quả là một điều quý giá lắm thay!

Vậy con xin Ngoại cùng Ba Má Cậu Dì chớ nên phiền não. Hãy ráng lập công bồi đức để chuộc bớt tội lỗi của con một phần. Đó mới là điều quan trọng.

(...) Thưa Ngoại cùng Ba Má, vì con chỉ được phép lai cơ trong đôi phút nhắn lời khuyên nhủ Ngoại cùng Ba Má nên an tâm tu hành, khẩn cầu trên Thầy Mẹ cùng chư Phật Tiên. Chớ nên phiền thái quá thì linh hồn con tu cũng không yên nơi chốn tiên bồng.

Vậy trước đây, em cũng nhờ đức rộng lượng của chư huynh tử tha thứ cho em được đôi lời trần tở nhắn nơi gia đình. Luôn đây em cũng cậy hiền huynh Huệ Thanh nên xin phép quý huynh tử lãnh lời phân trần thể thảm của em hồi về nơi gia quyến em. Và cậy huynh để lời an ủi một phần nào, công ơn ấy em rất ghi sâu. Rạng nhựt Mẹo thời hiền huynh có thể đặng trình, đến gia đình em sớm thì càng tốt. Em rất cảm lòng đại độ của chư quý huynh tử. Thôi thì giờ quá ngắn, em không thể tỏ nhiều vì phải còn trở về lo tu luyện chờ ngày tái ngộ sẽ nhiều lễ thiết tha cùng chư quý huynh tử. Em xin từ giã.”³

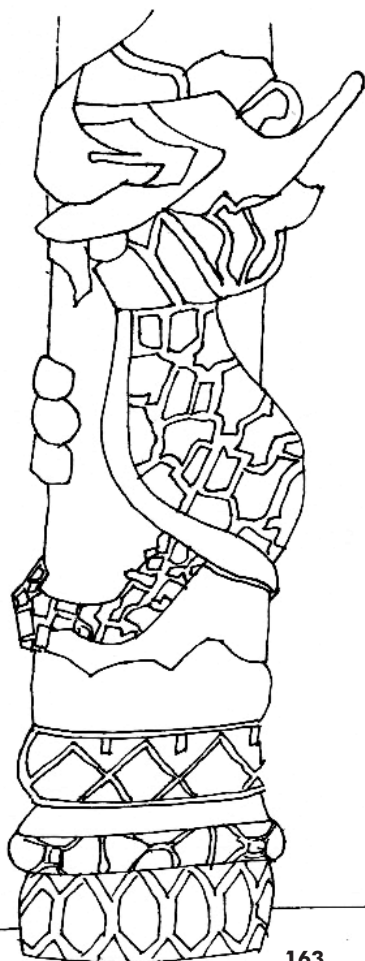
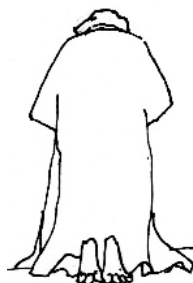
(còn tiếp)

3. Thánh Giáo Dạy Đạo số 60, tr.14-15, Huòn Cung Đàn, 15-02 Đinh Dậu (1957).

Thánh Thất Trường Đạo Giáo Dân

Đồng Tâm - Đồng Tiến

Tâm Vật bình hành là nguyên lý căn bản của giáo lý Cao Đài, thế nên hình thức và nội dung phải luôn song hành với nhau mới thể hiện được đạo lý! Vì thế, một khi đã tạo dựng được ngôi Tam đài Thánh thể về mặt hình tướng thì phần nội dung sinh hoạt đạo sự của mỗi Thánh thất cũng cần phải có những chương trình thích ứng với mỗi lứa tuổi để tập làm những việc thánh thiện, giúp cho phần tâm linh của



người tín hữu luôn được phát triển hầu xây dựng ngôi thánh đường nội tâm vững chắc trong lòng mỗi người.

Từ khi mới mở Đạo, Đức Chí Tôn đã dạy:

*“Các con,... Ráng phấn chí lập thành chánh giáo. Chẳng bao lâu đây, Thầy sẽ cho một phương pháp rất trọng để cho các con cứu độ nhơn sanh. Các con nên quán cơ về đường giáo dục của đoàn hậu tấn nghe.”*¹

Đầu năm Đinh Mão–1927, Thầy đã dạy hai phẩm Giáo Hữu và Giáo Sư phải tập thuyết đạo để mỗi tháng trình bày Thánh ngôn một lần tại Thánh thất.

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc trong một lần giảng đàn có dạy:

“Đạo có sáng chói ở mọi người thì xã hội đời mới an lạc. Đứng dưới mái Thánh Đường uy nghiêm đọc thuộc lòng từ câu văn Đạo luật Thánh ngôn cũng chưa chắc đã hiểu trọn vẹn Cao Đài chủ nghĩa. Câu văn chỉ là hình thức phương tiện vẽ nên chơn lý đạo pháp chứ không là đạo pháp.

*Thánh đường ngoại thể đã huy hoàng thì Thánh đường nội tâm phải sáng chói.”*²

Đức Hộ Pháp kết luận: *“Có như vậy mới mong con cái của Đức Chí Tôn tránh khỏi cảnh đối lòng với những tấm thực đơn.”*

Đức Di Lạc Thiên Tôn, khi tái ngộ với các đạo hữu ở Trúc Lâm Thiền Điện vừa được xây cất lại vào năm Bính Ngọ 1966, Ngài có nhận xét và dặn dò:

“Mùa xuân này là giáp một mùa xuân nơi đây, Bần Tăng được tái ngộ cùng chư thiện tín. Toàn thể nam nữ hãy kiểm điểm lại nơi

1. Niên Sổ Thời Thiết Lục, tờ 288A, Séance du 14 Décembre 1926, 10–11 Bính Dần.

2. Nam Thành Thánh Thất, 14–02 Tân Hợi (10–3–1971).

lòng mình, nơi bản thân mình và nơi gia đình quyến thuộc của mình, xem một năm qua đã tiến triển đến mức độ nào chưa về phương diện tinh thần đạo nghĩa?

Riêng Bàn Tăng nhận thấy có tiến triển khả quan về mặt hữu hình, nơi thờ phượng, từ mái nhà thô sơ lụp xụp trong mùa xuân Ất Ty, đã trở nên đồ sộ nguy nga huy hoàng, và cũng không kém phần uy nghiêm tôn kính. Nhưng đó là mặt hữu hình, thể chất. Cũng cần là cần ở phương diện tựa vào cái giả tướng đó để đánh vào thị nhãn của chúng sanh ưa thích về hình tướng, do đó cũng hấp dẫn họ lại gần nơi thiền tự. Đó là những trình độ hiểu Đạo thô sơ.

Điều quan trọng hơn là ở nội tâm. Nội tâm, có nhớ lời Bàn Tăng phân giải năm ngoái cùng chẳng, và đã làm được những gì trong các điểm ấy?

Cúng lay pho tượng tạm đặt tên Bàn Tăng để thể hiện lòng sùng kính một Đấng từ bi cứu thế, nhưng phải cần làm và làm cho nhiều theo đức độ và giáo lý đã chỉ truyền mới mong tự cứu rồi thân tâm, chớ quá chú trọng về mặt hình thức lễ bái cầu xin mà thiếu về phần nội tâm tự tu tự cứu, Bàn Tăng cũng không làm sao cứu rồi giùm.”³

Tại Thánh thất Tân Định (Sài Gòn) nay thuộc Hội Thánh Tam Quan, khi giáng đàn dự lễ khánh thành Diêu Trì Bửu Điện, Đức Mẹ dạy:

“Hỡi các con nam nữ! Các con đã xây dựng xong về mặt hình thức đối với sở hữu các con, tuy rằng khó mà còn có thể làm được, còn xây dựng về mặt tinh thần đạo đức thì lại càng khó hơn. Hôm nay, các con hãy tô đậm hai chữ xây dựng để làm bài học hàng ngày trên bước Đạo. Về mặt hình thức kể cũng tạm yên, rồi đây

3. 02-01 Bích Ngộ (22-01-1966).

các con còn phải mất nhiều thì giờ để xây dựng về mặt tinh thần đạo đức.

Sở dĩ ngày hôm nay có một ngôi hữu hình đồ sộ là do các con đã gia công ruồng bỏ, phá vỡ những gì xấu xa, mục nát, hư hoại. Vậy thì về mặt tinh thần, trước khi muốn xây dựng cũng phải ruồng bỏ những gì gọi là xấu xa, ích kỷ, chia rẽ, xuyên tạc, nhỏ nhen, cố chấp mà phải xây dựng lại tinh thần tốt đẹp, vị tha, quảng đại, khoan dung, phá chấp. Xây dựng từ bản tâm, bản thân, cá tính đến xây dựng gia đình, phu thê, tử tôn, lần hồi xây dựng đến tình đồng đạo bạn hữu gần xa. (...)

Bài học “xây dựng” Mẹ đã ban vừa rồi, đó cũng là một phần thưởng các con, món quà quý giá. (...) Các con đã thấm nhuần bài học hôm nay thì cõi lòng mỗi con như ngọn đèn sáng tỏ, tự soi đường lối cho đi.”⁴

I. GIÁ TRỊ CỦA THÁNH THẮT

Qua những lời dạy của các đấng Thiêng Liêng, chúng ta thấy thánh sở chỉ là hình thức tôn giáo, là phương tiện để đưa nhơn sanh hướng về đạo lý, về cứu cánh-mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Do đó trên đường tu tiến, chúng ta cần ý thức rằng “Giá trị của mỗi Thánh thất” có sáng tỏ hay không tùy thuộc vào việc tập thể tín đồ địa phương nơi đó có phát huy được những lý Đạo căn bản sau đây:

1. Thánh Thất là phương tiện để tu tiến

Chúng ta hãy xem đoạn Thánh giáo:

4. 16-8 Ất Tỵ (10-9-1965).

“Hôm nay, Tệ huynh muốn đàm đạo cùng các em về phần hữu vi còn việc vô hình cao cả để rồi các em hạ hồi tu chứng giải phân. Hình thức đã có, quy củ hẳn hoi, chỉ còn trồng cây vào đạo tâm thi hành bốn phận đạo đức của các em nữa thì danh nghĩa Đại Đạo, thì sứ mạng các em mới tròn vẹn khả quan đó vậy.

Như các em đã biết, Thánh tịnh hay Thánh thất sở dĩ thành hình là do ở phương diện tinh thần tâm đạo xuất phát. (...) Nếu không vận dụng khả năng để gây nên một hình thức khả dĩ để mỗi người trong chúng ta, bốn đạo, làm một phương tiện bồi đắp tình đồng loại, đồng đạo, làm trụ cốt để mỗi người lập công bồi đức, thì có chi để nói rằng phổ hóa quần sanh, giáo dân vi thiện, và có chi để chứng thực tấm lòng trung kiên chánh trực đối với Đại Đạo, với Nhơn sanh hay với mình đó các em. Thì ra hình thức bên ngoài ấy không phải là cứu cánh thiết sự cho các em, nhưng nó là phương tiện khá quan trọng cho các em trên đường tu thân lập quả.

Vậy mà (...) có người vì cái hình thức ấy, đeo đuổi hình thức ấy rồi sanh lòng vị kỷ chấp trước cái ta, đến đổi cũng xảy ra nhiều điều chia rẽ. Than ôi! Hình thức ấy đã biến thành một phương thể hiểm độc làm hại người tu không ít vì chẳng biết cái tác dụng của nó ra sao. Tệ huynh mong các em tránh khỏi điều trở ngại ấy để cùng nhau chung tay góp sức xây dựng cơ sở đạo đức ít nhiều, miễn là đặt trọn vẹn với tinh thần phụng sự vô tư. Hễ phụng sự vô tư thì mọi lỗi lầm, mọi phiền phức va chạm giữa nhau đều được xí xóa cho nhau mà gánh gồng đại cuộc.

À, Tệ huynh đã nói hình thức Thánh thất là một phương tiện cho các em tu tiến, song chẳng hiểu thế nào những ngày sóc vọng, những thời công phu, Tệ huynh đều có về đây mà chẳng thấy các em dự phần đông đủ và tha thiết đó vậy? Hay tại các em còn bận

việc này sự nọ ở thế gian chẳng, hoặc các em quan niệm độc thiện kỳ thân, tu thân tự lập cũng đủ rồi chẳng? Hay là vì các em có điều chi không vui giữa nhau, vì một chương ngại lý trí nào đó mà vắng dịp tới lui cúng Thầy, họp bạn trao đổi đạo lý, hâm nóng tình thương chẳng?”⁵

2. Giá trị của nhơn sanh giác ngộ sẽ định vị cho hình thể Đạo địa phương.

Đức Lê Đại Tiên có dạy về giá trị của Thánh thất:

“Đạo nghiệp đã trung hưng về hình thức thánh đường trong thánh địa, đó là bề ngoài, còn cần phải có thánh đức thánh tâm ở bên trong mới bảo tồn vĩnh cửu. Thánh tâm, thánh đức không phải nằm trong từ chương văn cú kinh điển hay ở nét vàng son lộng lẫy nguy nga mà thánh tâm, thánh đức ở trong khối óc tâm linh và hành động của con người tu niệm. Thời xưa các bậc Thánh nhơn chỉ nhắm vào đức trí của mình để xây dựng nền tảng đức trí cho dân được sống an lạc thái hòa. Thời hiện tại cũng phải như vậy, dầu cuộc đời có tân tiến, có văn minh, có khoa học, lại càng phải giữ vững mức độ thuần thành đức trí.

Từ cấp lãnh đạo phổ cập đến quần chúng nhơn sanh; từ quốc gia xã hội đến hương đảng gia đình; từ Tòa Thánh Hội Thánh đến Thánh thất Thánh tịnh, mỗi mỗi đều ý thức đến yếu tố căn bản này mới tạo cho đời sống được an lạc thái bình vĩnh cửu. Đừng nhìn pho tượng im lìm của các bậc Giáo chủ mà hãy nhìn sự luân động cứu cánh bất diệt của các Ngài.

5. Đức Bạch Liên Tiên Trưởng Phan Thanh, Thánh thất Bàu Sen, 17-11 Kỷ Dậu (25-12-1969).

Sự thực hành khó khăn là khi con người đang nhốt mình trong tham vọng giả tưởng thường tình. Muốn quay về thực tại, điều dễ dàng nhất là mỗi chư hiền đều phải tận tâm với trách nhiệm hiện hữu của mình, dầu là chức sắc, là tín đồ của Tòa Thánh, Hội Thánh, là Ban Cai Quản, Ban Quản Trị của chùa thất đều ảnh hưởng lớn đối với nhơn sanh tại địa phương. Nếu nơi nào chưa cảm hóa được nhơn sanh trở về tâm đạo thì người hành đạo nơi đó chưa tròn nhiệm vụ thiêng liêng.”⁶

Còn Đức Lý Giáo Tông dạy theo hướng nâng cao:

“Đại Đạo Khai Minh qua bốn mươi chín mùa xuân tô điểm. Những ngôi Thánh đường đồ sộ uy hùng vươn lên khắp nơi khắp chốn. Dầu trải qua bao nhiêu biến chuyển của cuộc đời nhưng hình bóng Đạo vẫn theo thời gian mà xuất hiện. (...) Hình thể Đạo chỉ mượn đó để thể hiện Thánh thể Chí Tôn tại thế. Thượng Đế không là một hình bóng của thần tượng, nhơn tượng hay vật tượng. Chính biểu tượng Thiên nhân cũng chỉ là tạm mượn để gửi gắm chơn lý trong một cụ thể chủ quan mà thôi. Chính vì vậy, kiến tạo hình thể Đạo có được giá trị cùng chăng là phải có nhơn tâm làm chứng thị. Giá trị của nhơn sanh giác ngộ sẽ định vị cho hình thể đạo của địa phương. (...)

Thế nên thiết lập một cơ cấu hình thể đạo mà bảo tồn không được, cũng không khai sáng thêm hơn, thiết là một điều thiếu sót và tội lỗi lớn với chính mình. Đừng để cho một tâm hồn nào phải thương xót trước một Thánh thể của Chí Tôn.

Đã tạo được thì phải cố gắng khai minh và phát huy cho đúng với sự tạo dựng của mình hay của người đi trước. (...)

6. Vĩnh Nguyên Tự, 01-6 Giáp Dần (19-7-1974).

Mượn phương tiện để phục vụ cho cứu cánh, đừng để cứu cánh phải vùi chôn trong phương tiện phù ba.”⁷

3. Thánh thất phải là nơi để phổ độ chúng sanh
Ngoài việc là nơi thực hiện những nghi lễ độ sanh, độ tử, Thánh thất còn là nơi chẩn tế và khuyến thiện. Chúng ta hãy tham khảo những lời Thánh giáo sau:

“Hiền bạch chí?

Hải Thần bạch: Về Bửu Quang Đàn xin cất chánh điện.

Về phần khuôn viên nên ấn định tùy theo chư hiền sở hữu, vì thời cơ đang cần tay xoa dịu những kẻ cõi thân. Vì Đức Chí Tôn đã truyền: “Bạch Ngọc từ xưa đã ngụ rồi”. Như vậy, theo hình thể tại trần để đắp ấm cõi lòng gió mưa xuyên tạt. Cần nên tùy sở hữu mình mà ấn định. Nếu Bần Đạo phân tách khuôn viên đủ đầy phương thức thì ngoài phạm vi năng sức của chư hiền. Như thế phải mỗi mòn trí não. Vậy chư hiền cần suy tư để vạch đường tươi sáng đó.”⁸

Lời dạy của Đức Giáo Tông cho thấy Ngài khuyên hãy làm theo khả năng sở hữu và đừng quên là thực tại xã hội đang cần bàn tay xoa dịu những người cõi cút!

Cũng với tinh thần đó, Đức Mẹ khuyến khích:

“Diêu Trì Bửu Điện (...) những nơi nào đã có rồi, thay vì lòng tưởng niệm, các con được phép tượng trưng và hãy dùng đó làm nơi cứu khổ cho hơn loại chúng sanh. Con ơi! Vô Cực Từ Tôn không ngụ trên đài cao hoang vắng tình thương, mặc dầu nó đầy đủ vẻ vàng son rực rỡ. Ở đâu có ấu nhi đau khổ là có Mẹ, ở đâu có

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-01 Giáp Dần (06-02-1974).

8. Đức Lý Giáo Tông, Đạo Lý 65, tr.90, Huân Cung Đàn, 14-3 Tân Hợi (09-4-1971).

liều bồ bất hạnh là có Mẹ. Nếu các con làm được những việc đó là Mẹ đã nợ trong tâm hằng cứu rỗi đó con.”⁹

Trong một lần giảng đàn khác, Đức Mẹ dạy thêm:

“DIÊU cao phẩm giá các con trần,
TRÌ chí tu hành, đạt Đạo chân;
KIM bút Mẹ đề lưu tại thế,
MẪU truyền điển báu để lời phân.
Giá lâm tiếp ứng cầu cầu nguyện,
Nợ ẩn lòng con mặc phú bản;
Điện ngọc hình dung lòng hiếu tử,
Trung dung hành thiện chí nhân từ.”

Này các con, nay Mẹ hạ trần bởi lòng thành do các con nơi trần thế xây dựng. Các con đã hiểu: nơi Điện Ngọc bồ đoàn Mẹ nợ, bốn mùa đầy đủ hoa trở đơm bông, nào tiếng tiêu thổi nhạc trỗi khúc khoan. Đó là một điều hưởng nhàn bất diệt. Nhưng Mẹ nào an lòng, bởi nhìn các trẻ trần gian đang bị màn vật chất cuốn lôi vào cạm bẫy! Vì thế nên Mẹ động lòng rời bỏ cung ngọc hạ trần cùng các con lăn lóc nơi trần hồng để dụng những lời phạm tục cùng con huấn dụ hầu lập công bồi đức, trau sửa hạnh dung để trở về cùng Mẹ. Nhưng con nào thấy dặng đâu! Mẹ tiếp mật nguyện nơi lòng các trẻ cầu xin tu chính điện thờ ảnh Mẹ, nhưng các con ôi! Mẹ chỉ nợ nơi lòng các con. Nếu các con biết, thờ tôn kính, tự lòng thức tỉnh hầu tế nhơn độ chúng tiến bước trên con đường Nhơn đạo tức là hành thiện. Đó là các con biết xây dựng một lâu đài quý báu để tôn thờ Mẹ. Đó chính là lòng các con, vì Mẹ nợ nơi tâm các con. Nếu các con xây dựng nên một tòa nhà nguy nga tráng lệ mà các

9. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Đinh Mùi (18-9-1967).

con không cải thiện lòng nhờn ái, trợ quả độ nhờn tế chúng thì các con cũng không sao về gần bên Mẹ.”¹⁰

Những lúc cần thiết cũng có thể dùng chánh điện làm nơi sinh hoạt những hoạt động đạo đức ích lợi cho nhân sanh:

“Nếu cần, Bàn Đạo cho phép dùng chánh điện làm hội trường. Việc này tùy chư hiền linh động, miễn được việc là xong. Từ xưa, nơi chánh điện vẫn được giữ tôn nghiêm. Ngày nay, chư hiền nên hiểu như vậy: Thượng Đế vì nhân sanh mà lập đạo. Còn Thánh thất Thánh tịnh là để thờ phượng, cũng là nơi để tụ họp với những hoạt động đạo đức ích lợi nhân sinh. Khi cần, chánh điện được sử dụng trong vòng đạo đức. Sự cần thiết là đem lại lợi ích cho nhân sanh. Nếu chùa thất đóng cửa kín đáo, giữ gìn trang nghiêm mà không có những hoạt động đạo đức thiết thực giúp đời, chẳng khác nào món đồ cổ để triển lãm, trái với tôn chỉ của Thượng Đế khai đạo.”¹¹

Trong các hoạt động đạo sự của Thánh thất, việc tổ chức sinh hoạt học hỏi giáo lý là điều trọng hệ. Ôn Trên có dạy:

“Thiện Đức. (...) Công cuộc đang tiến triển về mặt hình thức cơ sở tại địa phương, hiền đệ tùy sở năng sở hữu đến đâu thì làm đến đó, sẽ có tha lực tăng viện. Còn về mặt giáo lý phổ truyền, đó là điều trọng hệ. Phải song song về mặt xã hội và phổ truyền giáo lý để thế nhân hiểu rằng, nhờ giáo lý, lòng Đạo phát triển thể hiện việc xã hội từ thiện. Nếu không thì kẻ thọ hưởng chỉ biết cảm ơn người giúp đỡ mà không biết ơn do nguồn gốc giáo lý. Nếu vậy, hoài bão

10. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Đạo Lý 84, tr.123, Nam Thành Thánh thất, 15-9 Nhâm Tý (21-10-1972).

11. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Thiên Lý Đàn, 20-01 Đinh Mùi (28-02-1967).

của hiền đệ mong cho người vào nẻo đạo chưa được trọn vẹn vậy.”¹²

Và do đó quan trọng hơn cả, mỗi Thánh thất phải nhắm đến định hướng trở thành “Trường giáo dân vi thiện”.

II. THÁNH THẤT LÀ TRƯỜNG GIÁO DÂN VI THIỆN

1. Thánh thất tổ chức, hướng dẫn đạo hữu hướng thiện và hành thiện

Qua các hình thức cơ sở phước thiện, công tác xã hội tại địa phương, cơ sở tự túc, dạy nghề, sinh hoạt nữ công gia chánh, v.v.

“Thánh thất, Tịnh thất là cơ sở trụ tướng hữu hình để cho đạo hữu cùng nhân sanh đến chiêm bái đấng Thiêng Liêng. Ngoài việc ấy ra còn có sứ mạng khác trọng đại hơn đó là vấn đề thuyết minh giáo lý dạy dỗ nhơn sanh tín hữu cải ác tùng thiện quay về chánh đạo, cơ sở học đường, cơ sở phước thiện, cơ sở tự túc. Có như vậy ngôi Thánh thất, Thánh tịnh đó mới vững bền.”¹³

Đức Mẹ phân tích:

“Thánh thất, Thánh đường mọc lên như nấm, rải rác đó đây trong đất nước các con. Các con đã thấy gì bên trong Thánh thất Thánh đường đó? Ngoài chỗ thờ phượng tôn nghiêm, còn thừa bao nhiêu chỗ trống để bụi bám nhện giăng, rêu phong cỏ mọc. Mỗi tháng có hai lần sóc và vụng, bốn đạo chung quanh tề tựu đến đánh lễ Thiêng Liêng, cúng hành hương, độ một bữa cơm chay rồi ôm khăn gói ra về. Đi đến Thánh thất đôi lần bầy lượt không thấy

12. Đức Đông Phương Chương Quán, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân (10-7-1968).

13. Đức Hiền Thế Đạo Nhơn, Thánh Tịnh Ngọc Minh Đài, 15-4 Kỷ Dậu (30-5-1969).

có gì mới lạ, lần hồi chỉnh mảng không đến nữa, dẫu đến cũng chỉ có thể mà thôi.

Có những con thấy không khí buồn tẻ, chẳng biết nói gì, tự nảy sinh bàn phím theo báo chí, nào quốc sự, chánh trị miệng của thiên hạ, binh người này, bỏ người kia, v.v. Không có sinh hoạt đạo đức mà đáng lẽ nơi đây phải được thuyết giảng đạo lý thường xuyên tối thiểu hai lần mỗi tháng để bốn đạo biết thế nào gọi là tu, cúng chùa tụng kinh ăn chay niệm Phật để làm gì và làm thế nào để đắc Đạo. Đó là những điều cần thiết phải được sinh hoạt đều đều trong mỗi Thánh thất Thánh đường. Nhơn sanh đạo hữu có hợp tác hành đạo được là nhờ có người chỉ dạy cho biết Đạo là gì.

Khi đã có tổ chức hành đạo thì mọi việc làm ràng buộc những người trong nội bộ Thánh thất đó. Có sự ràng buộc hỗ tương lẫn nhau thì không khí sôi động nhộn nhịp về hành thiện đạo đức mới có cơ nổi bật lên để lôi kéo sự hiếu kỳ và hấp dẫn người đời vào đạo. Như vậy mới gọi là hành đạo độ đời.”¹⁴

2. Trường giáo dân vi thiện qua các hình thức:

*“Thánh thất dùng để làm nơi truyền giáo,
Tháng đôi lần giảng đạo thuyết kinh;
Dạy tu hành cho cả nhơn sanh,
Đừng tưởng quấy rồi tâm thành băng hoại.
Phật ngày trước dưới cội bồ đề giảng dạy,
Khuyên nhơn sanh ác cải tà lương;
Nào có đâu Thánh thất Thánh đường,*

14. Đức Vô Cực Từ Tôn, Nam Thành Thánh thất, 15-6 Tân Hợi (05-8-1971).

Cũng chẳng có hành hương nhiều ít.”¹⁵

Qua lời dạy của Thiêng Liêng, ngày nay chúng ta có phương tiện đủ đầy hơn khi xưa rất nhiều, do đó nếu chưa làm được nhiều hơn và tốt hơn thì chí ít cũng phải cố làm cho được những việc căn bản nhưng lợi ích to lớn cho Nhơn sanh. Đó là:

– Thuyết minh giáo lý.

Khi dạy về ý nghĩa “Trường dạy Đạo”, mục tiêu hàng đầu phải cố vươn đến của mỗi Thánh thất, Thiêng Liêng nhắc nhở:

• *“Phải ý hướng lên cho cao, ven mắt lên nhìn cho xa để vượt tất cả mọi hình thức giả tướng, miễn là không phương hại đến chơn lý và đạo sự là được rồi.*

Nếu vì quá trọng kính Thiêng Liêng để lo huy hoàng tráng lệ mọi hình tướng mà thiếu phần căn bản là phổ thông giáo lý, đem đạo cảnh tỉnh người đời thì những hình tướng ấy không bù lại với điều căn bản trọng đại kia.”¹⁶

• *“Những ngôi chùa, thánh thất, thánh đường cũng như những mái trường đều là vật vô tri vô giác, không cần và cũng không muốn ai làm vinh diệu cho nó.*

Trường Đạo là nơi để cho các hàng hướng đạo làm nơi giáo dân vi thiện, tô bồi công quả, có nhiều âm chất để tiến hóa. Cũng nơi đây để dìu dẫn rèn luyện con người từ chỗ tội ác ra nơi lương thiện, từ chỗ tối tăm đến nơi xán lạn, từ chỗ hận thù giết chóc, giàu hiếp nghèo, mạnh hiếp yếu, trở ra tình thương bảo tồn đùm bọc che chở,

15. Đức Thiên La Đạo Nhơn, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-01 Giáp Dần (23-01-1974).

16. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 12-4 Canh Tuất (16-5-1970).

dù dắt lẫn nhau."¹⁷

- Việc hướng dẫn con em nhà đạo, đào tạo thế hệ tiếp nối: đồng nhi, lễ sĩ, Tu sĩ...

Chúng ta phải chấp nhận một số sinh hoạt phù hợp với tuổi trẻ, tuy có ồn ào một chút nhưng vẫn trong vòng đạo đức. Bởi vì không ít nơi đã rơi vào tình huống như lời nhận xét của Đức Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu: *"Hễ có sự quy tụ màm non để giáo dục thì bị chê trách là con nít con nôi, rần rần la ó mất thanh tịnh chùa chiền...!"*¹⁸

Tiếp theo đây, chúng ta hãy đọc lời dạy của Đức Quan Thánh Đế Quân:

"Đừng ai lấy Đạo làm của riêng tư cho mình mà phải có bốn phận xương minh chánh pháp, đem lý Đạo phổ truyền khắp chốn khắp nơi. Chùa thất cũng thế.

Chí Tôn dạy lập chùa thất là một hữu hình trụ tượng để thể hiện quyền pháp của Trời. Đó là một phần nhỏ. Còn phần trọng đại là làm nơi quy tụ nhơn sanh để hướng dẫn mọi sinh hoạt đạo lý, phổ truyền giáo lý, thức tỉnh người đời.

Nơi chùa thất là để chung cho nhơn sanh đến đó nghe Đạo, học Đạo để hành Đạo, không đặc ân riêng cho một anh lớn chị lớn hay em nhỏ trong giai cấp nào hết. Chỉ ngại e là có chùa thất rồi mà không người hành đạo, rất đổi thiếu người chăm sóc đốt hương, đánh chuông, thay tam bửu vậy thôi.

Trong nếp sinh hoạt tại chùa thất gồm có hai phần. Một phần tu

17. Đức An Hòa Thánh Nữ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-5 Mậu Thân (09-6-1968).

18. Thiên Lý Đàn, 30-11 Bính Ngọ (10-01-1967).

tịnh để tịnh dưỡng tu đơn, dùng điển lành hỗ trợ cho sự bằng an sung túc của nơi đó. Một phần khác nữa là ngoại giáo công truyền, gồm có giảng đạo, phước thiện xã hội và hành chánh đạo để cho hệ thống của guồng máy hành chánh được lưu thông điều hòa. Nếu không vì những nhu cầu ấy, Chí Tôn đã không dạy lập chùa thất.

Còn nói rằng nơi tu tịnh không được chen vào những sinh hoạt ồn ào thì Thượng Đế sẽ ngự luôn ở Bạch Ngọc Kinh chớ không vào cõi đời ô trược đầy xấu xa tội lỗi này.”¹⁹

Do đó phải ý thức để chấp nhận những hình thức sinh hoạt đạo đức tuy có ồn ào đôi chút nhưng rất cần thiết cho sinh khí và tương lai của cơ đạo. Vấn đề chỉ là việc sắp xếp thời gian, nơi chốn sinh hoạt cho các em để không ảnh hưởng đến giờ phút trang nghiêm cần có của đạo sự. Thí dụ:

“Đây, Sanh hiền đệ, cười...

(...)

Đã là lớp Phổ Huấn đạo đức, thì học tập trong lễ nghi khuôn phép, tất nhiên nào phải như các trẻ ngoài đường. [Nhưng] nếu không có sự vui cười trong lớp Đạo thì làm sao có những tương lai của giáo phẩm trong hàng Đại Đạo. Nếu suy tưởng lại thì hẳn không ai chấp nê việc đó đâu, hiền đệ an lòng tiến hành phận sự và cứ mở mang thêm.

Lão đã cho phép, tất nhiên tất cả huynh đệ tử muội của hiền đệ đây cũng đã sẵn sàng chăm sóc và giúp đỡ thêm cho hiền đệ trong các việc muốn cần dùng để hiền đệ thêm phần sốt sắng.”²⁰

19. Đức Hiệp Thiên Đại Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-02 Tân Hợi (25-02-1971).

20. Đức Tổng Lý Lê Văn Duyệt, Thánh Tịnh Ngọc Minh Đài, 14-12 Ất Ty (05-01-1966).

III. THÁNH SỞ LÀ TRƯỜNG CHƠN ĐẠO

Pháp môn Cao Đài là Tam Công. Đã đổ móng đắp nền qua những hoạt động phước thiện và đào tạo rèn luyện tâm, hạnh, đức mà không xây cất “Đài Cao nội tại” là lãng phí to lớn và thật đáng tiếc! Do đó:

– Nhu cầu học và hành đạo pháp của một số tín đồ hữu duyên với Thiên đạo Đại thừa cần phải được đáp ứng, nhất là đối với thành phần Ban Cai Quản và các đạo hữu đã dày công hành đạo trong cơ phổ độ.

– Có như vậy Thánh thất mới thực hiện trọn vẹn mục đích của Đạo đối với bốn đạo địa phương trên cả hai phương diện Thế đạo và Thiên đạo.

“Xây đắp được Cao Đài nội tại và Đạo pháp đã có thì đâu đâu cũng là chùa, là thất của chư đệ muội... hà tất phải lo chi đến điều tồn vong đắc thất của hình tướng nữa.”²¹

Một khi phần Tâm pháp đã được gầy dựng căn bản ở Thánh thất bởi tập thể thì việc “dệt lưới thiên” này tạo nên mạng lưới vô hình bảo vệ nhưn sanh bá tánh xung quanh Thánh địa. Và ngôi trường giáo dân này đã được nâng cấp trở thành một trung tâm đào tạo và là bộ phận của các phi hành gia “Học Trò Tiên Nhỏ” lên đường trở lại quê xưa.

IV. KẾT LUẬN

Qua những lời dạy của các đấng Thiêng Liêng, bắt đầu từ lời dạy của Đức Chí Tôn trong những ngày đầu lập Đạo, chúng ta thấy:

21. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhưn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 29-8 Quý Hợi (05-10-1983).

lập Tam Kỳ Phổ Độ hầu giúp nhơn sanh bước kịp cơ tiến hóa của Đất Trời vào thời Tam Nguơn chuyển thế; kết thúc một đại chu kỳ của vũ trụ và chuyển vào một đại chu kỳ mới.

Ở vào giai đoạn sau cùng của thời kỳ Hạ nguơn mặt kiếp, sóng văn minh bủa tràn, vật chất phát triển cực thịnh, nhân sinh quay cuồng, bị cuốn theo cơn lốc của ảo ảnh phù ba; không ít tín đồ của các tôn giáo trong đó có cả môn đệ của Đức Chí Tôn, bị quay cuồng theo sở dục của nhân thế ngay trong nhận thức tín ngưỡng của mình. Màn vô minh che lấp, nên vẫn chưa nhận thức được đâu là đạo lý căn bản thực hành.

Sự tu học giúp chúng ta “vén ngút mây mù” bấy lâu nay vẫn ngự trị. Thầy đã mở đường chỉ lối cho nhơn sanh nhất là các ức nguyên nhân nhìn thấy con đường trở lại quê xưa vị cũ và hành trang không gì khác hơn là tâm hạnh đức tài của mỗi “Học Trò Tiên Nhỏ” trong quá trình thực hành pháp môn Tam Công.

Mỗi Thánh thất Thánh tịnh là một bộ phóng phi thuyền và mỗi tín đồ là một nhà du hành vũ trụ. Được có tên trong danh sách của phi hành đoàn hay không là do sự nỗ lực của chính mỗi người tín đồ mà sự rèn luyện của cá nhân là yếu tố quyết định. Và chất lượng đào tạo của mỗi “Trung Tâm Phi Hành” mà vai trò của Ban Giám Đốc điều hành; là Ban Cai Quản của mỗi Thánh thất Thánh tịnh; trong việc hướng dẫn cho nhơn sanh tín hữu sở tại xác định đúng mục tiêu và tạo các điều kiện huấn luyện thực hành với chất lượng cao cũng có vai trò ý nghĩa hết sức quan trọng.

Đức Gia Tô Giáo Chủ có lời dạy: *“Điều cần nhứt cho người được mạng danh Thiên mạng, không phải chỉ biểu tượng hình thể của Chí Tôn tại bên ngoài mà chính là phải quyết lòng biểu dương*

*Thiên ý vào ở mọi tầng lớp nhân sinh.*²²

Vậy để biểu dương Thiên ý vào nhân sanh tín hữu, giúp cho mỗi người “xây được Đài Cao nội tại trong Thánh đường nội tâm”, biện pháp căn bản nhất chính là giáo dục đào tạo. Như thế, mỗi Thánh thất, Thánh tịnh phải cố gắng vươn lên là một trường giáo dân như lời của Đức Lý Giáo Tông:

“Cái khuyết điểm là Thánh đường hiện nay rất nhiều, từ Tòa Thánh, Hội Thánh đến Thánh thất Thánh tịnh. Đáng lý ra những nơi này phải là nơi dùng làm trường đạo giáo dân, trong lúc đó chỉ có một ít hành động, lấy tỷ lệ như những hạt cát trong bãi sa mạc.

Đừng quan niệm xây dựng Thánh thất và kiếm được một người thủ tự để bốn thờ quỳ hương cúng nước là đủ. Thượng Đế Chí Tôn không bảo làm việc quá nghèo nàn ít oi như vậy.

Vì như đã nói: Thánh thất là trường giáo dân, ngoài chỗ thờ phượng tôn nghiêm đơn giản, nếu mỗi Thánh đường dùng mọi trang trí lộng lẫy huy hoàng tôn nghiêm tráng lệ mà chung quanh vùng đó chưa có nhiều người vào đạo, hiểu đạo, thậm chí đến con em trong gia đình hướng đạo cũng không được sự dạy dỗ đạo lý, đó là trái với mục đích mở đạo của Thượng Đế Chí Tôn. (...)

Vì thiếu yếu tố đó nên trách gì một thiếu số địa phương, những xung đột đối xử lẫn nhau tại vùng Thánh địa còn tệ hơn là nơi chợ đông. (...)

Bản Đạo muốn thấy mỗi một Thánh thất Thánh tịnh ý thức thể hiện được một hình thể tạm gọi là trường giáo dân. Trước nhất là giáo dục con em trong gia đình đạo hữu để làm đà tiến cho các lãnh vực rộng rãi khác trong khuôn viên đạo đức.

22. Thánh thất Bàu Sen, 23-11 Đinh Mùi (24-12-1967).

Mỗi Thánh thất Thánh tịnh hoạch định một chương trình hành đạo tối thiểu để có việc cho mọi người cùng làm, cùng vui, cùng hứng thú trong nếp từ hòa đạo đức. Khi cần đi đây đi đó là để liên giao hoặc học hỏi thêm. Còn điều căn bản là sở tại địa phương nào phải lo theo địa phương ấy trong đường hướng đào tạo mầm non hướng đạo tương lai. Đừng bao giờ quan niệm rằng ngồi không, chờ ngày Chí Tôn vận hành cho cơ đạo thành. Nếu không có lớp người căn bản nòng cốt, không chương trình ý thức đào tạo mầm non, chẳng những Đạo không phát triển khai phóng mà trái lại thối lùi là khác."²³

Tóm lại, chúng ta cần ghi nhớ: "Điều cần nhứt cho người được mạng danh Thiên mạng, không phải chỉ biểu tượng hình thể của Chí Tôn tại bên ngoài mà chính là phải quyết lòng biểu dương Thiên ý vào ở mọi tầng lớp nhân sinh."²⁴ Do đó: "Nếu không có lớp người căn bản nòng cốt, không chương trình ý thức đào tạo mầm non, chẳng những đạo không phát triển khai phóng mà trái lại thối lùi là khác."²⁵

"Giờ đây Thánh đường ngoại giới an bài, toàn Đạo hãy quay về xây dựng Thánh đường nội tâm, bởi nơi ấy Thầy hằng ngự và bốn phương dễ dàng chung về. Hãy cố gắng xây dựng Thánh đường nội tâm được chắc chắn, thêm uy nghi xán lạn. Thánh đường nội tâm mới là nhà chung chi phái, là kỳ đài cờ Đạo trương cao vậy."²⁶

23. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 23-12 Kỷ Dậu (30-01-1970).

24. Đức Gia Tô Giáo Chủ, Thánh thất Bàu Sen, 23-11 Đinh Mùi (24-12-1967).

25. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Thánh tịnh Ngọc Minh, 23-12 Kỷ Dậu (30-01-1970).

26. Đức Trần Hưng Đạo Đại Vương, Thánh đường Quảng Tín, 11-7 Canh Tuất (12-8-1970).

TRANG THƠ

VÔ TRẦN

Hương Nguyệt



Huyền vi chẳng rõ bởi phàm nhân
Tu tâm luyện tánh, nhờ Lão Quân
Đại Đạo Thầy khai bày bửu pháp
Tâm thành chuyên nhất lộ thiên chân.
Lòng thật trống không thấy đạo màu
Nghiệp trần dứt hết khỏi lo âu
Nước trong thấy đáy phân thanh trược
Thiên lý lưu hành vạn vật râu.
Độ dẫn sáu căn về nẻo Đạo
Dù dặt bẫy tình thoát mê sâu
Lục thông đước tuệ soi đường thế
Lòng thật trống không thấy đạo màu.

VỀ

Bửu Long

Con đường chiều vội vàng đổ bóng
Nắng hoàng hôn như một chiếc môi hiền
Cộng gió công mong manh chiếc lá
Bỏ mặc kinh thành hò hẹn thuyền quyên

Chân hoang vu sá gì đá sỏi
Giấc mơ hoa hối hả cho mau
Hào phóng buồn rơi từng phiến lạnh
Trên phím sầu vắng vẻ lời rao

Thời gian gõ tiếng kinh thiên cổ
Nhắc hôm nay sẽ mãi mãi không về
Cánh hạc vàng đã bên kia sương trắng
Hỏi linh hồn còn lại mấy sơn khê

Con chim nhỏ về nương bóng kệ
Tiếng chuông ngân lời ru miên man
Thành quách xưa chưa từng phố thị
Chuyến mây về đếm thử thên thang

NGHIÊN CỨU SỬ ĐẠO

Có một văn bản lịch sử
trong đạo Cao Đài
**VỀ CÁCH LẠY THƯỜNG
CÚNG TỬ THỜI**

Đạt Tường & Ngô Chơn Tuệ



Đây là một văn bản được giới thiệu trên website của Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo – Bến Tre: <http://caodaibanchinhdao.net/home/index.php/vi/news/Van-Ban/>).

Văn bản hướng dẫn về “Cách lạy thường cúng Tứ Thời” là một trong các tư liệu quý hiếm còn được lưu trữ của Ngài Thượng Đầy Sư Nguyễn Ngọc Tương (vào đầu thập niên 30, thế kỷ XX, quản lý Tòa Thánh Tây Ninh) sau khi Ngài rời Tổ đình Tây Ninh về An Hội – Bến Tre.

Trong quyển Nhật Ký Đạo Sử của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng – Tòa Thánh Tây Ninh, không thấy nhắc tới sự kiện Lễ Nhạc Viện đã ra văn bản hướng dẫn này. Cho đến thời điểm hiện tại, đây là văn bản xưa nhất về hành chánh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà chúng ta có được.

Xem xét nội dung của văn bản này, chúng ta có thể khám phá được nhiều điều lý thú:

1. Bên dưới, tuy có hai dòng chữ đánh máy “Ký tên và đóng dấu” nơi chỗ Quản lý Lễ Nhạc Viện và Quản lý Lại Viện, nhưng không thấy có dấu đóng và chữ ký của hai bộ phận này.

Tuy nhiên, trên đầu văn bản có đóng dấu tròn đỏ ghi dòng chữ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ. Theo một số tài liệu khi xưa còn lưu lại, cho thấy các văn bản thường được đóng dấu ở phía trên như là một chứng thực bản sao từ bản gốc.

2. Vào thời điểm ban hành Văn bản này (13-5-1928), mẫu văn bản hành chánh của Tòa Thánh vẫn chưa được quy định cụ thể.

Chưa thấy có ghi tên Đạo, tôn chỉ và năm Đạo trên đầu các văn bản hành chánh và số thứ tự của văn bản cũng chưa được xác lập.

3. Bên trái Văn bản, có ghi dòng chữ CỨU TRỪNG ĐÀI được xuất hiện hai lần, một ở bên trên và một bên dưới.

(Trước đó, vào ngày 15-4-1928¹, Đức Lý Giáo Tông đã bắt đầu dùng và ngày 04-5-1928², Đức Chí Tôn cũng dùng đến cụm từ này).

4. Tiêu đề Văn bản cho biết nội dung chánh là hướng dẫn “Cách Lạy thường CÚNG TỨ THỜI”.

Đây cũng là lần đầu tiên cụm từ “Cúng Tứ Thời” chính thức được sử dụng trong văn bản của Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Từ khi đó đã trở nên thành phần rất quan trọng của pháp môn căn bản Cao Đài.

5. Nội dung chính của Văn bản:

5.1. Về cách thức Xá: Theo thể Tam Tài: “Phối Thiên áp Địa”. Hai tay chấp lại kiết quả Ấn Tý đưa lên trán, cúi xá xuống chí gối, rồi ngẩng người lên, đưa tay trở về ngực. (Thực tế hiện nay, phần đông mọi người không còn “cúi xá xuống chí gối” nữa, người làm tốt cũng chỉ xá sâu xuống tới bụng mà thôi!)

Và phải làm như thế ba lần.

5.2. Về cách thức Quỳ: Chân trái bước tới trước một chút, chân phải quỳ xuống, chân trái quỳ theo.

Khi mấn lễ đứng dậy và đứng chân trái trước.

5.3. Về cách thức lấy dấu Tam Quy: Thẳng mình nhìn Thiên Nhãn. Hai tay kiết quả đưa lên trán và niệm Nam mô Phật; đưa qua bên trái gần tai và niệm Nam mô Pháp; đưa qua bên phải gần tai và niệm Nam mô Tăng.

Thực tế hiện nay, hầu như mọi người lấy trán làm chuẩn.

5.4. Về cách thức Niệm: Tay kiết quả để nơi ngực.

Cúi đầu thứ nhất niệm Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát

1. Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng, Đạo Sử Nhật Ký, quyển 1, tr.423.

2. Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng, Đạo Sử Nhật Ký, quyển 1, tr.424.

Ma Ha Tát;

Cúi đầu lần thứ nhì niệm Nam mô Lý Thái Bạch Tiên Trưởng
kim Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ;

Cúi đầu lần thứ ba niệm Nam mô Quan Âm Bồ Tát;

Cúi đầu lần thứ tư niệm Nam mô Quan Thánh Đế Quân;

Và cúi đầu lần thứ năm niệm Nam mô chư Phật, chư Tiên, chư
Thánh, chư Thần.

Đến giữa năm Canh Ngọ (1930), trong quyển Nghi tiết Đại đàn
và Tiểu đàn có hướng dẫn cách niệm danh: Đức Quan Âm trước,
và sau đó mới niệm đến danh Đức Lý Giáo Tông. Hiện nay, theo
Kinh Thiên Đạo – Thế Đạo của Tòa Thánh Tây Ninh vẫn duy trì
cách hướng dẫn này, mặc dầu theo Thánh ngôn xác định, Đức Lý
là Nhứt Trấn Oai Nghiêm!

Về cách niệm danh các Đấng, vào thời gian đó (từ năm 1928
trở về trước) chưa biết đến danh Đức Mẹ. Vì cho đến thời điểm
này, Ngài chưa giáng cơ.

Cũng thế, trong quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Bốn thứ nhưэт
được xuất bản vào năm 1928, không có bài nào của Đức Mẹ. Đến
tháng 01-1929 (tháng Chạp, năm Mậu Thìn) Ngài mới giáng cơ và
chính thức xưng danh “Điều Trì Kim Mẫu” và xưng là “Mẹ”³.

Đến thời điểm thập niên 70 của thế kỷ trước, Ôn Trên giáng
cơ qua Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất, có hướng dẫn 5 câu niệm
theo thứ tự gồm:

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam mô Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn.

3. Xin tham khảo quyển Thánh Ngôn Điều Trì Kim Mẫu (Tòa Thánh Tây Ninh
xuất bản)

*Nam mô Tam Giáo Đại Tôn Sư*⁴.

Nam mô Tam Trấn Oai Nghiêm.

*Nam mô Chư Phật, Chư Tiên, Chư Thánh, Chư Thần Cảm Ứng Chứng Minh*⁵.

5.5. Về cách Quỳ lạy: “*Xoè bàn tay ra mà áp xuống đất*”.

Thuở mới ban đầu ấy, trong tài liệu Vấn Đáp (1927) của Ngài Nguyễn Trung Hậu cũng chỉ nói như thế.

Vài tháng sau đó, khi Hội Thánh chánh thức ra mắt quyển “TỨ THỜI NHỰT TỤNG KINH” qua trung gian của Vĩnh Nguyên Tự (nơi Ngài Ngọc Lịch Nguyệt tu trì), nội dung hướng dẫn của Lễ Nhạc Viện trong văn bản lịch sử này đã được ghi lại y nguyên cách lạy trước đó mà Tòa Thánh Tây Ninh đã hướng dẫn “*xoè bàn tay ra mà áp xuống đất*”.

Về sau này, theo Thông Tri số 5-NCPS/TT, ngày 06-02 năm Tân Hợi (1971), Tòa Thánh Tây Ninh hướng dẫn kỹ hơn về cách lạy (có vẽ hình hai bàn tay úp xuống với ngón cái tay phải gác chéo lên trên ngón cái tay trái, và 8 ngón còn lại xòe ra).

Tóm lại,

Theo nội dung Văn bản này, nếu đây là một trong những Văn bản hành chánh vào buổi ban sơ của Tòa Thánh, thì nó đã trở thành một nguồn tư liệu quý, giúp cho hậu bối chúng ta xác định được một số điểm của văn hóa Cao Đài về thời gian xuất hiện của một

4. Kinh Nhựt Tụng Tứ Thời của Hội Thánh Tiên Thiên Châu Minh (Bến Tre) xuất bản vào năm đạo thứ 50 có ghi: “Nam mô Tam Tông Chơn Giáo Từ Bi Cứu Thế Thiên Tôn”.

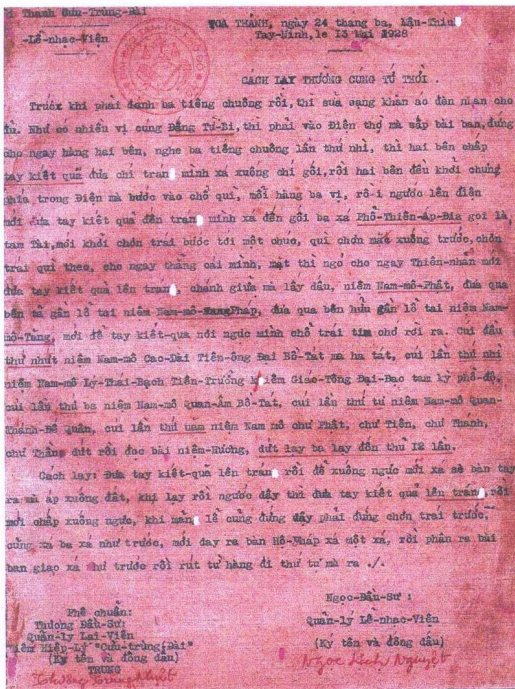
5. Đạo Lý 59, tr.49 – Huồn Cung Đàn, 14-9 Canh Tuất (13-10-1970).

số danh từ riêng biệt như: Cửu Trùng Đài, Cúng Tứ Thờì.

- Nội dung của Văn bản cũng giúp chúng ta thấy rõ về cách niệm danh các Đấng Thiêng Liêng với Tam Trấn theo đúng thứ tự, cũng như cho thấy danh hiệu Diêu Trì Kim Mẫu vào thời điểm này (1928) là chưa có.

- Cũng theo nội dung Văn bản này, cách thức thực hiện về nghi lễ cũng cho thấy có nhiều điểm hơi khác biệt so với sau này (lấy dấu, xá...).

- Theo chúng tôi suy nghĩ, trên đây là những nhận định ban đầu về Văn bản hướng dẫn “Cách lạy thường cúng Tứ Thờì”, nhưng có lẽ cũng sẽ góp một phần làm tiền đề căn bản cho việc thống nhất tinh thần Đạo nhà trong tương lai.



Thiền sư Thần y Tuệ Tĩnh và tấm bia khắc lời nhắn gửi: ***‘Ai về nước Nam cho tôi về với’***

Nguyễn Phong • HP sưu tầm

Tuệ Tĩnh (1330-1400) tên thật là Nguyễn Bá Tĩnh, sinh tại làng Nghĩa Phú, Tổng Văn Thái, Phủ Thượng Hồng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Mồ côi cha mẹ từ lúc lên 6, ông được các nhà sư chùa Hải Triều và chùa Giao Thủy nuôi cho ăn học, có pháp danh là Tuệ Tĩnh, biệt hiệu Thận Trai hay Tráng Tử Vô Dật (người không thích ăn không ngồi rồi).

Một nhà sư tài giỏi không màng danh lợi

Năm 22 tuổi, ông đỗ Thái Học sinh dưới triều vua Trần Dụ Tông. Khoa thi năm Giáp Dần (1374), niên hiệu Long Khánh (Trần Duệ Tông), ông đậu đệ nhị giáp tiến sĩ tức Hoàng Giáp. Ông là một nhà sư thông minh lỗi lạc, nhưng không ra làm quan mà ở lại chùa thuộc Hạt Giao Thủy và Hạt Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương để tu hành, chuyên tâm nghiên cứu y học, đặc biệt là các bài thuốc nam, trị bệnh, cứu người.

Ông nổi tiếng là thần y vì tài chữa bệnh và đặc biệt là tìm tòi, phát hiện nhiều vị thuốc nam quý. Thần y Tuệ Tĩnh không những

dày công nghiên cứu các cây thuốc, bài thuốc dân gian, chữa bệnh, mà còn chăm lo đào tạo các học trò, viết sách để truyền bá kiến thức đến mọi người. Trong cuốn “Hồng Nghĩa Giác Tư Y Thư”, ông biên soạn khảng 500 vị thuốc nam và để mọi người dễ học, dễ nhớ, ông viết bằng thơ Nôm theo lối Đường luật. Cuốn “Phú Thuốc Nam” 630 vị cũng được viết bằng chữ Nôm, và đặc biệt cuốn “Nam Dược Thần Hiệu” của ông hiện vẫn đang được các nhà y dược học đánh giá cao và có giá trị lớn đối với y học ngày nay. Những tác phẩm này không chỉ có giá trị y học mà còn là những tác phẩm văn học rất có ý nghĩa vì đây là các tác phẩm ở thời kỳ đầu của văn học chữ Nôm.

Đối với thần y Tuệ Tĩnh, nước Nam ta có rất nhiều vị thuốc quý. Tuệ Tĩnh gây phong trào trồng thuốc tự túc ở vườn chùa, vườn đền, ở gia đình và viết sách thuốc để phổ biến, dạy cho dân chúng dùng thuốc nam để chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe phục vụ nhân dân nghèo khổ. Tuệ Tĩnh đã nghiên cứu những cây cỏ ở Việt Nam, viết thành sách thuốc với ý nghĩa các bài thuốc giản dị thường dùng trong dân gian, đã thu hái các kinh nghiệm trị bệnh của Trung y, nên đã xây dựng được một sự nghiệp y dược có tính chất dân tộc, đại chúng và sáng tạo trong một thời kỳ mà thuốc bắc đang thịnh hành.

Công lao đặc biệt của ông chính là đề xướng một nền y học tự chủ, tự cường, độc lập gần giống khẩu hiệu hiện nay “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Không những viết sách, chữa bệnh ông còn tổ chức cho nhân dân biết cách vệ sinh, phòng chống bệnh, dạy cho nhiều đệ tử và biến các chùa thành nơi chữa bệnh (giống như trạm xá ngày nay). Đây là tư tưởng cực kỳ tiến bộ của ngành điều trị từ xa, điều trị chủ động và điều trị dự phòng, tận dụng thế mạnh tổng hợp trong nhân dân, trong

thiên nhiên, tạo ra di sản quý báu cho các thế hệ sau.



Về Y lý: Tuệ Tĩnh không câu nệ trong việc sử dụng thuốc nam, bắc. Ông chủ trương “Nam dược trị Nam nhân”, ông nêu lên biện chứng khái quát về dược lý, hướng điều trị của 630 vị thuốc để chữa về ngoại cảm lục âm, về nội thương do thất tình, do ăn uống, do phòng dục, do lao碌, về bệnh bên trong như: trúng độc, uất khí, đờm, hỏa tích...

Tuệ Tĩnh nhận định, Việt Nam có khí hậu nóng ẩm, nên bệnh thiên về thấp nhiệt, đàm hỏa và thường thì chính khí hư yếu. Do đó, phép chữa là: thanh nhiệt, trừ thấp, tả hỏa, hóa đàm, công bổ kiêm thi.

Về Y đức: Thương dân bệnh tật chết chóc, lo giữ nước vững bền, trước phải tìm thuốc chữa bệnh ở cây cỏ quanh mình, phổ biến một cách rộng rãi cho dân chúng biết và sử dụng. Về dưỡng sinh: ông dùng các phương pháp như thực trị, xoa bóp, chườm, cứu

và ông tóm tắt phương pháp dưỡng sinh trong 14 chữ: “Bế tinh, dưỡng khí, tồn thần, thanh tâm, quả dục, thủ chân, luyện hình”.

Các tư liệu quý ông để lại như “Hồng Nghĩa Giác Từ Y Thư” và nhất là bộ “Nam Dược Thần Hiệu” có ảnh hưởng rất sâu rộng trong y gia Việt Nam như kim chỉ nam, sách gối đầu giường qua bao thế hệ người Việt. Nó đã chỉ dẫn cách dùng thuốc nam để trị bệnh cho đại đa số nhân dân nghèo khổ, để y dược phổ cập đến nhân dân.

Qua các thế kỷ và hiện nay, có một số thầy thuốc theo phương pháp trị liệu của Tuệ Tĩnh mà chữa bệnh cũng rất hiệu quả. Hải Thượng Lãn Ông là một bậc đại y tôn cũng chịu ảnh hưởng của Tuệ Tĩnh trong việc biên soạn quyển Lĩnh Nam bản thảo.

“Ai về nước Nam cho tôi về với” - câu nói bi thương trên bia mộ của Thần y Thiền sư Tuệ Tĩnh

Do tài giỏi tiếng tăm lẫy lừng như vậy, năm 55 tuổi, ông được chọn làm sứ sang Trung Quốc hay có sử sách viết rằng ông bị đưa đi cống sang triều đình nhà Minh.

Trương truyền, ông đã chữa hết bệnh sản hậu cho Tống Dương phi, vợ vua Nhà Minh nên được nhà Minh phong hiệu là “Đại y thiền sư”, bị giữ lại làm việc tại Thái Y viện và mất bên đó. Bao năm sống tha hương, ông vẫn một lòng đau đáu nhớ về quê nhà, nước Nam chưa bao giờ phai trong trái tim ông. Chính vì thế, khi ông mất, theo di nguyện để lại, người đời đã khắc lên bia mộ ông câu: “Ai về nước Nam cho tôi về với”. Câu nhắn nhủ bi thương này không khỏi làm những người xa xứ thấy nghẹn ngào thương cảm cho một tấm lòng người con đất Việt tài giỏi nhưng vì đại cuộc mà phải hy sinh, xa rời quê hương.

Người đời sau biết ơn ông, đã lập đền thờ ông ở chùa Giám, đền Thánh thuốc nam (làng Nghĩa Phú) và đền Trung (làng Văn Thái).

Đền Bia làng Văn Thái có câu: “Hoàng Giáp phương danh
đăng Bắc địa, Thánh sự diệu dược chấn Nam bang”. Tạm dịch:
“Thi đậu Hoàng Giáp tiếng lừng Trung Quốc, chữa bệnh thần diệu
tài quán Nam bang”.



Chùa Giám thờ tượng Thiền sư thần y Tuệ Tĩnh

Năm 1690, nghĩa là khoảng gần ba thế kỷ sau, tiến sĩ Nguyễn
Danh Nho đi sứ sang Trung Quốc, thăm mộ Tuệ Tĩnh và nhận
ra đại thiền sư là người cùng quê với mình. Rất xúc động với
lời nhắn của Tuệ Tĩnh, ông đã sao chép bia mộ và tạc khắc bia
đá mang về Việt Nam. Có nhiều câu chuyện lưu truyền lý kỳ liên
quan đến tấm bia này. Như chuyện đang mang bia trên đường
về quê Tuệ Tĩnh thì thuyền chìm, bia rơi xuống nước.

Khi nước cạn, mọi người tìm kiếm thì thấy doi đất nơi bia
bị chìm giống hình con dao cầu thái thuốc nam. Người dân cho

là có sự linh ứng với danh y nên lập đền thờ luôn ở đấy. Từ đó, đông đảo người dân các vùng đến viếng đền Bia cầu xin sức khoẻ, có ngày đến cả ngàn người.

Vua Thiệu Trị cho là mê tín dị đoan nên bắt đưa bia về giữ ở tỉnh, rồi ra lệnh đục bỏ hàng chữ ghi trên bia. Nhưng người dân quê hương Tuệ Tĩnh vẫn bí mật lấy được tấm bia, đem về cất giữ trong tường của ngôi đền... Nhờ đó tấm bia có hàng chữ bị đục bỏ vẫn còn đến ngày nay.

Trên mặt tấm bia, hàng chữ khắc lời Tuệ Tĩnh đã bị đục đi, chỉ còn lại những dấu vết, không thể đọc được nữa. Nhưng trăm năm bia đá thì mòn... Dù hơn 600 năm đã qua, và mãi tới mai sau, vẫn luôn vang vọng, lay động trong lòng bao thế hệ cháu con những lời dặn dò nặng tình yêu non nước, quê hương xứ sở của ông, vị đại danh y làm vẻ vang cho nước Việt.

Thông thường trong các chùa có thờ tượng các sư trụ trì cao tăng đắc đạo, tư thế tượng được tạc ngồi xếp bằng hoa sen, hai tay xếp trong lòng theo kiểu ấn tam muội (ấn thiền định), hoặc hai tay đặt trên đầu gối. Nhưng tượng của Đại y thiên sư Tuệ Tĩnh lại được tạc theo tư thế ngồi trên ghế, lưng thẳng và hai tay xếp trước ngực theo kiểu ấn Chuẩn Đề (Cundhe). Điều đó chứng tỏ người xưa đã đặt vị trí của Thiên sư là một Bồ Tát hoá thân của Chuẩn Đề Vương Bồ Tát.

Quan điểm của ngài cũng là Đạo và Đời không tách riêng, Đạo phục vụ đời, Đời là nơi rèn luyện Đạo. Tư tưởng đại thừa Phật giáo ở Đại y sư Tuệ Tĩnh đã là niềm cảm hứng, sự phấn đấu noi theo của các lớp tăng ni Phật tử ngày nay theo tinh thần Từ bi hỷ xả của Đức Phật.

[[HTTPS://PHATGIAO.ORG.VN](https://PHATGIAO.ORG.VN)]

ĐỌC BÁO

Nhiều điều chưa biết sau vụ Thánh đường Notre Dame de Paris bị thiêu hủy

GS-TS TRẦN QUANG HẢI

(NLĐO) – GS-TS Trần Quang Hải (con trai trưởng GS-TS Trần Văn Khê), người nhiều năm sinh sống tại Pháp, viết riêng cho Báo Người Lao Động sau sự cố Nhà thờ Đức Bà Paris bị lửa thiêu rụi.

Một buổi chiều ngày 15-4-2019, thánh đường Notre Dame de Paris bị bốc cháy từ bên trong. Ngọn lửa trở nên dữ dội sau đó. Trên 400 lính chữa lửa của TP Paris ra tay cứu chữa cho tới gần 12 giờ đêm mới bắt đầu dập tắt được lửa bên trong. Một người lính chữa lửa bị thương nặng nhưng ngôi thánh đường được cứu thoát. Hai tòa tháp vẫn còn y nguyên, chỉ có 2/3 mái vòm bị thiêu rụi. Ngọn tháp cao vút được dựng lên vào cuối thế kỷ thứ 19 đã ngã xuống. Tất cả cảnh điêu tàn của ngôi thánh đường đã được báo chí Pháp và thế giới miêu tả tường tận mà tôi không cần phải kể lại đây.

- Tờ Libération: « Thảm kịch của chúng ta » « Notre Drame » (tờ báo chơi chữ: trong tiếng Pháp DAME là người đàn bà, thêm R vào sau D sẽ có DRAME là thảm kịch).

- Le Figaro: « Nhà thờ Đức Bà Paris, Thảm họa ». (Notre Dame de Paris: Le Désastre)

- Le Monde: « Nhà thờ Đức Bà - Lịch sử của chúng ta ». (Notre Dame de Paris, notre histoire)

Và tất cả đài phát thanh (RFI, France Culture, France Inter, v.v.), đài truyền hình Pháp (TF1, A2, FR3, v.v.), luôn các báo chí TV thế giới đều thông báo.

Hầu hết các lãnh tụ trên thế giới gửi lời chia buồn trước cảnh thảm họa hy hữu. Các đảng phái hữu, tả bên Pháp đều đồng lòng đoàn kết trong giai đoạn lịch sử hiếm hoi này.



Vụ hỏa hoạn xảy ra tại Thánh đường Notre Dame de Paris hôm 15-4. Ảnh: AP

MAY MẮN

Mặc dù thánh đường bị cháy, gây tổn thất nặng nề, rất may là một số lớn báu vật bên trong vẫn còn nguyên vẹn. Bàn thờ chánh điện, tượng đức mẹ bằng chúa Giê Su bằng đá không bị hư hao. Cây thánh giá ở chánh điện không bị cháy.

Cái lạ là cây đàn orgue với 8.000 ống loa không bị hư hao, còn y nguyên. Sức nóng của lửa không làm sai cao độ âm thanh và đã được kiểm chứng với ông Vincent Dubois, nhạc sĩ đã đàn trên 35 năm tại nhà thờ này.

Cái may mắn nữa là các tượng đồng và những vật liệu quý giá đã được di chuyển hôm 12-4-2019, trước khi khởi sự trùng tu sau lễ Phục sinh (21-4-2019). Nhờ vậy mà các báu vật này được cứu thoát.

Phép lạ cho thấy là con gà của ngọn tháp bị cháy ngã xuống vẫn còn y nguyên khi rớt xuống đồng tro tàn mà không bị nóng chảy hay hư hao gì hết.

VÀI SỰ KIỆN LỊCH SỬ

Cách đây hơn 8 thế kỷ, vào năm 1163, vua nước Pháp thời bấy giờ là Louis VII và Đức Giáo hoàng Alessandro III đặt viên đá đầu tiên để khởi công xây cất Nhà thờ Đức Bà Paris.

Giai đoạn đầu là xây dựng chính điện thánh đường do giám mục Maurice de Sully điều hành. Mãi đến hai thế kỷ sau, công trình xây cất mới chính thức hoàn tất.

Từ ngày đặt viên đá xây dựng đầu tiên cho tới tận ngày hôm nay, hình tượng của Nhà thờ Đức Bà Paris đã gắn liền với lịch sử nước Pháp. Chính tại nơi này vào năm 1230, vua Saint-Louis đã làm lễ rước vòng gai của Chúa. Đội quân Thập Tự Chinh đã đưa

thánh tích này từ Constantinople về Paris. Năm 1455, phiên xử nhằm minh oan và phục hồi danh dự của thánh Jeanne d'Arc đã diễn ra tại chính điện Nhà thờ Đức Bà Paris.

Hơn ba thế kỷ sau, hoàng đế Napoléon Đệ Nhất đã chọn nơi này làm lễ đăng quang vào năm 1804, với sự hiện diện của Đức Giáo hoàng Pie VII. Vào cuối tháng 8-1944, chuông nhà thờ đã ngân vang khi tướng De Gaulle bước vào chính điện để tưởng niệm các binh sĩ trận vong nhân ngày giải phóng thủ đô Paris khỏi ách chiếm đóng của quân đội Đức Quốc Xã.

Hai vị tổng thống Pháp là Tướng Charles de Gaulle và François Mitterrand được làm lễ quốc táng tại thánh đường Notre Dame de Paris.

PHẢN ỨNG CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM TẠI PHÁP

Tất cả cộng đồng Việt Nam ở Pháp từ người có đạo Thiên chúa, tới người đạo Phật hay ngoại đạo đều bày tỏ sự đau buồn và thương tiếc một di sản văn hóa phi vật thể thế giới được UNESCO phong tặng vào năm 1991.

Tôi có dịp thăm viếng thánh đường Đức Bà Paris nhiều lần vì tôi có học khóa nghệ thuật điêu khắc và kiến trúc Pháp thời Trung cổ tại Ecole du Louvre vào năm 1961. Nhờ đó tôi hiểu thêm sự khác biệt giữa các loại gothic: classique (cổ điển), rayonnant (rạng rỡ) và flamboyant (rực lửa). Nhà thờ Đức Bà Paris thuộc loại gothic rạng rỡ (từ 1230 tới 1350). Mỗi lần có bạn từ phương xa tới, tôi đều đưa đi chiêm ngưỡng ngôi nhà thờ huy hoàng này.

Giờ đây, chắc phải đợi một thời gian khá lâu. Tổng thống Pháp Emmanuel Macron tuyên bố hôm 16-4 là ông sẽ xúc tiến

việc sửa sang ngôi nhà thờ trong thời gian 5 năm. Theo tôi nghĩ là ông muốn du khách khi tới Paris dự thể vận hội 2024 được tổ chức tại Paris sẽ được xem ngôi nhà thờ cổ kính đầy di tích lịch sử.

THÁNH NHẠC SÁNG TÁC TỪ THỜI KHỞI CÔNG XÂY NHÀ THỜ ĐỨC BÀ PARIS

Ngay từ thời khởi công xây dựng Nhà thờ Đức Bà Paris, đã nảy sinh một phong trào sáng tác thánh nhạc. Phong trào này đánh dấu ngày khai sinh thể loại thánh ca đa âm phức điệu không những ở Pháp mà còn trên toàn châu Âu. Trước đó, vào thời Trung Cổ, thánh ca nhà thờ thường theo truyền thống đơn âm như thánh ca Gregory, ban đầu chỉ phổ biến trong các tu viện. Phong trào này sẽ phát triển rất mạnh, hình thành nguyên một trường phái riêng biệt hẳn hoi trong âm nhạc hàn lâm, cổ điển và nhiều tác giả lớn trải qua nhiều thế kỷ sau đó tại châu Âu từ Johannes Brahms, Anton Bruchner đến Félix Mendelson, từ Wolfgang Amadeus Mozart đến Johann Sebastian Bach đều đã góp công sáng tác làm giàu thêm bộ vựng tập.

Khoa thánh nhạc của Nhà thờ Đức Bà Paris chẳng những duy trì truyền thống này mà còn tìm cách khuyến khích các soạn giả thời nay tiếp tục con đường sáng tác thánh nhạc như trường hợp của nhạc sĩ Yves Castagnet. Ngoài ca đoàn của Nhà thờ Đức Bà Paris, chúng tôi còn mời nhiều ca đoàn đến từ các quốc gia khác sang Paris biểu diễn. Các buổi trình diễn ở đây đều miễn phí vì mục tiêu hàng đầu không phải là kinh doanh lợi nhuận hay nhằm mục đích tiêu khiển giải trí, mà là làm giàu đời sống

tâm linh của khách hành hương hay người thăm viếng đến từ thập phương.

NHẠC KỊCH NOTRE DAME DE PARIS CỦA PHÁP ĐƯỢC VANG DANH THẾ GIỚI

Notre-Dame de Paris là một vở nhạc kịch, lần đầu tiên được biểu diễn vào ngày 16-9-1998 tại Paris ở Palais des congrès. Chương trình này được lấy cảm hứng từ tiểu thuyết của Victor Hugo. Nhà viết lời là Luc Plamondon và nhà soạn nhạc, Richard Cocciante.

Hai nghệ sĩ đầu tiên là Hélène Ségara trong vai Esmeralda và GAROU trong vai Quasimodo.

Vở nhạc kịch thành công này đã được trình diễn tại hơn 20 quốc gia và đã được điều chỉnh bằng 9 ngôn ngữ (tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Nga, tiếng Hàn, tiếng Hà Lan, tiếng Ba Lan và tiếng Quan thoại) cho hơn 4.300 buổi biểu diễn. Ngày 5-1-2019 đánh dấu buổi biểu diễn thứ 5.000 như một phần của lễ kỷ niệm 20 năm của vở nhạc kịch này.

“Chương trình đã được phát ở Seoul trong mười năm, đầu tiên là tiếng Pháp, sau đó là tiếng Anh và sau đó là tiếng Hàn » – nhà soạn nhạc Richard Cocciante nói. “Tôi trở về từ Kazakhstan, có tổng thống yêu cầu chúng tôi điều chỉnh chương trình bằng tiếng Kazakhstan. Tôi hy vọng sẽ giới thiệu vở kịch này một ngày tại Việt Nam nơi tôi sinh ra (sinh ở Sài Gòn ngày 20-2-1946, cha người Ý, mẹ người Pháp). Ở mỗi nước, tôi đến đó để tuyển dụng ca sĩ. Đó là vở nhạc kịch được chơi nhiều nhất trên thế giới.” – nhà soạn nhạc này nói thêm.

CA CỔ

Tình ĐỒNG ĐẠO

Đạt Thật

Ngâm

*Tuy là chẳng phải đồng thân,
Cùng nhau đồng đạo nghĩa nhân mận nong.¹*

Lý con sáo

Tình thương chan chứa bao ân tình,
Vì Thầy sương gió chẳng hề nao bao tháng năm qua.
Nguyện lòng bên nhau vai kề vai đắp xây Cao Đài,
Dù bao gian khó quyết tâm bồi công lập đức.
Cho thắm tình thâm người ơi!
Luôn hy sinh tình nghĩa đạo đồng,
Quyết chí học tu cùng nhau,
Bao truân chuyên nguyện vẫn chung lòng.

1. Kinh Thế Đạo.



Vọng cổ

1. Chư huynh tử đệ muội ơi! Chúng ta có được cơ ngơi như ngày hôm nay là đã vượt qua nhiều gian khổ, và đã trải qua bao vất vả... thăng trầm.

Khắc phục khó khăn sửa chữa mọi sai lầm.

Tay siết chặt trong tay, cùng nhau đưa cơ đạo đến nơi bờ bến vinh quang.

Dẫu trên bước hoạn đồ còn trăm lối ngược xuôi, nhưng với tinh thần trách nhiệm đồng Thầy đồng đạo.

Xóa tan đi những nỗi tị hiềm, cho con thuyền đạo vượt qua muôn trùng sóng gió.

Thơ

Tình đạo mạch hòa trong huyết quản,

Đã bao năm dài gắn bó cùng nhau,

Xây dựng mãi cơ nghiệp tự năm nào,
Cho nền đạo ngày càng thêm tiến triển.

2. Ôi! Quý hóa thay những tấm lòng trung nghĩa, đã đổ mồ hôi
kiến tạo những công trình.

Kẻ của người công gắng sức giữ gìn.

Làm đẹp mãi một cơ đồ đã bao đời tạo dựng, vẫn vững vàng
trước bão táp phong sương.

Dù thời gian có lặng lẽ qua đi, nắng mưa có trải dài theo năm
tháng.

Cũng không dập tắt được bầu nhiệt huyết đang cháy trong lòng
của thế hệ hôm nay.

Thơ

Tình đời thế đạo lắm gay go,

Sâu cạn hơn tâm khó nổi dò,

Việc đạo việc đời còn nặng trĩu,

Tri âm tri kỷ gắng nên trò.

Vọng cổ

5. Đường tu học còn nhiều gian nan thử thách, đoàn kết thương
yêu trong đồng đạo cùng sót chia bao nỗi... vui... buồn.

Un đúc cho nhau trên bước đạo đường đời.

San sẻ cho nhau những niềm đau nhân thế, đỡ đần nhau trong
những lúc khó khăn.

Thế thường bảo ăn cơm có canh tu hành có bạn, hưởng chi chúng
ta là người tu theo Đại Đạo.

Từ trong cửa Phật Thánh Thần Tiên, tu sao cho đạt lý thông diệu huyền.

Phi vân điệp khúc

Với bao tâm tình ngày qua trong niềm vui, đắp xây vun trồng,
Bao công trình đang chờ đệ huynh.

Thương...

Quả công tạo nền công phu, tu trong bốn mùa, nguyện cầu
Thiên Lương ban phúc cho muôn nhà yên vui.

Trên đường tu không quản chi, ngày lẫn đêm sớm khuya hành
công, Cho dù gặp bao khó khăn, lòng sắt son quyết không nản
lòng.

Bao chân tình ta nguyện khắc ghi, cho linh hồn theo về Đài Cao.

(Trở về vọng cổ)

6. Hãy tiến lại gần nhau trong tình thương Tạo Hóa, cùng học tu
cho rạng tiếng Cao Đài.

Núi cao biển rộng sông dài,

Tỷ huynh đệ muội tâm thành với nhau,

Dù cho vật đổi sao dời,

Tình nghĩa đạo đồng bền vững với thời gian.

TRANG SỨC KHỎE

Những cách hạ huyết áp đơn giản, hiệu quả, an toàn mà không cần dùng thuốc

Vân Hồng – V.T. sưu tầm

Đông y có câu nói nổi tiếng rằng, hãy dùng ngón tay thay cho mũi kim châm. Ý rằng có rất nhiều loại bệnh có thể sử dụng phương pháp xoa bóp bấm huyết để thay thế châm thuốc.

Tăng huyết áp là chứng bệnh tổng hợp lâm sàng biểu hiện chủ yếu ở việc tăng huyết áp động mạch đồng thời là triệu chứng phổ biến nhất của bệnh tim mạch.

Khi xuất hiện cao huyết áp, người bệnh thường có các triệu chứng bên ngoài như đau đầu, chóng mặt, đỏ bừng mặt, ù tai, táo bón, đắng miệng...

Đồng thời có thể xuất hiện thêm các triệu chứng tổn thương ở mức độ khác nhau ở tim, mạch máu, thận, đáy mắt...

Các biện pháp chủ yếu để đối phó với bệnh cao huyết áp chính là “tập trung vào phòng ngừa”.

1. BẤM HUYẾT Ở “RĀNH HUYẾT ÁP”

Trong những năm gần đây, liệu pháp mát xa tại đã được chứng minh mang lại sự ổn định huyết áp, ngăn ngừa huyết áp cao.

Y học Trung Quốc cho rằng “Tai chính là điểm hội tụ của rất nhiều huyết mạch”. Có khoảng ít nhất 12 kinh mạch nằm ở nhiều điểm trên vùng tai.

Khi một bộ phận cơ thể nào đó bị tổn thương, ngay lập tức nó sẽ được phản ánh thông qua các kinh mạch trên tai.

Trong đó, có một điểm ở trên tai mà Đông y gọi là «rãnh sau tai» nằm ở mặt sau của tai, từ trên đỉnh của rãnh xiên xuống có một hõm sâu ở phía dưới (xem hình).



“RÃNH HUYẾT ÁP” SAU TAI (ẢNH MINH HỌA)

Do vị trí này đại diện cho kinh mạch làm ổn định huyết áp, nên nó còn được gọi là “rãnh huyết áp”.

Cách mát xa:

Dùng ngón cái và ngón trỏ, cầm hai vành tai và vuốt từ trên xuống dưới tại vị trí rãnh huyết áp.

Thời gian mát xa khoảng 5-6 phút và số lần bạn xoa bóp rãnh sau tai tương ứng khoảng 90 lần/phút cho đến khi tai đỏ và nóng lên.

Tiếp tục mát xa xoa bóp thêm ở vùng xoắn uốn cong sau vành tay thêm 5-6 phút nữa, tương ứng với 90 lần vuốt/phút.

Đối với người bệnh hơi nặng một chút thì cần vuốt cọ xát mặt sau của tai với tần suất nhanh hơn, khoảng 120 lần/phút.

Công thức chung là nếu bệnh nặng thì sẽ xoa vuốt nhanh tay hơn, thậm chí khẩn cấp có thể dùng tần suất nhanh khoảng 180 lần/phút.

Lưu ý đặc biệt:

Bệnh nhân tăng huyết áp đặc biệt chú ý khi mát xa rãnh huyết áp trên vành tai thì không được mát xa sâu xuống cuống tai (xem hình), vì nếu mát xa vào đáy vành tai sẽ có tác dụng ngược, làm tăng huyết áp.



LƯU Ý: KHÔNG NÊN MÁT XA VÀO VỊ TRÍ CUỐNG TAI VÌ SẼ LÀM TĂNG HUYẾT ÁP (ẢNH MINH HỌA)

Bên cạnh đó, ngoài mát xa, bệnh nhân huyết áp cũng cần chú ý tới việc thường xuyên đo huyết áp, điều chỉnh ăn uống, kiểm soát cân nặng, không ăn nhiều muối, tinh thần lạc quan.

Chú ý làm việc và nghỉ ngơi hợp lý, lịch sinh hoạt điều độ.

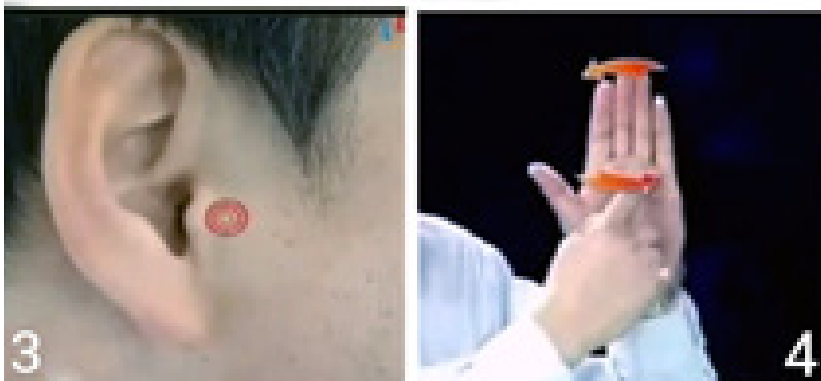
Tăng cường thể dục, đi bộ, tập dưỡng sinh nhẹ nhàng.

Ngoài ra, Đông y cũng có nhiều cách khác để có thể giúp bệnh nhân huyết áp tự mát xa để điều chỉnh tăng giảm.

Sau đây là một số cách bổ sung giúp từng bệnh nhân tùy thể trạng bệnh của mình mà lựa chọn ứng dụng cho phù hợp.

2. BẮM HUYỆT Ở CÁC VỊ TRÍ KHÁC

Cách 1: Có một điểm nằm trên ngón chân cái, vị trí giao điểm giữa rãnh nổi ngón chân cái và bàn chân chính là huyết hạ huyết áp (hình 1).



Đây là vùng nhạy cảm nhất về huyết áp trên cơ thể, chỉ cần bạn bấm mạnh tay vào điểm này trong vòng 5 phút sẽ có tác dụng hạ huyết áp đáng kể.

Cách 2: Vị trí tiếp theo giúp hạ huyết áp là vùng bên ngoài của ngón chân cái, còn gọi là khu phản xạ cổ (hình 2), bạn nên ấn vào vị trí này trong 5 phút cũng có tác dụng hạ huyết áp đáng kể.

Cách 3: Bấm vào vị trí khoanh tròn trước cửa lỗ tai trong 5 phút, có tác dụng giảm huyết áp hiệu quả (hình 3).

Cách 4: Bấm vào điểm giao vùng tam giác giữa ngón út, ngón đeo nhẫn và bàn tay trong vòng 5 phút (hình 4) cũng có tác dụng làm giảm huyết áp tốt.

3. ĂN MỘT QUẢ CHUỐI SAU BỮA ĂN, VỪA LÀM GIẢM HUYẾT ÁP VỪA NGĂN NGỪA ĐỘT QUỴ



Để kiểm soát huyết áp, một số bệnh nhân được chỉ định không ăn muối vào bữa sáng. Nhưng một thời gian sau sẽ không thể chịu đựng được việc ăn nhạt.

Chuyên gia Đông y khuyên bạn một công thức: hằng ngày sau khi ăn mặn, hãy ăn một quả chuối. Theo cách này, bạn vừa có thể thưởng thức món ăn ngon, vừa duy trì huyết áp ổn định.

Mọi người đều biết rằng chuối có thể nhuận tràng, nhưng ít người biết rằng nó cũng giúp làm giảm huyết áp.

Bởi vì chuối rất giàu kali (mỗi quả chuối chứa khoảng 400mg kali). Nghiên cứu hiện đại đã tìm thấy kali có tác dụng mở rộng một số mạch máu. Bổ sung kali cũng có thể làm giảm huyết áp.

Bên cạnh đó, ăn nhiều kali cũng có thể ngăn ngừa đột quỵ. Một nghiên cứu được tiến hành trên 9800 bệnh nhân sau 20 năm điều tra, phát hiện ra rằng có một mối quan hệ chặt chẽ giữa đột quỵ và kali.

Nếu bổ sung hơn 1.500 mg kali/ngày, nguy cơ đột quỵ sẽ thấp hơn rất nhiều. Kali có thể làm giảm huyết áp, kiểm soát tốt huyết áp thì nguy cơ đột quỵ sẽ tự nhiên giảm.

[TỔNG HỢP TỪ SINA/LZY/TIMES HTTP://SOHA.VN]

TRANG GIA CHÁNH

Miến trộn Hàn Quốc

Hồng Tuyết

NGUYÊN LIỆU

- 150gr miến
- 300gr cải bó xôi (rau chân vịt)
- 1 củ cà rốt
- 1 trái ớt sừng đỏ (không cay)
- 3 tai nấm mèo
- 100gr nấm đông cô tươi
- 50gr mè rang
- Ngò rí trang trí
- 1 muỗng cà phê ớt bột Hàn quốc
- Nước tương, hạt nêm, chanh.

CÁCH LÀM

Cà rốt gọt vỏ cắt sợi, nấm đông cô tươi rửa sạch xắt miếng, nấm mèo rửa sạch thái sợi.

Bắc nước lên bếp nấu sôi, cho vào 1 muỗng cà phê muối. Cải bó xôi rửa sạch cắt khúc, trụng nhanh rồi lấy ra, ngâm trong nước đá khoảng 5 phút, kể vớt ra rổ cho ráo.

Bắc chảo lên bếp, cho 2 muỗng súp dầu ăn, ít củ hành tím bào hay boa rô xào cho thơm, kể cho nấm đông cô vào xào, cho cà rốt



vô, nêm khoảng 1 muỗng cà phê hạt nêm, 1 muỗng cà phê đường và 1 muỗng nước tương xào cho thấm đều gia vị, sau cùng cho nấm mèo vào trộn đều, tắt lửa cho ra đĩa.

Làm nước sốt

Bắc chảo lên bếp, cho 1 muỗng súp nước tương, 1/2 muỗng hạt nêm, 1 muỗng đường, 2 muỗng súp tương ớt, 2 muỗng súp tương cà, 2 muỗng súp dầu mè, 3 muỗng súp nước lọc, bật lửa lên quậy cho tan sôi đều, rồi cho ớt bột Hàn quốc vào, tắt lửa.

Trụng miến

Bắc nồi nấu sôi 2 lít nước, cho miến vào luộc, canh đến khi, thử bấm sợi miến thấy đứt ra là miến đã chín, tắt lửa vớt ra đĩa, dùng kéo cắt ngắn miến cho dễ gắp. Cho nước sốt và hỗn hợp nấm cà rốt cải bó xôi và mè rang vào trộn đều là dùng được. Ăn kèm có nước tương pha đường, chanh, tỏi ớt.

Xà lách dưa leo kiểu Nhật

Hồng Tuyết

NGUYÊN LIỆU

- 3 trái dưa leo
- 15gr rong biển Hàn quốc
- 01 muỗng cà phê mè trắng rang
- Dấm gạo: 1/2 chén
- 3 muỗng đường + 1 muỗng nước tương+ một chút muối.

CÁCH LÀM

Dưa leo rửa sạch cắt bỏ đầu đuôi, cắt khía chung quanh trái dưa, khi thái lát mỏng sẽ đẹp mắt, cắt xong cho vào tô một ít muối trộn đều đợi 5 phút rửa lại nước sạch cho vào rổ vắt ráo nước; rong biển ngâm rửa sạch cắt sợi để ráo.

Nước sốt

Cho dấm, đường, nước tương và chút muối vào nồi nấu sôi cho tan đường, nêm vị chua ngọt ít mặn, tắt bếp chờ nguội. Cho dưa leo vào tô, cho rong biển, cho nước sốt vào, cho mè rang vào trộn lên là dùng được.

Món xà lách dưa leo kiểu Nhật giúp thanh nhiệt giải độc với hương vị hoàn toàn tươi mát, dễ ăn mà không làm mất nhiều thời gian.

Theo dòng Đạo sự

Thanh Hiển và Diệu Thuận

08/12 MT (13/01/19): Thánh thất Trung Minh tổ chức Lễ kỷ niệm ngày đăng Tiên của Đạo trưởng Bảo Pháp Thanh Long và Hội Kỳ chur Chức sắc HTĐ. Cùng ngày, Thánh tịnh Thanh Liên Đoàn cử hành lễ kỷ niệm 84 năm thành lập

10/12 MT (15/01/19): Cơ Quan đến chúc xuân UBND Q.1.

11/12 MT (16/01/19): Cơ Quan đến chúc xuân Ban Tôn giáo Tp. HCM, Ủy Ban MTTQ Tp.HCM, Ủy Ban MTTQ Q.1.

12/12 MT (17/01/19): Đạo huynh Thiện Chí, Đạt Tường dự Hội nghị Tổng kết năm 2018 của khối Liên Giao các Hội Thánh và Tổ chức Cao Đài tại Tòa Thánh Châu Minh thuộc Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, tỉnh Bến Tre.

13/12/MT (18/01/19): Cơ Quan dự Lễ khánh thành tượng đài Đức Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh tại khu II Công viên Lịch sử Văn hóa – dân tộc, Phường Long Bình, Quận 9.

14/12 MT (19/01/19): Phái đoàn Cơ Quan tham dự ngày hòa hợp tôn giáo tại trụ sở Baha'i Việt Nam.

16/12 MT (21/01/19): Phái đoàn Cơ Quan đi chúc xuân Đảng Ủy, UBND, UBMTTQ phường Nguyễn Cư Trinh.

Cùng ngày, Phái đoàn Đảng Ủy, UBND, UBMTTQ Quận 1 và các ban ngành đến chúc xuân Cơ Quan.

18/12 MT (23/01/19): Thánh thất Lộ Đổ, Q.8 tổ chức Lễ Tổng kết Thành quả hoạt động Phòng thuốc phước thiện Hiền Huệ.

Cùng ngày, Đại diện Ban Tôn Giáo Thành phố đến chúc xuân Cơ Quan.

20/12/MT (24/01/19): Phái đoàn Ban Tôn Giáo Chính Phủ đến chúc xuân Cơ Quan.

23/12 MT (28/01/19): Phái đoàn Liên Hoa Cửu Cung đến chúc Tết Cơ Quan.

24/12 MT (29/01/19): Phái đoàn Họ Đạo Trung Nghĩa (Bà Rịa-Vũng Tàu) đến chúc Tết Cơ Quan.

Cùng ngày, Phái đoàn Cơ Quan phối hợp cùng Tổ chức liên giao các Hội Thánh và các tổ chức Cao Đài đến chúc Xuân các cấp chính quyền đóng tại địa bàn Tp. HCM và các tôn giáo bạn.

25/12 MT (30/01/19): Phái đoàn Đảng Ủy, UBND, UBMTTQ phường Nguyễn Cư Trinh và các Ban ngành đoàn thể đến chúc Xuân Cơ Quan.

Cùng ngày, phái đoàn Tin Lành đến chúc Xuân Cơ Quan.

27/12 MT (01/02/19): Phái đoàn Cơ Quan dự lễ dâng cúng bánh tét Quốc Tổ Hùng Vương và Đức Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh tại Khu tưởng niệm các vua Hùng và Đền thờ Đức Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh thuộc Công viên Lịch sử Văn hóa dân tộc Quận 9 và lễ dâng hương chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Tôn Đức Thắng tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Tôn Đức Thắng.

Cùng ngày, phái đoàn Cơ Quan viếng tang đạo tử Lê Thị Ân, Thánh danh Hồng Ân tại tư gia (Bà Hom).

01, 02, 03/01 KH (05, 06, 07/02/19): Ngoại Giao Vụ Cơ Quan phân thành 6 đoàn đi chúc Tết 29 Thánh sở.

06/01 KH (10/02/19): Thánh thất Đô thành Q.6 và Thánh thất Long An tổ chức Lễ Cầu an.

12/01 KH (16/02/19): Thánh tịnh Ngọc Linh cử hành Lễ Hoa Đài lần thứ 60.

20/01 KH (24/02/19): Thánh tịnh Vĩnh Ca Phủ Tự tổ chức Lễ khánh thành ngôi Tam đài

23/01 KH (27/02/19): Hội Thánh Cao Thượng Bửu Tòa (Bạc Liêu) long trọng cử hành lễ Kỷ niệm 67 năm ngày thành lập ngôi Cao Thượng Bửu Tòa và kỷ niệm 59 năm ngày Đức Chơn Sắc đăng tiên.

15/02 KH (20/3/19): Cơ Quan tổ chức Lễ Khánh đản Đức Thái Thượng Đạo Tổ và Đại hội Thường niên. Đạo Huynh Thiện Hạnh, Phó TTK thuyết trình đề tài “Thường thanh tịnh”.

– Thánh tịnh Thanh Tịnh Đàn tại Tiền Giang cũng long trọng tổ chức Lễ Khánh đản Đức Thái Thượng Đạo Tổ và kỷ niệm chu niên ngày trùng tu ngôi Tam đài Thánh tịnh. Đạo tử Hồng Phúc – Q. Văn Hóa Vụ Trưởng Cơ Quan – được mời thuyết trình đề tài “Thiên Đạo giải thoát”.

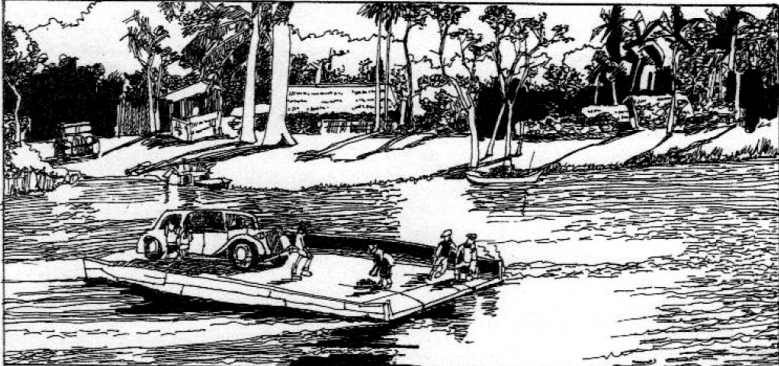
22/02 KH (27/3/19): Thánh tịnh Chiêu Minh Tự Vĩnh Long tổ chức Đại lễ kỷ niệm Tri ân Tiền Bối.

26/02 KH (31/3/19): Thánh tịnh Hiệp Linh Đàn tại Sóc Trăng cử hành Lễ khánh thành ngôi Tam đài – Thiên Phong Đường – Đông Tây Lang.

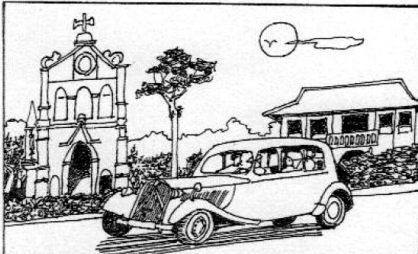
02/3 KH (06/4/19): Tập đoàn Giáo sĩ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo tham dự buổi Hội Thảo chuyên đề “Đời sống tu trì trong các tôn giáo” tại Học viện Thánh Anphongsô (Dòng Chúa Cứu Thế), Bình Quới. Giáo sĩ Thiện Định tham luận đề tài “Đời sống Tu sĩ Cao Đài”.

TRUYỆN TRANH

Ngài Ngô Văn Chiêu: Môn đệ



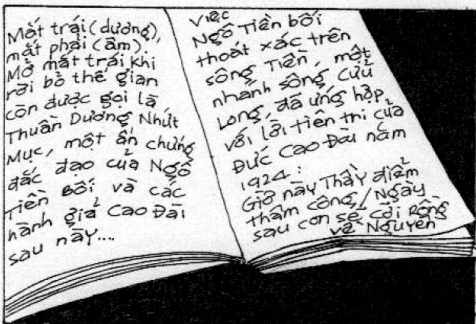
15 GIỜ, XE LÊN PHÀ. PHÀ CHẠY RA GẦN GIỮA SÔNG TIỀN, THÌ NGỒ TIỀN BỜÌ NHẸ NHẰNG THOÁT XÁC. MÔN SANH YẾU CẦU QUAY PHÀ TRỞ LẠI...



TRÊN ĐƯỜNG YẾU THẢO LƯ, DA TIỀN BỜÌ TRỞ LẠI BÌNH THƯỜNG...



...MẮT TRÁI MỜ TO NHƯ NGƯỜI CÒN SỐNG. MẮT BÊN PHẢI KHÉP KÍN



Một trái (dương),
mắt phải (âm),
Mờ mắt trái khi
rơi bỏ thế gian
còn được gọi là
Thuần Dương Nhứt
Mục, một ấn chứng
đặc đạo của Ngô
Tiền Bờì; và các
hành giả Cao Đài
sau này...

Việc
Ngồ Tiên bờì
thoát xác trên
sông Tiên, một
nhánh sông Cửu
Long, đã ứng hợp
với lời tiên tri của
Đức Cao Đài năm
1924:
Giờ này Thầy điếm
thăm công, Ngài
sau con sẽ gọi; RỜI
VỀ NGUYỄN

MÔN SANH CỦA CHIÊU
MINH TÌM THẤY 8 THẢO
LƯ MỘT BAO THƠ VỚI DI
NGÔN CỦA TIỀN BỜÌ:

Thầy,
Các em nhớ tâm
Thầy chẳng quên ta
72 hàng thơ
Chứng tâm khế Bờì.
Đức Bờì
22/08/1971
Chiêu

đầu tiên của Cao Đài (kỳ 14)

Lời: Bửu Long – Vẽ: Cọ Trắng



**PHƯƠNG DANH QUỸ ĐẠO TÂM CÔNG QUẢ
ẤN TỔNG KINH SÁCH DO CQPTGLĐĐẤ ẤN HÀNH**

CQPTGLĐĐẤ chân thành cảm tạ quý đạo hữu tiếp tục hỗ trợ đạo sự Ấn tổng từ 20/01/2019 đến 06/7/2019:

1. Đạo tâm Lâm Thị Kim Tuyền	1.000.000đ	27. Gia đình đạo tâm Phạm Thị Thơi	800.000đ
2. Gia đình cố đạo tâm Chí Nghĩa	1.000.000đ	28. Đạo tâm Lê sanh Kim Phương	500.000đ
3. Đạo tâm ấn danh	3.050.000đ	29. Đạo tâm Lê Minh Dũng	100.000đ
4. Cố đạo tâm Mai Thị Hạnh	1.200.000đ	30. Đạo tâm Nguyễn Thành Cung	1.000.000đ
5. Cố đạo tâm Nguyễn Thị Bi	10.000.000đ	31. Liên Hoa Cứu Cung Thiên Đạo Học Đường	2.000.000đ
6. Cố đạo tâm Mai Thị Bền	200.000đ	32. Đạo tâm Lương Thị Chi	500.000đ
7. Cố đạo tâm Võ Thành Tư	200.000đ	33. Đạo tâm Bùi Thị Sơn	100.000đ
8. Đạo tâm Bùi Công Danh	100.000đ	34. Cố đạo tâm Trần Thị Nữ	1.000.000đ
9. Đạo tâm Bùi Văn Vinh	2.500.000đ	35. Cố đạo tâm Nguyễn Thị Kiên	1.000.000đ
10. Đạo tâm Nguyễn Thị Mượt	100.000đ	36. Cố đạo tâm Trương Thị Chiên	500.000đ
11. Đạo tâm Hoàng & Lan Bùi	500.000đ	37. Đạo tâm Trần Ngọc Thủy – TT Trươc Mai	2.000.000đ
12. Đạo tâm Lê Thị Năm & Phan Thị Bằng	500.000đ	38. Thánh Tịnh Nguyệt Thanh Quang	1.000.000đ
13. Đạo tâm Đạt Chánh & Thủy Liễu	1.000.000đ	39. Vĩnh Nguyên Tư	1.000.000đ
14. Đạo tâm Nguyễn Ngọc Phúc Đăng	200.000đ	40. Cố đạo tâm Đạt Nguyên	1.000.000đ
15. Đạo tâm Trần Minh Nguyệt	500.000đ	41. Đạo tâm Nguyễn Thị Hồng & Đỗ Nguyễn Hồng Dung	300.000đ
16. Đạo tâm Lê Thị Ngọc Lan	200.000đ	42. Đạo tâm Xuân Diệu	500.000đ
17. Đạo tâm Phan Hoàng Phương Thảo	150.000đ	43. Đạo tâm Ngọc Tâm & Hồng Tuyết	500.000đ
18. Đạo tâm Nguyễn Hoàng Thiên Bảo	150.000đ	44. Đạo tâm Đạt Thông	200USD
19. Đạo tâm Chân Phương	120.000đ	45. Đạo tâm Lê Kim Phương	500.000đ
20. Đạo tâm Đào Thị Tấn	3.500.000đ	46. Đạo tâm Cao Văn Lợi & Dư Thị Bảo Hoà	1.000.000đ
21. Đạo tâm Phan Hoàng Vinh	200.000đ	47. Đạo tâm Chơn Minh	500.000đ
22. Đạo tâm Nguyễn Sanh	200.000đ	48. Đạo tâm Nguyễn Hữu Ngọc Trúc	2.000.000đ
23. Đạo tâm Lữ Minh Châu	100.000đ	49. Đạo tâm Phạm Thị Mỹ Thanh	300.000đ
24. Đạo tâm Tô Văn Tích	100.000đ	50. Đạo tâm Phạm Thị Trang	2.000.000đ
25. Đạo tâm Trần Văn Cường	50.000đ	51. Đạo tâm Trần Thị Hiệp	1.000.000đ
26. Đạo tâm Lê Thủy Quỳnh Như	50.000đ		

TỔNG CỘNG:

47.970.000đ và 200USD



SÁCH ẤN TỔNG
KHÔNG BÁN